

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI
VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME
COMMERCIAL JOINT STOCK
BANK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 2923/2023/CV-TGD5

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2023
Hanoi, day month year 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock
Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam/ *Vietnam
Maritime Commercial Joint Stock Bank*
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: MSB
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang
Thuong Ward, Dong Da district, Hanoi, Vietnam
 - Điện thoại/ *Telephone*: 024-37718989
 - Fax: 024-37718899
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Hoàng Linh
Chức vụ/ *Position*: Tổng Giám đốc/ *Chief Executive Officer*
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công bố Báo cáo thường niên năm 2022/ *Information disclosure on Annual Report 2022*

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân
thay đổi hoặc thay thế.

In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.


Lý do/ Reason:


Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 03/04 / 2023 tại đường dẫn : <https://www.msb.com.vn/nha-dau-tu>

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 03 / 04 /2023. Available at: <https://www.msb.com.vn/nha-dau-tu>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/
Attachment: 
Báo cáo thường niên

Đại diện tổ chức 

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HOÀNG LINH



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
NĂM 2022

Mục Lục

A. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

- | | | |
|---|---|-----|
| 1 | Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị | 4-6 |
| 2 | Thông điệp của Tổng Giám đốc | 7-9 |

B. THÔNG TIN CHUNG VỀ MSB

- | | | |
|-----|--|-------|
| 1 | Thông tin khái quát | 10 |
| 2 | Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, định hướng phát triển | |
| 2.1 | Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi | 10 |
| 2.2 | Chiến lược phát triển trung và dài hạn, các mục tiêu phát triển bền vững | 11 |
| 3 | Quá trình hình thành và phát triển | 12 |
| 4 | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 13-14 |
| 5 | Thông tin về cổ đông và cổ phiếu MSB | 15 |

C. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- | | | |
|-----|--|-------|
| 1 | Bối cảnh kinh tế vĩ mô | 16-17 |
| 2 | Năm 2022 – MSB nỗ lực vượt thách thức, hướng tới vươn tầm bền vững | |
| 2.1 | Các sự kiện nổi bật | 17-18 |
| 2.2 | Kết quả kinh doanh nổi bật | 18 |
| 2.3 | Báo cáo và đánh giá của Hội đồng điều hành | 19-34 |
| 2.4 | Tình hình hoạt động của các mảng kinh doanh cốt lõi | 35-45 |
| 3 | Quản trị rủi ro | 46-48 |
| 4 | Tổ chức và nhân sự | 48-54 |
| 5 | Hoạt động phát triển văn hóa MSB | 54-56 |
| 6 | Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án | 56-61 |
| 7 | Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của MSB | 61-73 |
| 8 | Hoạt động của công ty con – FCCOM | 74 |

D. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2023

- | | | |
|---|--|-------|
| 1 | Môi trường kinh doanh – Cơ hội và thách thức | 74-76 |
| 2 | Chiến lược phát triển | 76-77 |
| 3 | Các dự án trọng điểm triển khai năm 2023 | 77-78 |
| 4 | Các mục tiêu tài chính | 78-80 |

E. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG VỀ NGÂN HÀNG

- | | | |
|---|---|-------|
| 1 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng | 81 |
| 2 | Đánh giá về hoạt động của Hội đồng điều hành | 82 |
| 3 | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 82-83 |

F. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

- | | | |
|-----|--|--------|
| 1 | Tổng quan về quản trị ngân hàng | 84 |
| 2 | Hoạt động quan hệ nhà đầu tư | 84-85 |
| 3 | Tình hình thay đổi vốn chủ đầu tư chủ sở hữu | |
| 3.1 | Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 86 |
| 3.2 | Giao dịch cổ phiếu quỹ | 87 |
| 4 | Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Hội đồng điều hành | |
| 4.1 | Hội đồng quản trị | 87-94 |
| 4.2 | Ban Kiểm soát | 95-97 |
| 4.3 | Hội đồng điều hành | 97-102 |
| 5 | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Hội đồng điều hành và Ban Kiểm soát | 102 |

G. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG **103**

H. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2022

A. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Năm 2022 chúng ta đã chứng kiến nhiều biến động của nền kinh tế thế giới, rủi ro gia tăng với kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường tiền tệ nói riêng. Vượt qua nhiều thử thách, GDP Việt Nam vẫn ghi nhận tăng 8,02%, là mức tăng cao nhất giai đoạn 2011-2022. Năm qua cũng đánh dấu những nỗ lực của ngành ngân hàng trong việc điều hành chính sách một cách chủ động, góp phần kiểm soát lạm phát ở mức thấp so với khu vực, kinh tế tăng trưởng tích cực trong bối cảnh khó khăn hậu đại dịch Covid-19. Tuy những điểm sáng là tiền đề cho góc nhìn lạc quan nhưng sự thận trọng vẫn là yếu tố cốt lõi để mọi tổ chức trụ vững trong biến động.

Là một thành viên của hệ thống, MSB cũng phải đối mặt với nhiều “bài toán khó”. Những biến động về mặt bằng lãi suất cũng như sự điều tiết tăng trưởng tín dụng đã tác động trực tiếp tới kế hoạch kinh doanh đề xuất trước Đại hội đồng cổ đông. Song, bằng những biện pháp linh hoạt thích ứng trong điều hành, ngân hàng đã hoàn thành năm 2022 với những kết quả tương đối lạc quan. Đây cũng là một năm đáng ghi nhận khi MSB hoàn thành sớm kế hoạch 05 năm 2018 – 2023, đánh dấu bằng những chỉ số tăng trưởng mang tính bền vững, đạt mục tiêu trở thành ngân hàng thấu hiểu khách hàng và có lợi nhuận cao tại Việt Nam.

Thành quả trên có được một phần quan trọng là từ hành trình chuyển đổi số - động lực thúc đẩy việc chuyển dịch cách thức vận hành và kinh doanh. Sự đầu tư nghiêm túc vào hai dự án công nghệ trọng điểm là Nhà máy số (Digital Factory) và Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) đến năm 2022 đã thu hoạch những kết quả vượt trội, không chỉ tối ưu trải nghiệm khách hàng mà còn nâng cao hiệu suất nội bộ. Ra mắt 8 hành trình trải nghiệm khách hàng (Customer Journey – CJ), MSB đã tiến tới hoàn thiện việc số hóa hoàn toàn quy trình từ tiếp cận tới sử dụng chuỗi sản phẩm dịch vụ với khách hàng cá nhân cũng như khách hàng doanh nghiệp, thậm chí có thể đáp ứng tới từng nhóm phân khúc mục tiêu. Song song đó, hệ thống với hơn 6.000 cán bộ nhân viên và hơn 260 điểm giao dịch vật lý vẫn liên tục nỗ lực vượt qua khó khăn, không ngừng học hỏi và nâng cao kỹ năng, hướng tới cung cấp sản phẩm - dịch vụ chất lượng và thuận ích. Điều này cũng là minh chứng cho sự kiên định với chiến lược “Khách hàng là trọng tâm” mà MSB theo đuổi.

Bên cạnh đó, trong năm 2022, ngân hàng đã triển khai một số dự án nội bộ quan trọng và bước đầu gặt hái thành công, tiêu biểu như “Kiến trúc doanh nghiệp” (Enterprise Architecture - EA) được kỳ vọng giải quyết những thách thức cốt lõi của chuyển đổi số trên quy mô lớn, đảm bảo sự phù hợp của hệ thống công nghệ nền tảng với chiến lược kinh doanh tổng thể, hay “Chuyển đổi kinh doanh” (Sales Transformation) hướng tới gia tăng năng suất của đội ngũ bán hàng, cũng là động lực để đáp ứng tốt

hơn nữa nhu cầu thị trường. Mục tiêu “Đưa chuyển đổi số trở thành DNA của MSB” đang được thực thi một cách quyết liệt và hiệu quả, văn hóa số cũng lan tỏa nhanh chóng, mạnh mẽ tới từng thành viên.

Với tôn chỉ thúc đẩy kinh doanh song song với kiểm soát an toàn hoạt động, đặc biệt trong bối cảnh biến động, MSB đặc biệt chú trọng công tác quản trị rủi ro. Bắt nhịp tốc độ số hóa sản phẩm - dịch vụ, hệ thống quản trị rủi ro của ngân hàng đã thực hiện tốt vai trò là hàng rào phòng thủ quan trọng nhất khi dịch chuyển đồng bộ trên nhiều phương diện. Cùng với đó, MSB cũng đã hoàn thành triển khai chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS, lập báo cáo tài chính 2021-2022 theo chuẩn quốc tế này và đang tiến hành kiểm toán, sẵn sàng áp dụng cho các kì báo cáo tiếp theo. Đây là cơ sở để nâng tầm ngân hàng trong lộ trình hội nhập toàn cầu, đảm bảo minh bạch hóa và gia tăng niềm tin của các tổ chức quốc tế, nhà đầu tư cũng như cải thiện chất lượng quản trị của ngân hàng, từ đó tiến gần hơn đến mục tiêu trở thành ngân hàng đáng tin cậy và hoạt động hiệu quả không chỉ tại Việt Nam mà còn trong khu vực.

Trong xu thế toàn cầu về phát triển bền vững, MSB ý thức được vai trò của ngân hàng trong việc thực hiện mục tiêu tổng thể của quốc gia, từ đó dành sự ưu tiên hàng đầu cho các chiến lược theo định hướng này. Chính vì vậy, quý 4 năm 2022, MSB đã thành lập Ủy ban Phát triển bền vững, đồng thời ra tuyên bố chung, áp dụng đồng bộ trên các mảng hoạt động kinh doanh chính của ngân hàng để đảm bảo tăng trưởng ổn định, thúc đẩy phát triển nền kinh tế xanh, trung hòa lợi ích của các bên liên quan để giữ gìn một môi trường sống tốt hơn cho các thế hệ sau. MSB cam kết đẩy mạnh phát triển tín dụng xanh, chuẩn hóa các hoạt động đặc biệt là quản trị rủi ro môi trường - xã hội, chuyển đổi mô hình để trở thành một ngân hàng có trách nhiệm (responsible bank) trong tiến trình vươn tới hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững mang tính toàn cầu.

Từ những thành quả đã đạt được và hướng tới cam kết dài hạn, MSB đã hoàn thành việc tăng vốn lên 20.000 tỷ đồng vào cuối năm 2022 thông qua phát hành trên 458 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 30%) và 14,25 triệu cổ phiếu cho người lao động từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đây là cơ sở gia tăng năng lực cạnh tranh, củng cố nguồn vốn đệm nhằm chống chọi với những biến động tài chính có thể xảy ra, đồng thời cho phép ngân hàng tối ưu nguồn vốn và tập trung đầu tư cho những dự án tiềm năng mới. Bên cạnh đó, việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) cũng thể hiện cho văn hóa doanh nghiệp của MSB khi ghi nhận sự đóng góp của cán bộ nhân viên một cách thiết thực, khích lệ tinh thần làm việc và sự gắn bó lâu dài của người lao động.

Bước sang năm mới, MSB sẽ khởi động định hướng chiến lược 05 năm 2023 - 2027, tiếp tục chinh phục những đỉnh cao, gia tăng vị thế và nâng tầm thương hiệu ngân hàng trên thị trường. MSB đặt ra tầm nhìn trở thành ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt nhất dựa trên nền tảng số hóa hiện đại, tiếp tục đưa kênh số trở thành động lực chính cho tăng trưởng dài hạn. Song song đó, Hội đồng quản trị và Hội đồng điều hành cũng đang xây dựng kế hoạch và phương hướng cụ thể để đạt mục tiêu “Ngân hàng có lợi nhuận tỷ đô”. Dù chặng đường đã qua ghi dấu đầy tự hào, nhưng với những mục tiêu thách thức phía trước, trong bối cảnh còn nhiều rủi ro tiềm ẩn từ môi trường trong nước và quốc tế, toàn hệ thống

lãnh đạo, cán bộ nhân viên MSB vẫn luôn đặt ra câu hỏi “Có thể tốt hơn không?”. Đây là trăn trở, cũng là thách thức cho chặng đường của kế hoạch 5 năm tiếp theo, đòi hỏi sự nhất trí, đồng lòng và sẻ chia từ tất cả quý vị Cổ đông, Khách hàng và Đối tác.

Tôi tin tưởng rằng, với bài học về cách thức ứng phó với biến động được tích lũy trong những năm gần đây, cùng sự lạc quan, tự hào và chung chí hướng, chúng ta sẽ tiếp tục đưa MSB trở thành thương hiệu vững mạnh, mang tới giá trị cao nhất cho xã hội và cộng đồng.

Một lần nữa, tôi chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Quý vị đã đồng hành và tín nhiệm MSB trong 31 năm qua.

Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng,
TM. Hội đồng quản trị



Trần Anh Tuấn
Chủ tịch HĐQT

2. Thông điệp của Tổng Giám đốc

Kính thưa Quý Khách hàng, Đối tác và Cổ đông,

Năm 2022 là một dấu mốc quan trọng của MSB. Ngân hàng đã hoàn thành sớm kế hoạch 5 năm 2018-2023 với những kết quả ấn tượng. MSB đã có mức tăng trưởng kép thu nhập thuần hoạt động (CAGR) trong 3 năm gần nhất đạt 22%, hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm đề ra. Sau 5 năm, đến 2022, chỉ số chi phí trên thu nhập (CIR) cũng điều chỉnh giảm về mức 40%. Đặc biệt, chỉ số phản ánh sức khỏe tổ chức (OHI) qua khảo sát năm 2022 đã đạt 82 điểm, tăng 2 điểm so với mục tiêu và tăng 14 điểm so với năm 2019. Số lượng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp cũng có sự tăng trưởng vượt bậc tương ứng gần 117% và 60% so năm 2018, đạt gần 4 triệu khách hàng cá nhân và trên 72 nghìn khách hàng doanh nghiệp.

Với năm 2022, trước những khó khăn, thách thức của nền kinh tế, bằng sự quyết tâm chuyển đổi số, chiến lược linh hoạt, MSB đã ghi nhận những kết quả khả quan. Kết thúc năm tài chính, tổng tài sản của ngân hàng đạt gần 212.776 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 4,5% so với năm trước. Cho vay khách hàng đạt hơn 120.600 tỉ đồng, tăng trưởng gần 19% so với 2021. Huy động vốn từ khách hàng tăng khoảng 24% so với 2021 với trên 117.000 tỉ đồng. Trong đó, tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn - CASA trung bình năm chiếm 36% tổng tiền gửi, đứng thứ 3 trong ngành về tỷ lệ CASA trung bình năm cao nhất. Đây là nguồn vốn hiệu quả hỗ trợ đặc lực MSB giữ được biên lãi ròng (NIM) cao khi lãi suất đầu vào tăng. Với cơ cấu vốn hiệu quả, chi phí vốn được tối ưu nên MSB đạt kỷ lục về NIM - 4,5%. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt hơn 5.787 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 14% so với năm 2021.

Đóng góp cho những kết quả trên, tổng thu nhập thuần của ngân hàng đạt gần 10.700 tỷ đồng; trong đó, mảng kinh doanh cốt lõi – nghiệp vụ huy động và cho vay - có mức tăng trưởng ấn tượng khi mang lại thu nhập lãi thuần hơn 8.300 tỷ đồng, tăng 34% so với năm trước. Bên cạnh đó, kinh doanh ngoại hối tiếp tục là động lực chính cho mảng doanh thu ngoài lãi khi lãi thuần từ hoạt động kinh doanh của mảng này chiếm trên 1.000 tỷ đồng, gấp hơn 2,6 lần so với năm 2021. Cũng nhờ đó, năm 2022, MSB nằm trong Top 5 Nhà tạo lập và dẫn dắt thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại Việt Nam, Top 10 thị trường về doanh số giao dịch ngoại tệ với khách hàng doanh nghiệp và cá nhân.

Duy trì sự tăng trưởng ổn định, quản trị rủi ro được xem là yếu tố then chốt. Các chỉ số an toàn hoạt động của MSB được tuân thủ chặt chẽ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và theo chuẩn mực quốc tế. Trong năm 2022, MSB tập trung củng cố bảng cân đối, gia tăng nền tảng vững chắc từ khách hàng cá nhân (đẩy mạnh huy động và cho vay), giảm đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. Đặc biệt, ngân hàng cũng tăng cường công tác xử lý nợ. Tỷ lệ dư nợ cho vay trên huy động (LDR cho mảng ngân hàng) đạt mức 68,8% (so với giới hạn trần mức 85% theo quy định của NHNN) và tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung-dài hạn của mảng ngân hàng được kiểm soát ở mức 23,6% (so với mức trần yêu cầu 37% của NHNN). Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất tính toán theo thông tư 41 đạt 12,3%. Tỷ

lệ nợ xấu (NPL của mảng ngân hàng) theo thông tư 11/NHNN là 1,21%, dư nợ tái cơ cấu do đại dịch chỉ còn khoảng 1.400 tỷ đồng.

Với định hướng chiến lược phát triển bền vững, trong năm 2022, MSB đã tạo được các tiền đề cho hành trình 5 năm 2023 – 2027 và định hướng đây là giai đoạn đặt ra nhiều mục tiêu tham vọng. Bên cạnh những mục tiêu về “lượng” như lợi nhuận, vốn hóa, ngân hàng còn hướng tới thay đổi về “chất”. MSB sẽ tập trung cho chiến lược chuyển đổi số, xây dựng ngân hàng xanh trên cơ sở chú trọng quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp. Năm 2022, ngân hàng đã đưa ra tuyên bố về khẩu vị rủi ro, xây dựng chiến lược quản trị rủi ro số, từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro môi trường - xã hội (Environmental and Social Management System – ESMS) theo chuẩn quốc tế, không chỉ áp dụng cho hoạt động cấp tín dụng mà còn với những dịch vụ có chọn lọc khác. Bên cạnh đó, MSB đã đưa các quy chuẩn nhằm nâng cao các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp, đảm bảo minh bạch hóa. Quyết tâm này được minh chứng khi ngân hàng đã hoàn thiện chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS. Năm 2022 cũng đánh dấu khởi đầu cho MSB trong việc huy động thành công từ đối tác nước ngoài nguồn tín dụng xanh với giá trị 30 triệu USD. Với các cam kết theo hành trình “xanh hóa” của Việt Nam và toàn cầu, MSB quyết tâm đồng hành cùng khách hàng và đối tác trong chiến dịch phát triển bền vững này.

Về mảng số hóa, sau hơn 1 năm triển khai, ngân hàng đã và đang chuyển đổi những sản phẩm, quy trình hệ thống phức tạp sang những hành trình khách hàng đơn giản và thông suốt, chuyển dịch những công việc thủ công, giấy tờ thành quy trình được số hóa trọn vẹn. Năm 2022, nhiều hành trình số hóa mới được ra mắt cũng như không ngừng nâng cao, cải thiện các hành trình hiện hữu từ các sản phẩm tín dụng (thẻ chấp, tín chấp) cho khách hàng cá nhân, doanh nghiệp theo từng phân khúc đến các sản phẩm thẻ, bảo hiểm với những ưu điểm vượt trội về tính tiện ích, sự nhanh chóng và tối ưu trải nghiệm của khách hàng. Đồng thời với đó, quy trình, thủ tục nội bộ cũng được số hóa nhằm giảm 50% khối lượng công việc giấy tờ vào ngay trong năm 2023 này. Đây cũng là tiền đề để MSB đưa ra phương thức mới cho phép cán bộ nhân viên làm việc từ xa để tăng hiệu suất, nâng cao tính sẵn sàng đáp ứng và thích ứng linh hoạt trong mọi hoàn cảnh, môi trường trong tương lai gần.

Kết quả cho những nỗ lực của MSB không chỉ dừng lại ở những số liệu kinh doanh mà còn là sự ghi nhận của nhiều tổ chức uy tín trong và ngoài nước thông qua những giải thưởng: “Ngân hàng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2022” do Tạp chí The Global Economic trao tặng; top 10 Ngân hàng TMCP tư nhân uy tín năm 2022 theo công bố của Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report); giải thưởng “Ngân hàng có Khối lượng giao dịch ngoại tệ FX Matching cao nhất 2021” từ Refinitiv - London Stock Exchange Group; giải thưởng “Đột phá trong hoạt động phát hành thẻ 2022” do Mastercard trao tặng; giải thưởng “Ngân hàng doanh nghiệp sáng tạo nhất 2022” do Tạp chí World Economic công bố; hạng mục “Leadership in Payment Volume Growth” và “Leadership in Debit Payment Volume Growth” do VISA vinh danh...

Năm 2023, năm chuyển tiếp cho một giai đoạn chiến lược phát triển mới 2023-2027, MSB hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng có nền tảng số dẫn đầu thị trường với trải nghiệm dịch vụ khách hàng tốt nhất. Trên cơ sở nền tảng tích lũy qua nhiều năm phát triển, chiến lược thích ứng linh hoạt, Ban Lãnh đạo cùng hơn 6.000 cán bộ nhân viên MSB đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và một tâm thế chủ động đổi mới thách thức để đưa MSB vươn tầm bền vững. MSB đặt mục tiêu tổng tài sản đạt 230.000 tỉ đồng trong năm 2023, tăng 8% so với năm 2022; lợi nhuận trước thuế đạt 6.300 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 9%; tỷ lệ chi phí hoạt động trên doanh thu (CIR) thấp hơn 40%; tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng doanh thu thuần hoạt động trên 30%; tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn trên tổng tiền gửi (CASA) duy trì ở mức trên 33%. Trong đó, MSB xác định mảng khách hàng cá nhân còn rất nhiều tiềm năng để tăng trưởng và sẽ trở thành động lực tăng trưởng chính hướng tới kế hoạch tham vọng năm 2027: 1 tỷ USD sẽ là mốc lợi nhuận trước thuế mà chúng tôi kỳ vọng.

Để đạt được mục tiêu thách thức trên, MSB tiếp tục đẩy mạnh và phát huy ba nền tảng: số hóa tinh gọn và phân tích nâng cao; quản trị rủi ro chủ động và hiệu quả; tổ chức, con người và văn hóa liên tục đổi mới, sáng tạo, linh hoạt thích ứng, hướng tới khách hàng. Từ đây, MSB sẽ luôn đồng hành để mang tới các sản phẩm, dịch vụ tài chính thuận ích, tối ưu hóa trải nghiệm cho khách hàng, cùng Quý Khách hàng, Đối tác, Cổ đông và cộng đồng vươn tầm bền vững.

Xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công, hạnh phúc!

Trân trọng,



Nguyễn Hoàng Linh

Tổng Giám đốc

B. THÔNG TIN CHUNG VỀ MSB

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
 - Tên tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
 - Tên tiếng Anh: VIETNAM MARITIME COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
 - Tên giao dịch: MSB
 - Tên viết tắt: MSB
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 0200124891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2005 (chuyển từ GCN ĐKKD số 055501 do Trọng tài kinh tế (nay là Sở Kế hoạch và Đầu tư) thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/3/1992); đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 13/01/2023.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000.000 đồng
Bằng chữ: Hai mươi nghìn tỷ đồng.
- Địa chỉ hội sở chính: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (024) 3771 8989
- Số fax: (024) 3771 8899
- Website: www.msb.com.vn
- Mã cổ phiếu: MSB
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng.
- Địa bàn kinh doanh: Tại ngày 31/12/2022, MSB có 1 Hội sở chính, 62 chi nhánh, 201 phòng giao dịch tại 51 tỉnh thành trên toàn quốc.

2. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, định hướng phát triển

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

- Tầm nhìn
Trở thành ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ
- Sứ mệnh
Vì một cuộc sống thuận ích hơn
- Giá trị cốt lõi
 - **Trách nhiệm:** Người MSB luôn đặt trách nhiệm lên hàng đầu và vì vậy luôn nỗ lực để làm đúng, làm đủ, làm đến cùng.
 - **Lắng nghe:** Người MSB luôn lắng nghe chân thành để thấu hiểu khách hàng, đối tác, cổ đông và đồng nghiệp.

- **Tôn trọng:** Người MSB bình đẳng, tôn trọng nhau và cũng tôn trọng những nội quy, nguyên tắc trong công việc.
- **Sáng tạo:** Người MSB luôn được khuyến khích cải tiến và đưa ra những sáng kiến hữu ích
- **Hiệu quả:** Hiệu quả là thước đo cho mọi công việc tại MSB.

2.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn, các mục tiêu phát triển bền vững

MSB là một trong những ngân hàng tiên phong triển khai chuyển đổi số trên thị trường, định hướng trở thành ngân hàng có nền tảng số dẫn đầu và trải nghiệm dịch vụ khách hàng tốt nhất. Từ định hướng đó, MSB tập trung số hóa sản phẩm và quy trình nội bộ, cải tiến phương thức làm việc, thay đổi tư duy bằng việc triển khai các chương trình chuyển đổi lớn từ cốt lõi nền tảng công nghệ, đem tới các sản phẩm - dịch vụ ngân hàng tiên tiến, có giá trị cao cho khách hàng.

Là ngân hàng TMCP đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, MSB luôn ý thức vai trò tiên phong của mình trong việc đồng hành cùng khách hàng trên hành trình kinh doanh và mọi dự định tài chính, chung tay đưa Việt Nam vươn tầm, phát triển mạnh mẽ và bền vững. Chính vì vậy, mọi chiến lược hành động của MSB đều hướng tới mục tiêu này, đồng thời cải thiện chất lượng cuộc sống cho người Việt và sự phát triển của doanh nghiệp Việt bằng những trải nghiệm sản phẩm dịch vụ tài chính thuận ích nhất. Song song, MSB cũng xây dựng cho cán bộ nhân viên môi trường làm việc lý tưởng, giúp mỗi cá nhân kiến tạo và nâng tầm sự nghiệp, tạo lập một cuộc sống hạnh phúc.

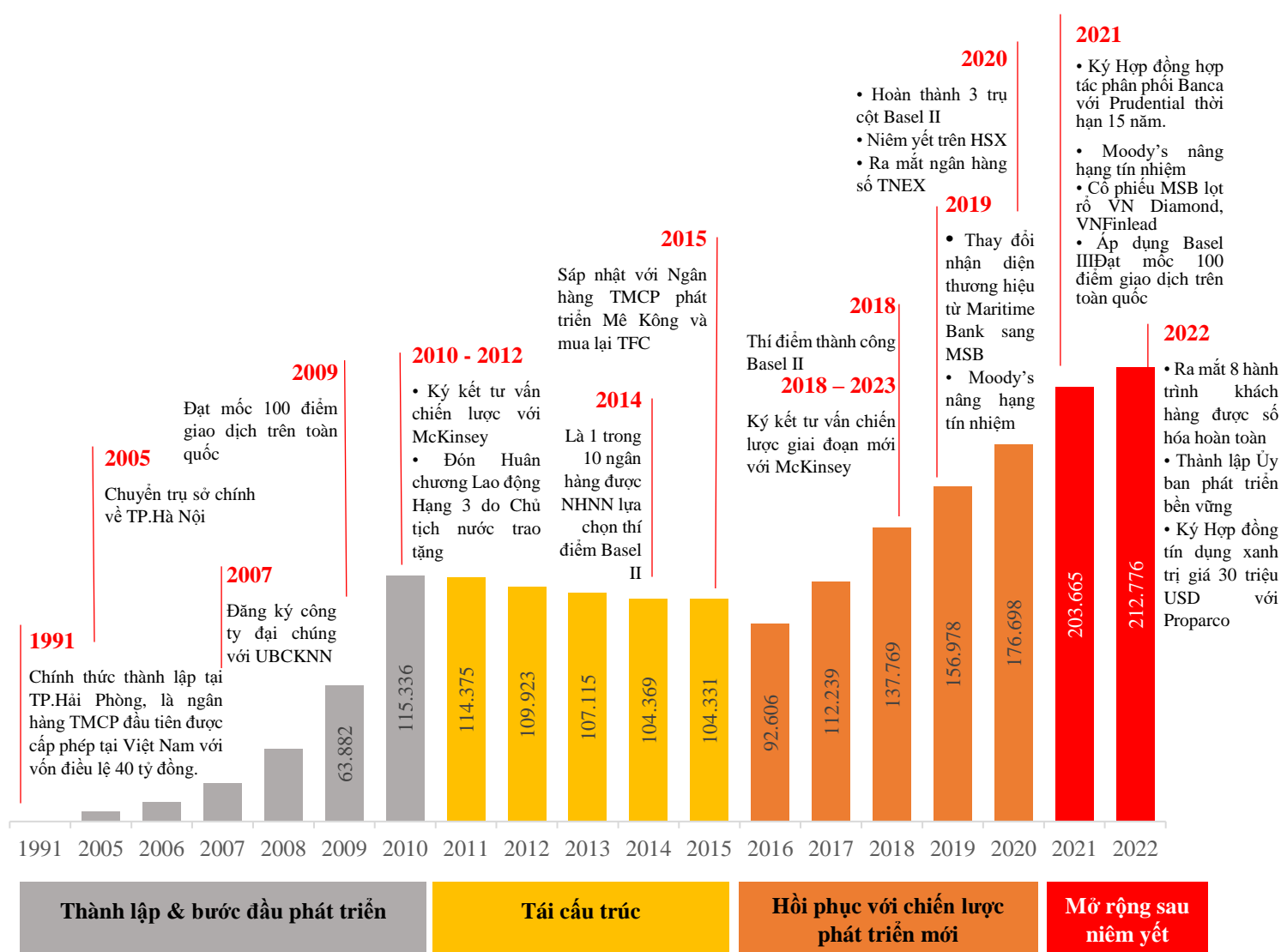
Trên hành trình đó, MSB luôn giữ vững cam kết đối với khách hàng, cán bộ nhân viên và nhà đầu tư, cụ thể:

- Khách hàng luôn cảm thấy hạnh phúc, hài lòng về sự thuận tiện và lợi ích nhận được khi sử dụng sản phẩm dịch vụ của MSB;
- Cán bộ nhân viên luôn cảm thấy hạnh phúc, có động lực làm việc tốt nhất và vươn tầm sự nghiệp tại MSB;
- Ngân hàng đạt hiệu suất lợi nhuận cao giúp cổ đông luôn tin tưởng vào sự phát triển bền vững, bứt phá của MSB;

3. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) thành lập năm 1991 tại thành phố Hải Phòng. Trải qua 31 năm xây dựng, với quy mô vốn điều lệ lên tới 20.000 tỷ đồng cùng đội ngũ hơn 6.000 cán bộ nhân viên trình độ cao, MSB đã phát triển, trở thành một trong những ngân uy tín tại Việt Nam, cung cấp toàn diện các giải pháp tài chính ngân hàng cho mọi đối tượng khách hàng trong nền kinh tế.

Vốn điều lệ (tỷ đồng)



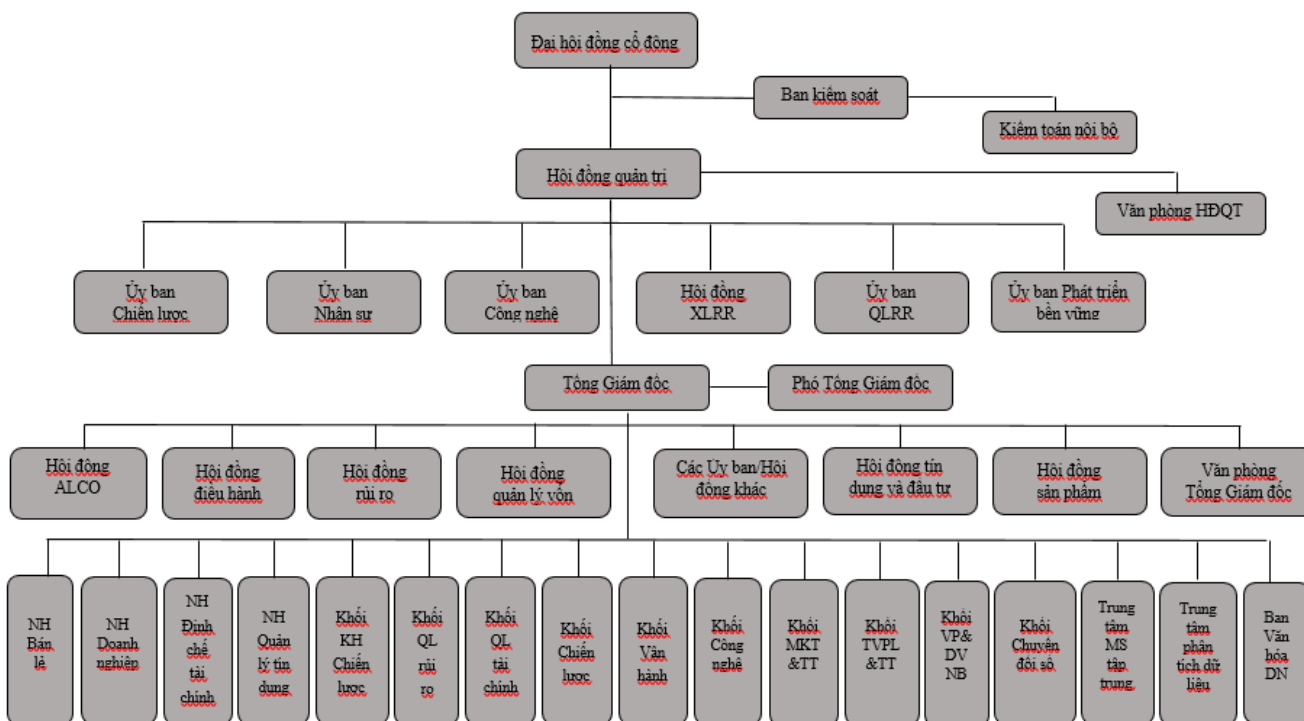
Thành lập & bước đầu phát triển

Tái cấu trúc

Hồi phục với chiến lược phát triển mới

Mở rộng sau niêm yết

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề quan trọng của MSB theo quy định của pháp luật và Điều lệ. ĐHĐCĐ hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. ĐHĐCĐ có quyền thông qua định hướng phát triển của MSB, bầu, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thực hiện các quyền hạn khác.

- **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

HĐQT là cơ quan quản trị của MSB, có toàn quyền nhân danh MSB quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MSB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT của MSB bao gồm 07 thành viên trong đó có 01 thành viên độc lập và 06/07 thành viên không phải là người điều hành; Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT.

HĐQT thành lập các Ủy ban làm tham mưu cho HĐQT trong việc quản trị ngân hàng, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Hiện nay, có các đơn vị sau: Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Xử lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược, Ủy ban Công nghệ, Ủy ban Phát triển Bền vững, Văn phòng HĐQT.

- **Ban kiểm soát (BKS)**

Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT. Ban Kiểm soát của MSB có 03 thành viên và đều là thành viên chuyên trách.

Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của MSB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

- **Tổng Giám đốc – Người đại diện pháp luật của MSB**

Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của MSB, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của ngân hàng, chịu sự giám sát của HĐQT và BKS, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ của MSB.

Hiện tại, nhân sự giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Chánh văn phòng Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối/Ban và các Hội đồng chuyên môn bao gồm: Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng Sản phẩm, Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có (ALCO), Hội đồng Điều hành, Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng và Đầu tư. Các đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc: Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng Định chế tài chính, Khối Khách hàng chiến lược, Ngân hàng Quản lý tín dụng, Khối Vận hành, Khối Quản lý rủi ro, Khối Quản lý tài chính, Khối Marketing và Truyền thông, Khối Tư vấn pháp lý và tuân thủ, Khối Công nghệ, Khối Chiến lược, Khối Chuyển đổi số, Khối Văn Phòng & Dịch vụ nội bộ, Trung tâm mua sắm tập trung, Trung tâm phân tích dữ liệu nâng cao, Ban Văn hóa doanh nghiệp.

Cơ cấu tổ chức của MSB được thiết kế đảm bảo phân tách giữa hoạt động kinh doanh và hỗ trợ: Các Ngân hàng chuyên doanh (NHCD) tập trung vào hoạt động phát triển, thúc đẩy khách hàng. Các đơn vị hỗ trợ đảm bảo vai trò chuyên môn hóa như vận hành, công nghệ, quản lý rủi ro.

Các NHCD đi theo định hướng phân khúc khách hàng. MSB triển khai cấu trúc quản lý nội bộ theo mô hình mỗi ngân hàng chuyên doanh như một ngân hàng nhỏ - “bank in bank model” – tự chủ trong quản lý chi phí, doanh thu, lợi nhuận và từ đó tiến độ triển khai các nhiệm vụ, yêu cầu rất thông suốt và hiệu quả.

- **Công ty con:**

Trong năm 2022, MSB chỉ có một công ty con là Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (FCCOM).

- Địa chỉ: Tầng KT tòa nhà văn phòng Thăng Long – Thăng Long Tower, số 98, phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3259 5063
- Vốn điều lệ đăng ký: 500.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của MSB: 100%

- Lĩnh vực kinh doanh: Huy động vốn, cấp tín dụng, các hoạt động khác.
- Công ty liên kết: MSB không có công ty liên kết.

5. Thông tin về cổ đông và cổ phiếu MSB

- Mã chứng khoán: MSB
- Niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh – HSX kể từ ngày 23/12/2020
- Tại thời điểm 31/12/2022:
 - Vốn điều lệ: 20.000 tỷ đồng, vốn điều lệ tăng từ 15.275 tỷ đồng (tại 31/12/2021) lên 20.000 tỷ đồng trong năm 2022 thông qua chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 30% và phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động.
 - Vốn hóa: 25.000 tỷ đồng
 - Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.000.000.000 cổ phiếu
 - Tổng số lượng chứng khoán đăng ký: 2.000.000.000 cổ phiếu
 - Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 1.985.750.000 cổ phiếu*
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0
 - Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Trong nước	28.960	1.406.113.770	14.061.137.700.000	70,3%
	- Tổ chức	107	784.359.405	7.843.594.050.000	39,2%
	- Cá nhân	28.853	621.754.365	6.217.543.650.000	31,1%
2	Nước ngoài	97	593.886.230	4.582.498.930.000	29,7%
	- Tổ chức	20	511.392.587	5.113.925.870.000	25,6%
	- Cá nhân	77	82.493.643	824.936.430.000	4,1%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
	TỔNG CỘNG	29.057	2.000.000.000	20.000.000.000.000	100%

- Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng với cổ đông nội bộ:
 - Hội đồng quản trị: 18,6 triệu cổ phiếu*
 - Ban kiểm soát: 0,61 triệu cổ phiếu*
 - Cổ phần hạn chế chuyển nhượng của người lao động MSB tham gia Chương trình lựa chọn cho người lao động: 32,1 triệu cổ phiếu**

(Nguồn: Danh sách cổ đông MSB chốt tại ngày 3/1/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – VSD cung cấp)

*Tại ngày 31/12/2022, Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh - HSX đang trong quá trình rà soát hồ sơ niêm yết bổ sung của MSB. Ngày 4/1/2023 MSB nhận quyết định thay đổi đăng ký niêm yết số 09/QĐ-SGDHCM với tổng số cổ phiếu MSB niêm yết là 2.000.000.000 cổ phiếu.

* Theo quy định tại khoản 1, Điều 56, Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

** Bao gồm ESOP phát hành năm 2021 và 2022, tính cả ESOP được phát hành cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

C. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Bối cảnh kinh tế vĩ mô

Nền kinh tế toàn cầu đối mặt với những thách thức lớn trong năm 2022 và dự báo tăng trưởng suy giảm trong năm 2023. Cuộc chiến tại Ukraine đẩy giá cả lên cao, đặc biệt là giá năng lượng, làm gia tăng áp lực lạm phát vào thời điểm mặt bằng giá đã tăng mạnh giai đoạn hậu Covid-19. CPI của Mỹ, Anh và khu vực EU lập đỉnh vào quý 3/2022 với mức tăng 2 con số so với cùng kỳ, rồi hạ nhiệt dần trong những tháng cuối năm mặc dù vẫn còn ở mức cao. Giá hàng hóa cơ bản, năng lượng và nông sản tăng vọt sau khi sự kiện Ukraine nổ ra, sau đó quay đầu giảm trong giai đoạn nửa cuối năm. Tính đến cuối năm 2022, chỉ số giá hàng hóa toàn cầu vẫn ghi nhận mức tăng 18% so với năm trước.

Để đối phó với lạm phát, động thái thắt chặt tiền tệ, nâng lãi suất đã được hầu hết các ngân hàng trung ương áp dụng. Có khoảng 90 ngân hàng trung ương tăng lãi suất trong năm 2022. Riêng Fed có tất cả 7 đợt nâng lãi suất, trong đó có 4 đợt tăng liên tiếp với bước nhảy lớn 0,75 điểm phần trăm, đưa lãi suất chính sách của Fed lên tới 4,5% - mức cao nhất trong vòng 15 năm.

Trong bối cảnh đó, thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu tăng trong quý 2/2022, sau đó chậm lại trong nửa cuối năm. Chỉ số đơn đặt hàng xuất khẩu mới PMI cho thương mại dịch vụ và chế biến chế tạo giảm sâu từ tháng 10. Triển vọng tăng trưởng kinh tế năm 2023 trở nên kém lạc quan với mức tăng trưởng được hầu hết các tổ chức quốc tế dự báo thấp hơn năm 2022. Cập nhật báo cáo tháng 12/2022, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức 3,2% trong năm 2022 và hạ xuống 2,7% trong năm 2023. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2022 đạt 3,1% và sẽ chậm lại ở mức 2,2% vào năm 2023. Fitch Ratings (FR) dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 2,6% trước khi giảm xuống còn 1,4% trong năm 2023. World Bank vừa công bố báo cáo cho rằng, kinh tế thế giới đã chậm lại đáng kể và tiến gần tới mức suy thoái lần thứ hai liên tiếp chỉ trong vòng 3 năm. Tổ chức này dự báo GDP toàn cầu năm 2023 chỉ tăng 1,7% (giảm 1,3 điểm phần trăm so dự báo hồi tháng 06/2022). Trong các nền kinh tế lớn, nước Mỹ tăng 0,5% (giảm 1,9 điểm phần trăm); Eurozone không tăng trưởng 0,0% (giảm 1,9 điểm phần trăm) và Nhật Bản tăng 1,0% (giảm 0,3 điểm phần trăm). Ở thị trường mới nổi và đang phát triển, Trung Quốc được dự báo tăng 4,3% (giảm 0,9 điểm phần trăm); Indonesia tăng 4,8% (giảm 0,5 điểm phần trăm) và Thái Lan tăng 3,6% (giảm 0,7 điểm phần trăm).

Với kinh tế trong nước, tăng trưởng GDP quý IV đạt 5,92%, cả năm tăng 8,02%, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Kinh tế Việt Nam năm 2022 có khá nhiều điểm tích cực. Lạm phát được kiểm soát, chỉ số CPI bình quân năm 2022 tăng 3,15% - thấp hơn nhiều so với mức mục tiêu 4%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả năm ước đạt 730 tỷ USD, tăng 9,1% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 10,5% và nhập khẩu tăng 7,8%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu kỷ lục 12,4 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI giải ngân đạt 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 ước đạt 238 tỷ USD, tăng 19,8% so cùng kỳ, loại

trừ yếu tố giá, còn tăng 15,6%. Tổng số thu ngân sách Nhà nước năm 2022 ước đạt 1,8 triệu tỷ đồng, bằng 127,8% dự toán, tăng 15% so với năm 2021; cân đối ngân sách cả năm thặng dư 241 nghìn tỷ đồng.

Nền kinh tế chủ yếu khởi sắc trong 3 quý đầu năm nhưng đã bộc lộ nhiều vấn đề đáng quan ngại từ quý 4/2022. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu quý 4 giảm 6,5% (quý 2 tăng 21%, quý 3 tăng 17%); các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như điện thoại, linh kiện, điện tử, máy tính, máy móc, thiết bị, dệt may đều giảm mạnh. Cầu tiêu dùng thấp, quy mô doanh thu lưu trú ăn uống năm 2022 chỉ bằng 71% điều kiện bình thường trước dịch Covid-19; quy mô doanh thu du lịch lữ hành cũng bằng 40%. Bên cạnh đó, chi đầu tư phát triển chỉ đạt gần 83% kế hoạch cả năm. Vốn FDI đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần giảm 11% so với năm 2021.

Năm 2023 được đánh giá là khá thách thức khi kinh tế thế giới giảm tốc, áp lực lạm phát trong nước gia tăng, đặc biệt từ độ trễ của yếu tố lạm phát nhập khẩu và từ áp lực điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý. Trong bối cảnh sản xuất và xuất khẩu gặp khó khăn, động lực cho tăng trưởng kinh tế trông đợi chủ yếu vào đầu tư công và cầu nội địa. Nghị quyết 01/NQ-CP 2023 của Chính phủ nêu rõ mục tiêu phấn đấu tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đạt 9%. Bên cạnh đó, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 cũng ở mức rất cao: 726,7 nghìn tỷ đồng, tăng 38,1% so với dự toán năm 2022. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 6,5% và CPI bình quân dưới 4,5% trong năm 2023.

Nhằm đạt các mục tiêu dự kiến, các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng nhất đã được định hướng trong Nghị quyết 01 vừa ban hành: “Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng và các chính sách khác; điều hành kịp thời các công cụ chính sách vĩ mô, tài khóa, tiền tệ để cân bằng hợp lý, hiệu quả giữa tỷ giá với lãi suất, giữa kiểm soát lạm phát với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phù hợp với tình hình thực tiễn”.

2. Năm 2022 – MSB nỗ lực vượt thách thức, hướng tới vươn tầm bền vững

2.1. Các sự kiện nổi bật

- Hoàn thành sớm các mục tiêu chiến lược 5 năm 2018 – 2023: Tổng thu thuần đạt 10.700 tỷ đồng – cao hơn 5% so với mục tiêu chiến lược 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 5.787 tỷ đồng – cao hơn 24% so với mục tiêu, tỉ lệ CASA trung bình năm đạt hơn 36% - cao hơn mốc 33% theo định hướng, tỉ lệ nợ xấu chỉ 1,21%, số lượng hành trình khách hàng được số hóa trong năm 2022 cũng gấp 2 lần kế hoạch chiến lược.
- Top 3 nhà tạo lập thị trường về khối lượng và giá trị giao dịch trái phiếu chính phủ, Top 10 về doanh số giao dịch ngoại tệ với khách hàng doanh nghiệp và cá nhân, top 5 và là nhà tạo lập trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng

- Ra mắt 8 hành trình trải nghiệm khách hàng (Customer Journey – CJ dành khách hàng cá nhân cũng như khách hàng doanh nghiệp); triển khai thành công nhiều dự án quan trọng: “Dự án kiến trúc doanh nghiệp” (Enterprise Architecture Design Project), “Chuyển đổi bán hàng” (Sales Transformation), “Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS”.
- Thành lập Ủy ban Phát triển bền vững với sự tham gia của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng điều hành.
- Đạt mức tăng trưởng NIM kỷ lục, từ 3,63% năm 2021 lên 4,5% năm 2022.
- Đảm bảo tốt công tác quản trị rủi ro và tính thanh khoản: Chỉ số CAR đạt 12,3% và NPL hợp nhất được kiểm soát ở mức 1,24%, nợ tái cơ cấu và danh mục trái phiếu doanh nghiệp đều giảm.
- Tăng trưởng ấn tượng của khối khách hàng cá nhân khi doanh thu và lợi nhuận tăng lần lượt là 36% và 57% so với 2021.
- Thu nhập phí Banca tăng trưởng 42% năm 2022 sau khi loại trừ khoản phí trả trước (upfront fee) thu trong năm 2021.

2.2. Kết quả kinh doanh nổi bật

- Tổng tài sản: 212.776 triệu đồng (tăng trưởng năm: 4,5%)
- Vốn điều lệ: 20.000 tỷ đồng (tăng trưởng năm: 31%)*
- Vốn chủ sở hữu: 26.654 tỷ đồng (tăng trưởng năm: 21%)
- Tăng trưởng tín dụng hợp nhất: 17,8% (so với 14,5% của cả ngành)
- Lợi nhuận trước thuế: 5.787 tỷ đồng (tăng trưởng năm: 14%)
- Lãi thuần từ cơ cấu lại danh mục trái phiếu Chính phủ: 683 tỷ đồng (tăng trưởng năm: 95%)
- Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối: 1.000 tỷ đồng (tăng trưởng năm: 161%)
- Tăng trưởng doanh thu Banca: 42% so với 2021, mức tăng đột phá nhờ tối ưu mô hình và số hóa
- Tỷ lệ CASA trung bình năm: 36% (2021: 32%), đứng thứ 3 trong ngành
- Biên lãi ròng - NIM: 4,5% (2021: 3,6%)
- Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất - CAR: 12,33% (2021: 11,52%)
- Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất - NPL: 1,24% (2021: 1,20%)
- ROAA: 2,31% (2021: 2,10%)
- ROAE: 18,44% (2021: 19,82%)
- Lần đầu huy động vốn quốc tế cho tín dụng xanh: 30 triệu USD
- Tăng trưởng số lượng khách hàng cá nhân gần 1 triệu khách hàng (tăng trưởng năm: 32%)

* Vốn điều lệ đã tăng lên 20.000 tỷ đồng đồng khi MSB hoàn thành phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm 2022. Tuy nhiên, do thời gian hoàn thành các thủ tục vào tháng cuối năm nên ngày 9/1/2023, MSB mới nhận được Quyết định 45/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của MSB với mức vốn mới là 20.000 tỷ đồng. Ngay sau đó, ngân hàng hạch toán số sách, thay đổi Điều lệ ngân hàng và ngày 13/1/2023 MSB nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo mức vốn mới này.

2.3. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng điều hành

2022 – Tiếp tục chinh phục những thử thách và từng bước tạo nền tảng cho phát triển bền vững

Vượt qua đại dịch trong các năm 2020-2021 cùng các thành tựu kinh tế, xã hội được đánh giá cao, Việt Nam tiếp tục đối diện năm 2022 với nhiều tác động tiêu cực từ chính sự, kinh tế thế giới và ảnh hưởng kéo dài từ thời gian Covid-19. Cùng với đó, sự bất ổn về địa chính trị, khủng hoảng năng lượng, chính sách thắt chặt tiền tệ của các ngân hàng trung ương trên thế giới tiếp tục là những yếu tố tiêu cực tác động trực tiếp đến kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn được đánh giá tích cực với tăng trưởng GDP năm 2022 ở mức 8,02% so với mức 2,58% của năm 2021. CPI trung bình năm 2022 tăng 3,15% so với 2021, đạt mục tiêu kiểm soát dưới 4%. Các nhân tố chính hỗ trợ kinh tế Việt Nam năm 2022 có thể kể đến là: Công nghiệp chế biến chế tạo hoạt động tốt do cầu tới từ trong nước và quốc tế, các ngành dịch vụ và du lịch phục hồi, dòng vốn FDI tiếp tục được đổ vào và hỗ trợ tốt nền kinh tế, các cơ chế chính sách tài khóa linh hoạt bù đắp được biến động giá nhiên liệu cao, các hiệp định thương mại tự do tạo cơ chế tốt cho các doanh nghiệp...

Ngành ngân hàng cũng đóng góp đáng kể trong quá trình nỗ lực vực lại nền kinh tế Việt Nam năm qua. Với tăng trưởng dư nợ tín dụng cả năm khoảng 14,5% so với cuối năm 2021, các ngân hàng đã đáp ứng được phần nào nhu cầu vốn của nền kinh tế. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tăng đồng điệu với xu hướng chung của thế giới và được kiểm chế tốt qua các chính sách của cơ quan quản lý. Thị trường ngoại hối tuy có biến động nhưng cũng đã ổn định vào những tháng cuối năm. Các chính sách liên quan trái phiếu doanh nghiệp được đưa ra nhằm kiểm soát nguồn vốn huy động từ trái phiếu và cũng gây khó khăn hơn cho việc tìm kiếm nguồn vốn. Các ngân hàng có danh mục đầu tư trái phiếu lớn cần tái cấu trúc danh mục này nhằm đảm bảo các yêu cầu của cơ quan quản lý. Có thể thấy, trong cả năm 2022, các ngân hàng ưu tiên kiểm soát rủi ro, đảm bảo thanh khoản, ổn định bảng cân đối và đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ, số hóa, phát triển sản phẩm, đào tạo nhân lực.

Trong bối cảnh phải đối mặt với những khó khăn hậu đại dịch, những tác động tiêu cực khó lường từ chính sự và kinh tế thế giới cộng thêm các vấn đề về khủng hoảng niềm tin trong nước, MSB trước tiên đã thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ khách hàng, đưa các sản phẩm thuận ích và nâng cao trải nghiệm cho các đối tượng này, đảm bảo vận hành kinh doanh hiệu quả, quản trị rủi ro được tăng cường, đặc biệt là vấn đề đảm bảo thanh khoản trong những giai đoạn khó khăn của thị trường chung. Ngân hàng cũng đã hoàn thành phần lớn các kế hoạch tham vọng đặt ra từ đầu năm và đặt các nền móng vững vàng cho chiến lược chuyển mình vào giai đoạn thúc đẩy phát triển bền vững.

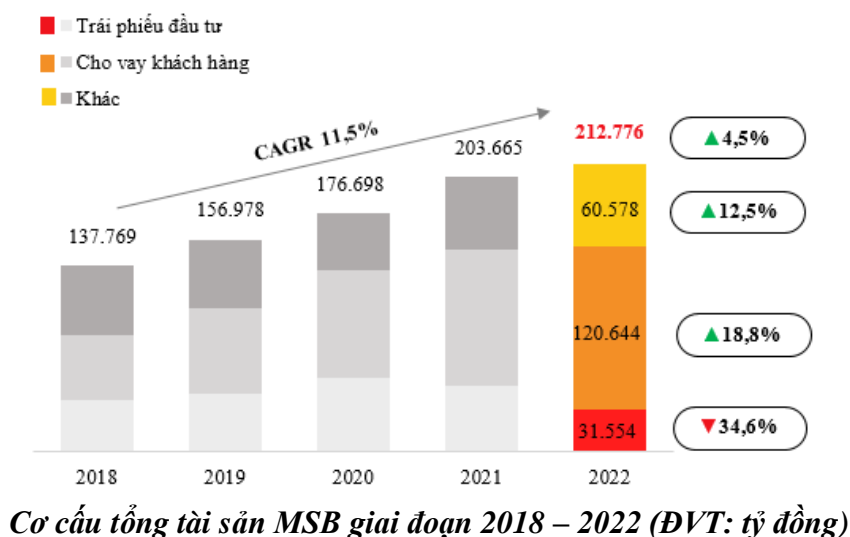
Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 14% đạt mốc 5.787 tỷ đồng; tăng trưởng tín dụng được NHNN cấp là 16,35%, chỉ số này theo số liệu hợp nhất chạm mức 17,8%; hệ số NIM của MSB lập mốc cao lịch sử ở 4,5% khi ngành ngân hàng nói chung chịu tác động mạnh của chi phí lãi suất huy động cao. Một trong những yếu tố hỗ trợ tốt ngân hàng trong năm có nhiều biến động lãi suất là khả năng thu hút tiền

gửi không kỳ hạn (CASA). Tỷ lệ CASA trên tổng tiền gửi trung bình năm của MSB đạt 36%, giữ vị trí top 3 trong ngành ngân hàng, đây là nguồn vốn chi phí thấp, hiệu quả và được MSB tập trung đẩy mạnh tăng trưởng trong các năm qua.

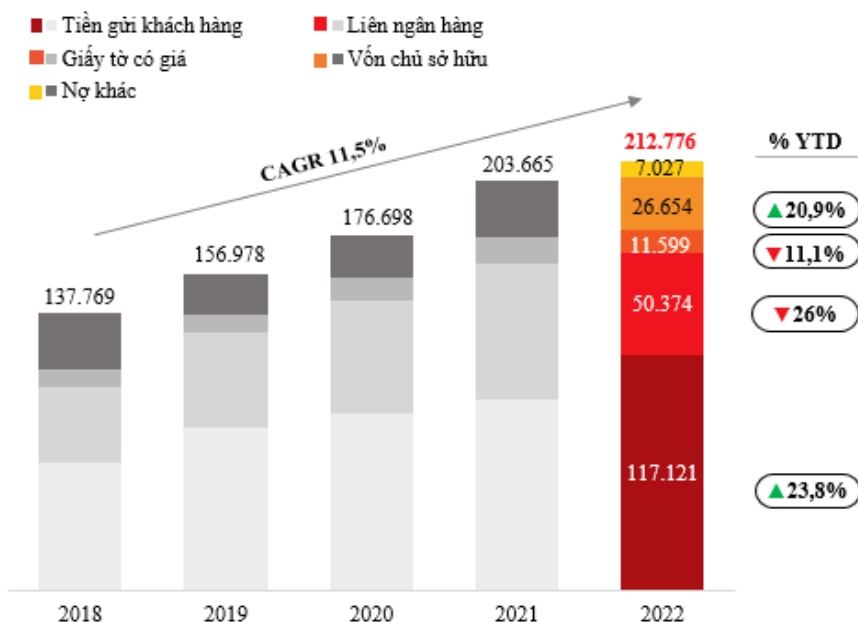
Năm 2022, MSB cũng thu hút thêm khoảng gần 1 triệu khách hàng mới, đưa tổng số khách hàng lên gần 4 triệu. Các dự án số hóa, chuyển đổi quy trình làm việc, thúc đẩy năng lực bán hàng đã dần phát huy hiệu quả, thể hiện qua các con số tăng trưởng ấn tượng về khối lượng và giá trị giao dịch qua kênh điện tử. Tiêu biểu là với mảng khách hàng cá nhân, giá trị giao dịch qua kênh điện tử tăng trưởng 32% so với năm 2021 và gấp 2,4 lần năm 2020; số lượng giao dịch của khách hàng cá nhân cũng tăng đến 61% so với 2021 và gấp 3 lần năm 2020. Với tệp khách hàng được mở rộng, MSB cũng ghi nhận các thành tích mới liên quan đến giao dịch ngoại tệ của khách hàng, doanh số này cán mức 1 tỷ USD/tháng đưa MSB lọt vào top 10 ngân hàng trên thị trường về mảng này. Đây cũng là năm thứ 3 liên tiếp MSB được vinh dự nhận giải thưởng là ngân hàng có khối lượng giao dịch ngoại tệ cao nhất và giao dịch năng động nhất qua hệ thống giao dịch điện tử FX Matching theo thống kê số liệu của Refinitiv - đơn vị cung cấp thông tin và dữ liệu tài chính hàng đầu thế giới. Với sự nỗ lực của hơn 6.000 cán bộ nhân viên, sự đồng lòng và quyết tâm chinh phục các mục tiêu của một tổ chức chuyên nghiệp, sự sáng tạo và quyết đoán của Hội đồng quản trị và Hội đồng điều hành, MSB tự hào khi thứ hạng của ngân hàng đã tăng tới 159 bậc theo bảng xếp hạng 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do The Asian Banker công bố vào quý 4/2022, từ vị trí thứ 356 của kỳ đánh giá trước lên vị trí thứ 197 cho năm 2022.

2.3.1. Tổng tài sản và cơ cấu nguồn vốn bằng cân đối

I. Tổng tài sản



Tổng tài sản của MSB tăng trưởng xấp xỉ 4,5% so với 2021, đạt mức 212.776 tỷ đồng, ngân hàng ghi nhận mức tăng trưởng kép hàng năm cho giai đoạn 2018-2022 với mức 11,5%. Tổng cho vay khách hàng chiếm 56,7% trong tổng tài sản với mức tăng trưởng gần 19% cho năm 2022. Trái phiếu đầu tư có mức giảm tương đối, chỉ còn 31.554 tỷ đồng so với mức 48.257 vào 31/12/2021, MSB đã tái cơ cấu danh mục đầu tư trái phiếu Chính phủ với số lượng lớn vào nửa đầu năm 2022, trước khi lãi suất của thị trường vào chu kỳ tăng. Lượng trái phiếu đầu tư này được ngân hàng mua từ các năm trước và khi thoái vốn một phần đã đem về lợi nhuận tốt cho ngân hàng: khoảng 683 tỷ đồng lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư cho cả năm 2022. Đây là hành động rất quyết đoán trong một năm nhiều biến động như năm qua, kinh nghiệm của nhà tạo lập thị trường trái phiếu Chính phủ là một trong những yếu tố giúp MSB có mức lợi nhuận từ đầu tư trái phiếu này. Với mục tiêu làm vững mạnh bảng cân đối, MSB cũng đã bán một số tài sản gắn nợ trong năm làm giảm khoản mục Tài sản có khác, danh mục tài sản gắn nợ này sẽ được ngân hàng xử lý mạnh tay trong thời gian tới nhằm tăng tỷ trọng tài sản sinh lời, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

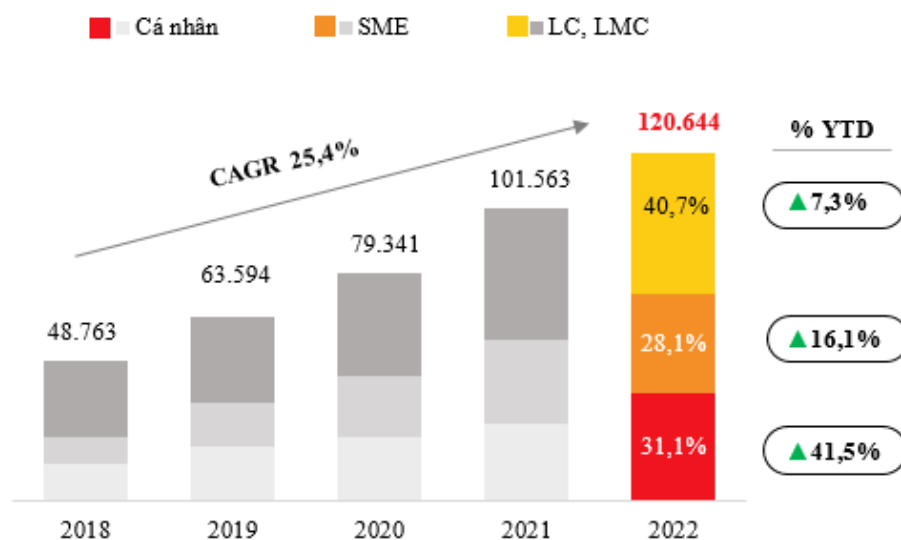


Cơ cấu nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của MSB giai đoạn 2018 – 2022 (ĐVT: tỷ đồng)

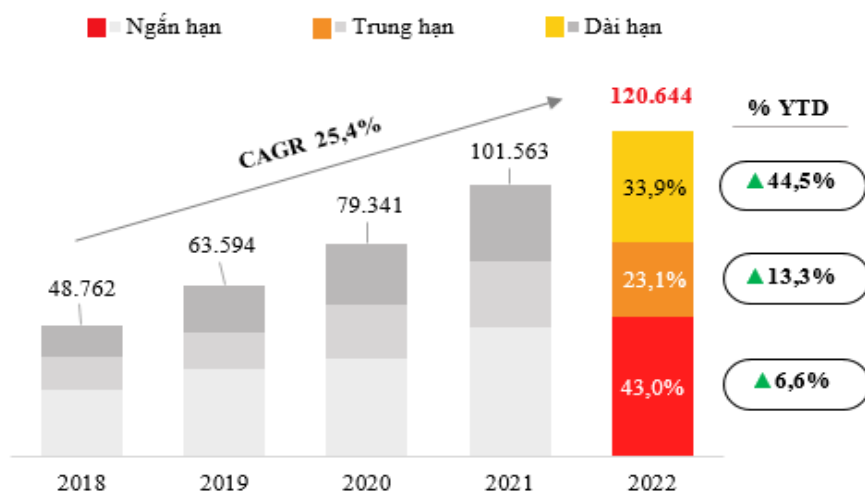
Cơ cấu nợ phải trả và tiền gửi năm 2022 cũng thể hiện chiến lược được triển khai đúng hướng khi lượng tiền gửi của khách hàng tăng đến 23,8% năm 2022, đạt 117.121 tỷ đồng, đồng thời tiền gửi và vay từ thị trường liên ngân hàng giảm đến 26%. Cơ cấu vốn huy động từ khách hàng được đánh giá là nguồn vốn tốt, có tính bền vững và hiệu quả được tăng cao khi tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn cao. Nguồn vốn chủ sở hữu của ngân hàng cũng tăng 21% trong năm, đạt hơn 26.650 tỷ đồng, vốn điều lệ của ngân hàng được tăng từ 15.275 tỷ đồng lên 19.857 tỷ đồng thông qua trả cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Vốn điều lệ tiếp tục được tăng từ 19.857 tỷ đồng lên tròn 20.000 tỷ đồng thông qua phát hành

14,25 triệu cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022, tuy nhiên MSB chưa hạch toán mức vốn điều lệ này do thời gian hoàn thành các thủ tục kéo sang đầu năm 2023*

II. Cho vay khách hàng



Phân bổ cho vay khách hàng theo phân khúc của MSB giai đoạn 2018 – 2022 (ĐVT: tỷ đồng)



Phân bổ cho vay khách hàng theo kỳ hạn của MSB giai đoạn 2018 – 2022 (ĐVT: tỷ đồng)

MSB đã ghi dấu ấn tích cực về tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn chiến lược 2018 - 2022 nhờ tăng trưởng cho vay khách hàng tốt. Trong giai đoạn này, chỉ số tăng trưởng kép của tổng cho vay khách hàng đạt mức 25,4%. Năm 2022, NHNN cấp tăng trưởng tín dụng cho MSB theo mức cao trong trung

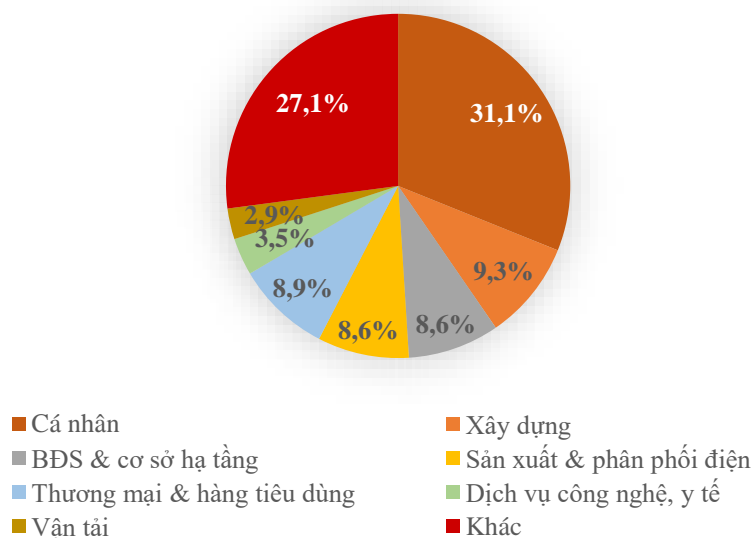
* Ngày 9/1/2023, MSB nhận công văn số 45/QĐ-NHNN ban hành về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của MSB theo vốn điều lệ 20.000 tỷ đồng. Ngày 10/1/2023 MSB đã sửa đổi Điều lệ ngân hàng theo vốn điều lệ mới và 13/1/2023 MSB nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 theo vốn điều lệ mới.

bình ngành: 16,35% cho mảng ngân hàng và 17,8% khi hợp nhất với tăng trưởng của công ty con – FCCOM. Tổng cho vay khách hàng của MSB đạt mức 120.644 tỷ đồng, đáng chú ý là tỷ trọng cho vay mảng khách hàng cá nhân có mức tăng khá ấn tượng, từ 26,1% tổng lượng cho vay khách hàng cho năm 2021 lên 31,1% tại 31/12/2022, đây cũng là tệp khách hàng được mở rộng khá ấn tượng trong năm qua, với gần một triệu khách hàng cá nhân mới.

Về kỳ hạn cho vay, tổng cho vay khách hàng được phân bổ theo tỷ trọng các kỳ hạn như sau: 43% dành cho vay ngắn hạn, 23,1% cho vay trung hạn và 33,9% cho vay dài hạn. Với nhiều biến động trong các năm gần đây, để đảm bảo quản trị rủi ro các khoản vay, MSB cũng hướng tới các khoản vay có tài sản đảm bảo tốt và có tính thanh khoản cao. Tỷ trọng các khoản vay có tài sản đảm bảo trong tổng cho vay khách hàng được tăng từ 82% năm 2021 lên 87% cho năm 2022.

Đối với các khoản vay của khách hàng doanh nghiệp, MSB có sự dịch chuyển tích cực khi tỷ trọng cho vay ngành nghề có tiềm năng rủi ro cao đã giảm, ngân hàng hướng tới hỗ trợ các khách hàng thuộc lĩnh vực xuất nhập khẩu, thương mại, sản xuất... có năng lực hồi phục tốt sau đại dịch và đặc biệt là các khách hàng có chiến lược hướng tới phát triển bền vững, cụ thể là:

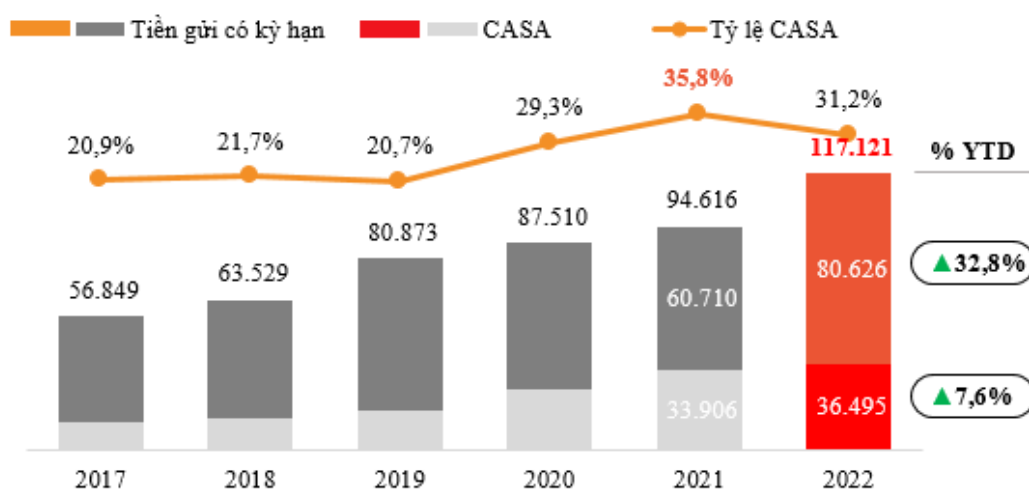
- Cho vay lĩnh vực kinh doanh bất động sản và cơ sở hạ tầng đã giảm từ 11,95% tổng danh mục cho vay của ngân hàng tại 31/12/2021 xuống còn 8,6% tại 31/12/2022;
- Cho vay ngành xây dựng giảm tỷ trọng từ 13,96% (tại cuối năm 2021) xuống còn 9,3% (tại cuối năm 2022) trong tổng cho vay khách hàng.
- Tăng tỷ trọng đáng kể cho vay ngành sản xuất và phân phối điện, năng lượng và ngành dịch vụ công nghệ, khoa học công nghệ, dịch vụ hành chính, hỗ trợ giao dục y tế, thông tin và truyền thông.



**Danh mục cho vay khách hàng doanh nghiệp theo lĩnh vực tính đến 31/12/2022
(ĐVT: tỷ đồng)**

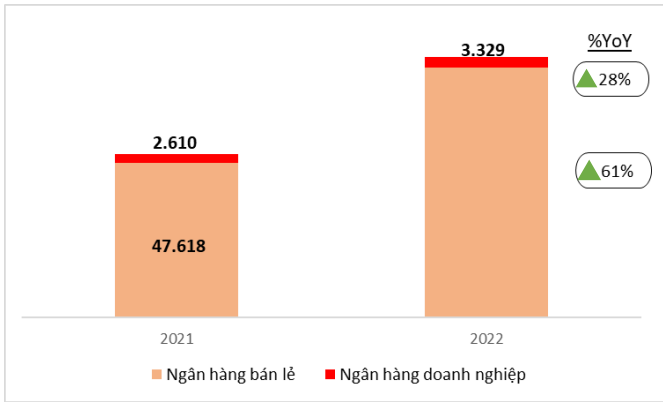
Phân bổ các loại hình sản phẩm vay với khách hàng cá nhân cũng có sự thay đổi khi tệp khách hàng này tăng trưởng mạnh về số lượng. Tỷ trọng vay theo loại hình thẻ tín dụng của MSB tăng trưởng mạnh lên đến 78%, cho vay tiêu dùng và vay mua oto giảm. Theo thống kê của ngân hàng, số lượng sản phẩm sử dụng bởi một khách hàng được tăng đáng kể trong năm vừa qua, cụ thể là trung bình một khách hàng cá nhân sử dụng khoảng 2,87 sản phẩm ngân hàng, tăng trưởng 8% so với năm 2021 và 10% so với năm 2020. Con số này, dự tính sẽ tăng gấp 2 đến năm 2027. Theo định hướng chiến lược dài hạn, mảng khách hàng cá nhân sẽ là động lực chính cho tăng trưởng của MSB. Ngân hàng đẩy mạnh đầu tư cho phát triển sản phẩm, số hóa và các công cụ gia tăng năng suất của đội ngũ bán hàng kể từ đầu năm 2022 nên các thành quả của quá trình này đã phần nào hiện hữu với kết quả sau gần 1 năm triển khai.

III. Nguồn vốn huy động và cơ cấu tiền gửi khách hàng

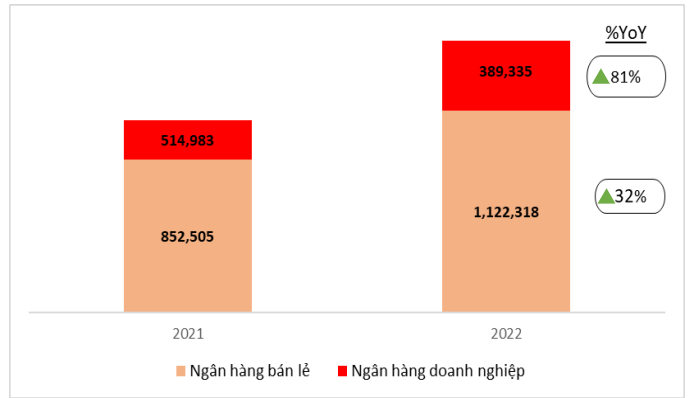


*Tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn của MSB giai đoạn 2017 – 2022 (tại 31/12 hàng năm)
(ĐVT: tỷ đồng)*

Năm 2022, các ngân hàng nói chung trên thế giới và Việt Nam đều phải đối diện với các biến động bất lợi của lãi suất kể từ nửa cuối năm. Với tệp khách hàng được tăng trưởng khoảng 26% năm 2022, kết hợp với việc thiết kế sản phẩm theo từng nhu cầu khách hàng cụ thể, cá nhân hóa dịch vụ, MSB đã thu hút được lượng tiền gửi khách hàng tăng trưởng 23,8% năm 2022, đạt 117.121 tỷ đồng. Đẩy mạnh số hóa và đầu tư công nghệ giúp MSB tăng trưởng mạnh về kênh số. Số lượng và giá trị giao dịch qua kênh số ở cả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp đều có những đột phá, cụ thể như sau:

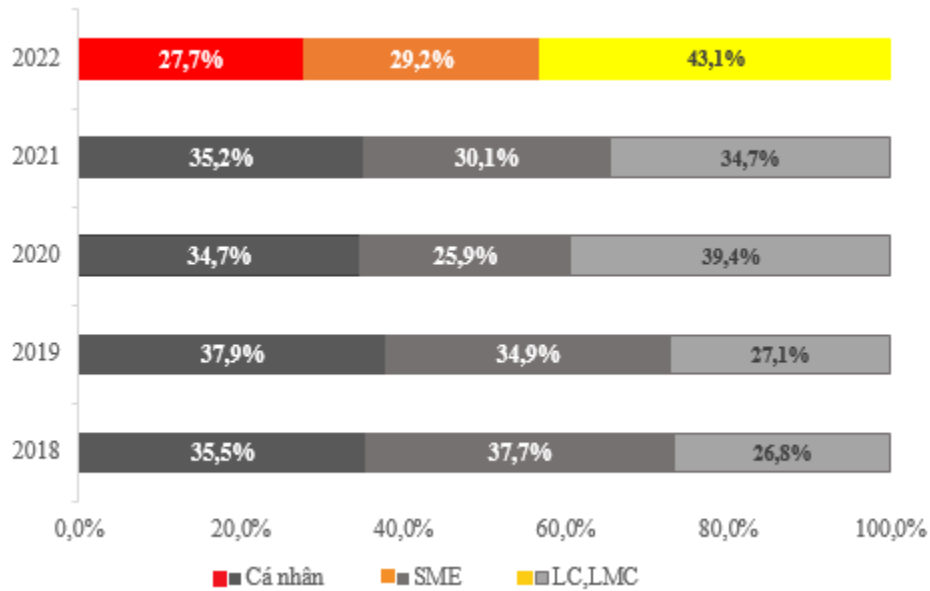


Cơ cấu về khối lượng giao dịch trên e-banking của MSB năm 2021 – 2022
(ĐVT: nghìn giao dịch)

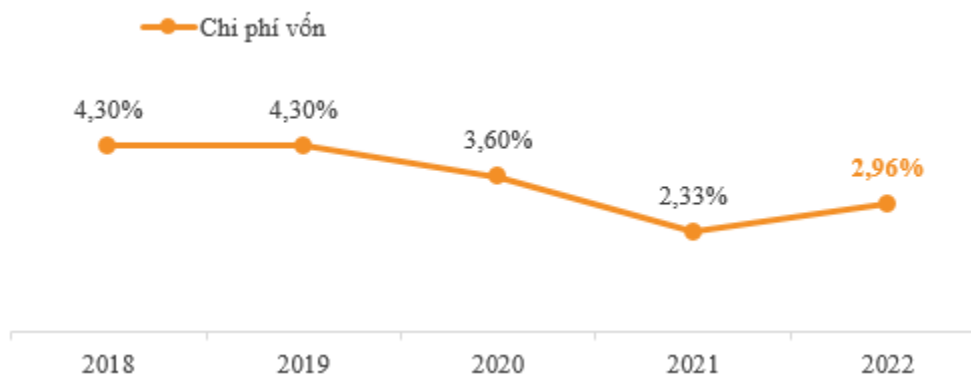


Cơ cấu về giá trị giao dịch trên e-banking của MSB năm 2021 – 2022
(ĐVT: tỷ đồng)

Nền tảng số thông minh, thân thiện với người dùng và nhiều sản phẩm thuận ích đã thu hút khách hàng sử dụng kênh số, đây là yếu tố chính đóng góp vào hiệu quả huy động tiền gửi không kỳ hạn (CASA) của MSB. Tính trung bình cho cả năm 2022, MSB có tỷ lệ CASA/Tổng tiền gửi đạt mức gần 36%, đứng Top 3 trong ngành. Với lượng tiền gửi không kỳ hạn đạt gần 36.500 tỷ đồng, MSB đã tối ưu hóa nguồn vốn, nguồn huy động chi phí thấp này đã hỗ trợ ngân hàng kìm chế mức tăng chi phí vốn của cả năm trong khi biến động lãi suất khá bất lợi vào nửa cuối năm.



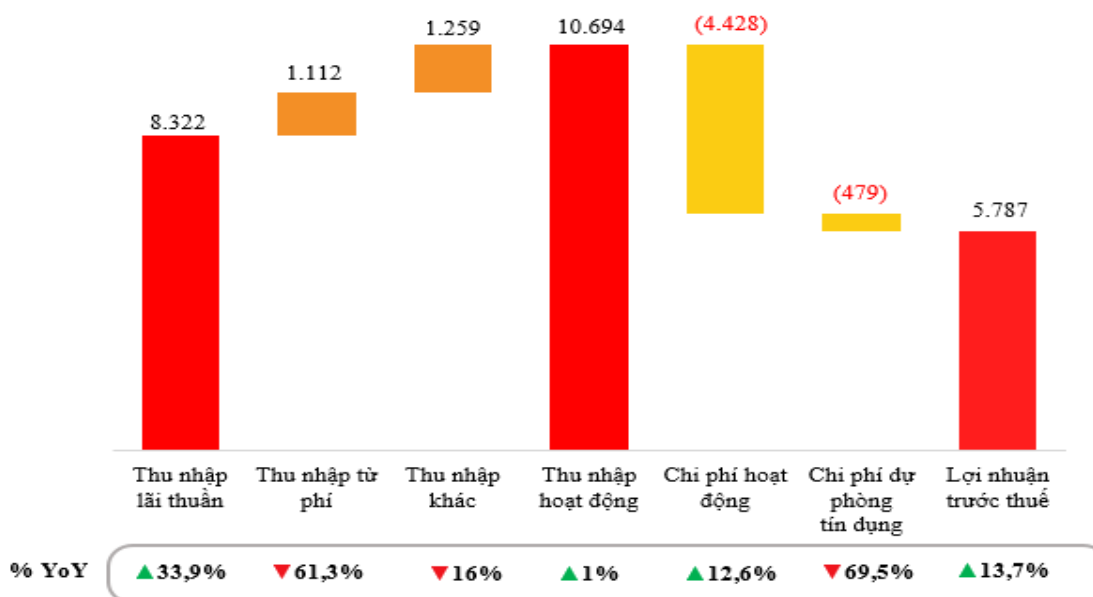
Tỷ trọng đóng góp CASA theo phân khúc giai đoạn 2018 – 2022



Chi phí vốn của MSB giai đoạn 2018 – 2022

2.3.2. Tổng thu nhập hoạt động và Lợi nhuận

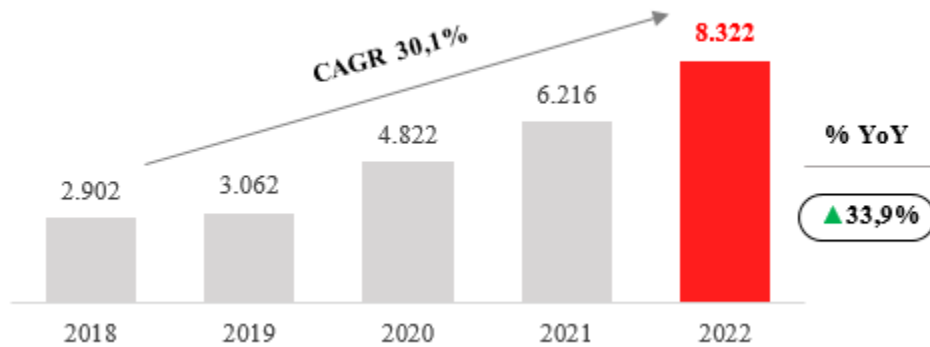
I. Tổng thu nhập hoạt động (TOI)



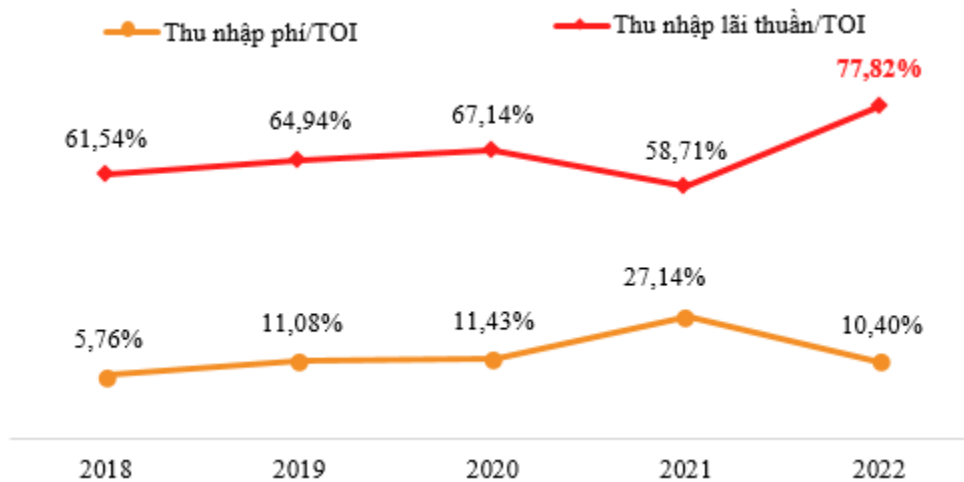
Cơ cấu thu nhập năm 2022 của MSB và so sánh với năm 2021 (ĐVT: tỷ đồng)

Ngân hàng đạt mức tổng thu nhập hoạt động (TOI) gần 10.700 tỷ đồng năm 2022, trong đó tăng trưởng thu nhập từ lãi thuần (NII) đạt gần 34% với 8.322 tỷ đồng. Các hoạt động kinh doanh tạo nguồn thu từ lãi của ngân hàng tăng trưởng tương đối mạnh mẽ. Tỷ lệ tăng trưởng kép của NII từ 2018 đến nay đạt trên 30% và biên lãi ròng đạt mức cao lịch sử ở mức 4,5% trong năm 2022. Điều này đến từ việc kiểm soát chi phí vốn đầu vào hiệu quả của MSB. Tỷ lệ tăng trưởng kép giai đoạn 2018 đến 2022 của TOI và lợi nhuận trước thuế của ngân hàng lần lượt đạt 22,7% và 53,1%.

Với động lực chính từ hoạt động kinh doanh cốt lõi – doanh thu từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng Bán lẻ và Ngân hàng Doanh nghiệp đóng góp phần lớn trong tổng thu nhập hoạt động.



Thu nhập lãi thuần của MSB giai đoạn 2018 – 2022 (ĐVT: tỷ đồng)



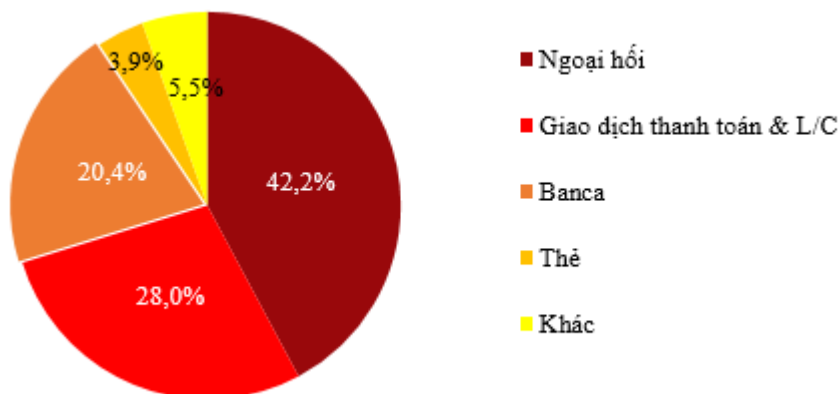
Tỷ trọng đóng góp vào Tổng thu thuần của MSB giai đoạn 2018 – 2022

MSB hướng tới mục tiêu tỷ lệ doanh thu ngoài lãi đạt mốc 30% trong TOI, mục tiêu này được kỳ vọng lớn vào khả năng hiện thực hóa bởi Khối Ngân hàng Bán lẻ khi tỷ trọng đóng góp của đơn vị này trong tổng doanh thu ngoài lãi khoảng hơn 40% vào năm 2022.

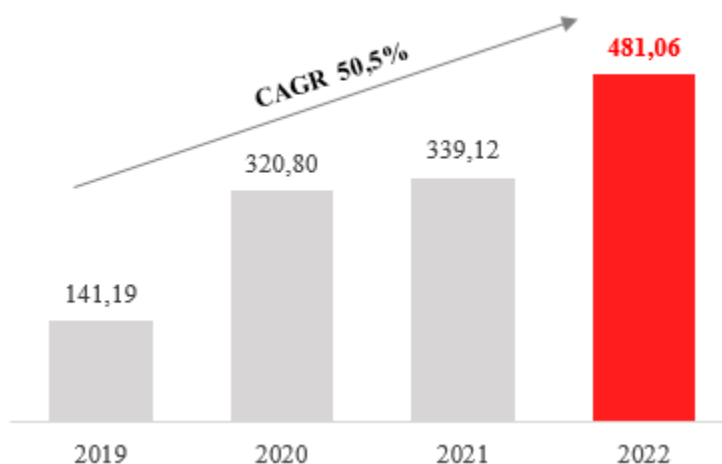
Trong các dịch vụ đóng góp cho doanh thu ngoài lãi của ngân hàng, năm 2022, MSB có bước đột phá trong lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, tăng hơn 2,6 lần so với năm 2021. Với hoạt động này, MSB là ngân hàng có khối lượng giao dịch ngoại tệ cao nhất và giao dịch năng động nhất qua hệ thống giao dịch điện tử FX Matching theo thống kê số liệu của Refinitiv cho hoạt động giao dịch ngoại tệ liên ngân hàng. Đồng thời, lọt Top 10 ngân hàng có lượng giao dịch ngoại tệ lớn nhất, hoạt động này cũng đóng góp đến 9,36% trong tổng thu nhập hoạt động của MSB.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh ngoại hối, sản phẩm banca được xác định là trụ cột tăng trưởng chính trong các khoản thu thuần ngoài lãi. Doanh thu bán sản phẩm banca được định hướng chú trọng và duy

trì tốc độ tăng trưởng thấp nhất 30% mỗi năm. Nếu loại bỏ nguồn thu từ phí ứng trước (upfront fee) của MSB năm 2021 khi ký hợp đồng độc quyền với Prudential, doanh thu từ banca tăng trưởng 42% năm 2022 và ghi nhận tỷ lệ tăng trưởng kép giai đoạn 2018 – 2022 ở mức trên 50%. MSB đã chuyển đổi thành công mô hình bán sản phẩm banca từ phương thức giới thiệu sang phương thức bán trực tiếp kể từ quý 3/2022. Do đó, doanh thu từ phí sẽ cao hơn và khai thác tốt chiến lược bán chéo sản phẩm mà ngân hàng đang theo đuổi.

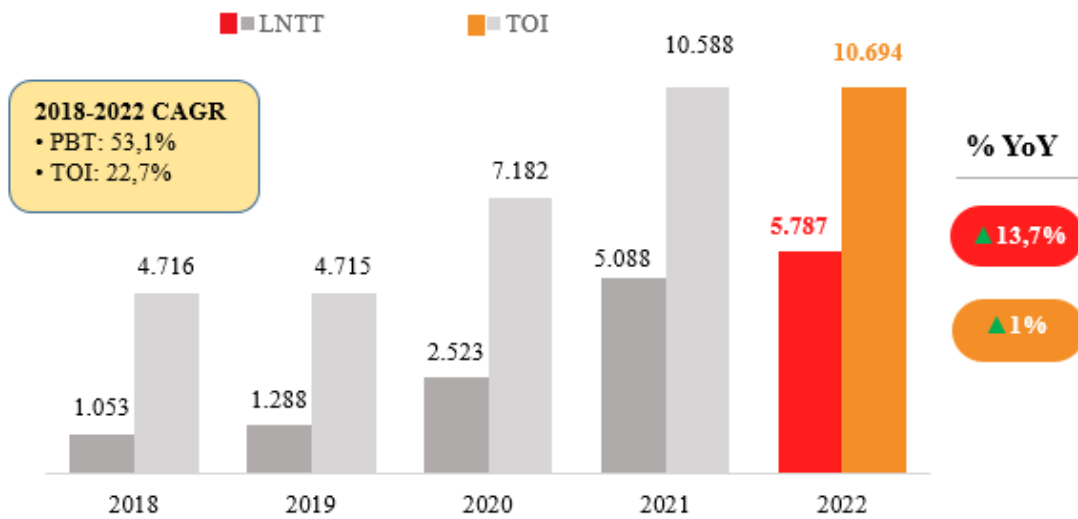


Cơ cấu thu nhập từ phí năm 2022 của MSB

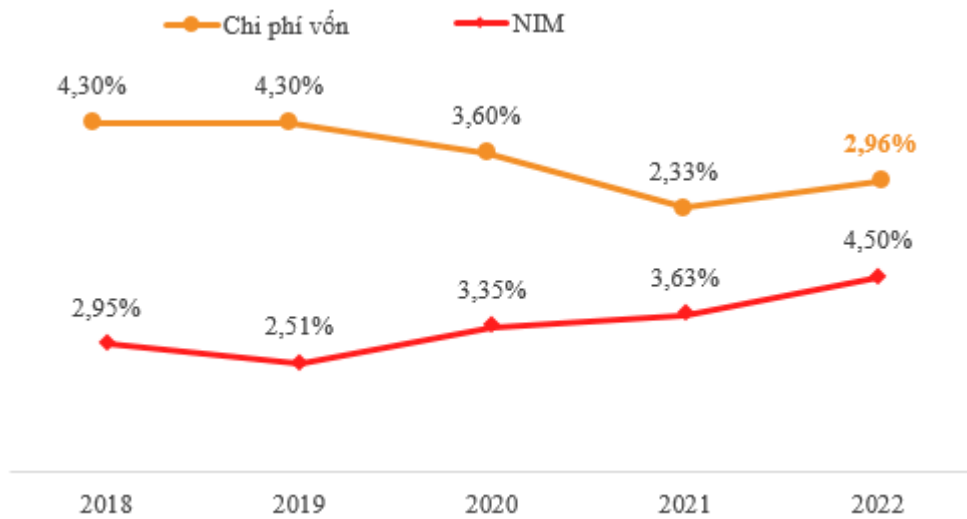


**Phí phân phối bảo hiểm qua kênh ngân hàng tại MSB giai đoạn 2019 – 2022
(ĐVT: tỷ đồng)**

Với mục tiêu tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động trong thời gian tới, trợ lực cho ngân hàng chính là các dự án trọng điểm về số hóa và công nghệ được đầu tư trong hai năm gần đây nhằm gia tăng tiện ích, tối ưu hóa hành trình trải nghiệm cho khách hàng, gia tăng năng lực cạnh tranh của MSB trên thị trường.



Tổng thu thuần (TOI) và lợi nhuận trước thuế (PBT) của MSB giai đoạn 2018 – 2022
(ĐVT: tỷ đồng)

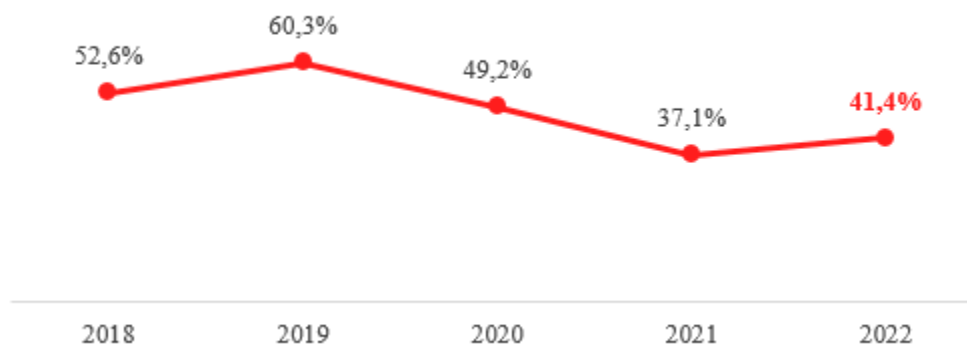


Chi phí vốn và biên lãi thuần của MSB giai đoạn 2018 – 2022

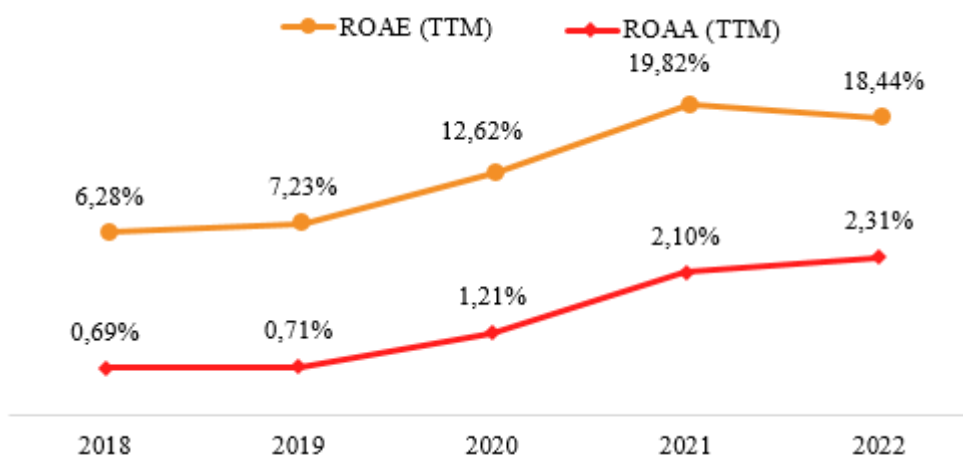
II. Chi phí, cơ cấu chi phí và lợi nhuận

Năm 2022, MSB đẩy mạnh nguồn lực triển khai các dự án trọng điểm. Do đó, ngân hàng đã có sự gia tăng đáng kể về số lượng nhân sự với trên 1.100 người. Tương ứng, chi phí cho nhân viên tăng từ 2.397 tỷ đồng lên 2.648 tỷ đồng. Đồng thời, nhằm hỗ trợ tốt nhất cho cuộc sống của người lao động, MSB cũng có mức tăng thu nhập bình quân tháng cho mỗi nhân sự, tăng từ mức 27,2 triệu đồng/tháng/người năm 2021 lên mức 34 triệu đồng/tháng/người năm 2022. Bên cạnh đó, chi phí cho hoạt động quản lý công vụ cũng tăng khoảng 20% so với năm 2021 do hoạt động của doanh nghiệp nói riêng và nhịp sống

trước đại dịch Covid-19 nói chung đã trở lại bình thường. Các khoản công tác phí, hội họp cũng gia tăng nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh, hợp tác. Chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí hoạt động (OPEX), năm 2022, chi phí nhân sự đã góp phần tăng OPEX thêm 12,6% so với năm 2021 ở mức 4.428 tỷ đồng. Đồng thời, đây cũng là nguyên nhân khiến chỉ số chi phí trên tổng doanh thu thuần (CIR) của MSB tăng lên mức 41,4%. Tuy nhiên, theo kế hoạch chiến lược của ngân hàng, khi đầu tư và số hóa đồng bộ hệ thống, hiệu suất của mỗi nhân viên ngân hàng sẽ tăng. MSB đặt kỳ vọng CIR sẽ chỉ khoảng 30% vào năm 2027.



Tỷ lệ chi phí/doanh thu (CIR) của MSB giai đoạn 2018 - 2022



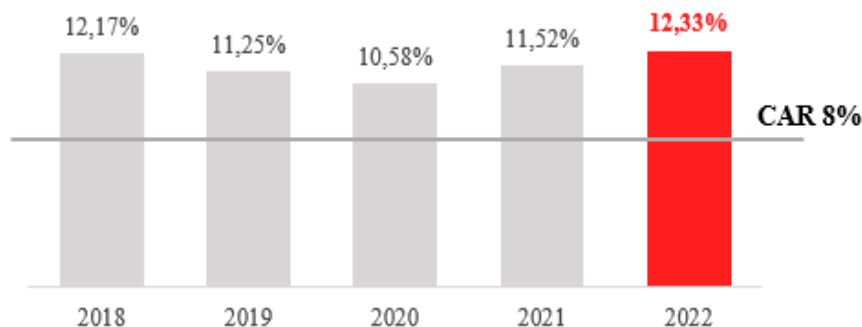
Hiệu quả sinh lời của MSB giai đoạn 2018 - 2022

MSB ghi nhận lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt lần lượt 5.787 tỷ đồng và 4.616 tỷ đồng cho năm 2022 và đều tăng trưởng khoảng 14%. Với mức tăng 21% của vốn chủ sở hữu, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trung bình của ngân hàng có điều chỉnh giảm so với năm 2021, ở mức 18,44%. Tuy nhiên, tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản trung bình lại tăng từ 2,1% lên 2,31% trong năm qua, chủ yếu từ việc tái cơ cấu danh mục tài sản của ngân hàng, tỷ trọng tài sản sinh lời đã có mức thay đổi tích cực.

2.3.3. Kiểm soát rủi ro và củng cố chất lượng tài sản

I. Chỉ số an toàn vốn – CAR*

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của MSB tính theo Thông tư 41 của NHNN đạt 12,33% vào cuối năm 2022, cao hơn mức 11,52% vào cuối năm 2021 và gấp khoảng 1,5 lần so với tỷ lệ theo yêu cầu của cơ quan quản lý và tiêu chuẩn Basel II (8%). MSB nằm trong nhóm các ngân hàng có chỉ số an toàn vốn cao.



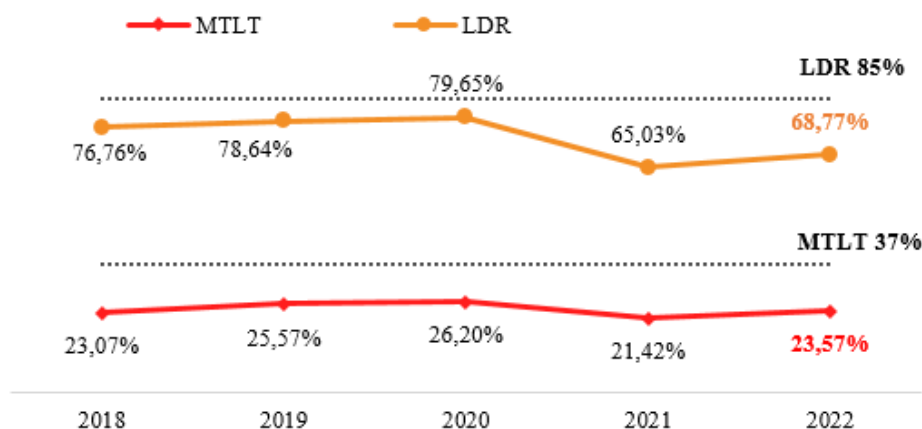
*Tỷ lệ an toàn vốn của MSB giai đoạn 2018 – 2022**

Trong năm 2022, MSB đã không ngừng nghiên cứu các phương pháp tiếp cận mới, liên tục cập nhật mô hình, hệ thống. Điều này giúp cải thiện hiệu quả đo lường, quản trị tài sản tính theo rủi ro và việc kiểm soát tỷ lệ an toàn vốn CAR qua các năm gần đây luôn luôn tốt hơn năm trước, đạt các ngưỡng mục tiêu đề ra, đảm bảo tuân thủ tỷ lệ tối thiểu theo quy định của NHNN tại Thông tư 41.

Trong năm 2023, MSB đặt kế hoạch tiếp tục duy trì tỷ lệ CAR ở mức trên 11%, đảm bảo hoạt động an toàn ngay cả trong các trường hợp có diễn biến bất lợi của thị trường và tuân thủ quy định của cơ quan quản lý cũng như nội bộ MSB.

* Năm 2017 – 2018 áp dụng theo Thông tư 36/2014/TT-NHH, từ năm 2019 áp dụng theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN (Chỉ số CAR năm 2019 áp dụng theo Thông tư 36 là 10,25%)

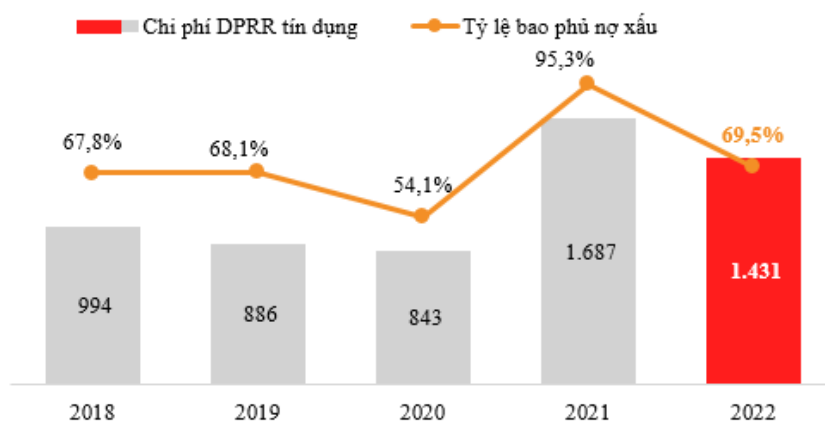
II. Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi - LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn – Mtl^{*}



Tỷ lệ LDR và MTLT của MSB giai đoạn 2018 – 2022

Trong năm 2022, MSB thực hiện kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, phù hợp với chỉ tiêu được Ngân hàng Nhà nước giao. Tại mỗi thời điểm cuối tháng, MSB đều luôn đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng tín dụng nằm trong ngưỡng quy định. Tỷ lệ LDR năm 2022 với mảng ngân hàng riêng lẻ chỉ ở mức 68,77% so với ngưỡng tối đa của NHNN cho phép là 85%. Tỷ lệ nợ ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (Mtl) đạt 23,57% so với mức hạn chế trần 37% của cơ quan quản lý. Trong những năm gần đây, MSB đã tích cực hợp tác với các đối tác quốc tế để huy động được các khoản vay kỳ hạn dài. Điều này khẳng định uy tín trên thị trường quốc tế của MSB, đồng thời, cũng là bệ đỡ tốt cho các chỉ số kiểm soát thanh khoản theo quy định.

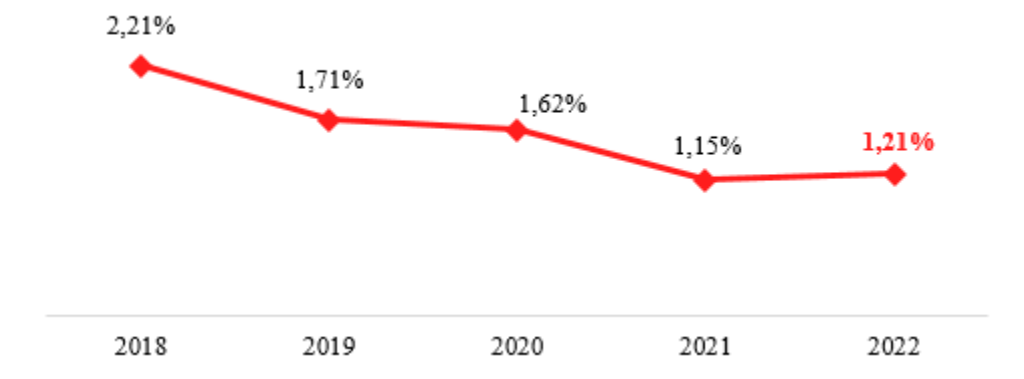
III. Nợ xấu – NPL và dự phòng^{*}



Dự phòng tổn thất cho vay của MSB giai đoạn 2018 – 2022 (ĐVT: tỷ đồng)

^{*} Tỷ lệ LDR, Mtl riêng lẻ, áp dụng theo Thông tư 02/2012/TT-NHNN;

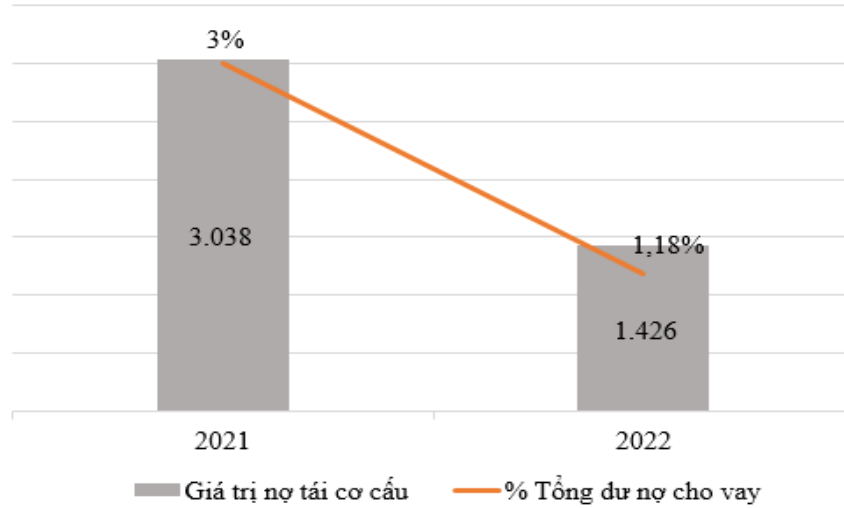
^{*} Tỷ lệ nợ xấu NPL riêng lẻ, tính theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN giai đoạn 2017 -2020, Thông tư 11/2021/TT-NHNN năm 2021.



Tỷ lệ nợ xấu MSB giai đoạn 2018 – 2022

Tỷ lệ NPL riêng lẻ sau CIC (Credit Information Center – Trung tâm thông tin tín dụng của Việt Nam) tháng 12/2022 đạt 1,21% tăng 0,06% so với tháng 12/2021 chủ yếu là do ảnh hưởng từ CIC. NPL hợp nhất đạt 1,24%, tăng 0,04% so với 2021. Trong năm 2022, mặc dù nền kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh MSB nói riêng vẫn bị ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19 nhưng ngân hàng đã luôn chủ động thực hiện nhiều biện pháp cảnh báo sớm, tích cực đẩy mạnh thu hồi nợ, giảm tỷ trọng với các khách hàng có nợ rủi ro cao...Do đó, tỷ lệ NPL nội bộ MSB được cải thiện: tỷ lệ NPL trước CIC giảm từ 1,06% năm 2021 xuống còn 1,00% năm 2022.

Tỷ lệ nợ nhóm 2 hợp nhất cũng ở mức dưới 1%, luôn đảm bảo phù hợp với chính sách, quy định và khẩu vị rủi ro của ngân hàng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm trong 2022 chủ yếu do có khoản hoàn nhập dự phòng xuất phát từ chủ nợ tái cơ cấu trả bớt nợ. Tỷ lệ này dự tính sẽ tăng trở lại trong 2023. Song song với việc giám sát các chỉ số tuân thủ ở cấp độ danh mục, MSB còn rất chú trọng đến việc quản lý sau cho vay ở cấp độ khách hàng. MSB đã và đang tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình hoạt động của khách hàng và người có liên quan; thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, tình hình tài chính của khách hàng theo đúng các quy định, đảm bảo khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích, trả nợ đúng thời hạn theo thỏa thuận đã cam kết.



Giá trị và tỉ lệ nợ tái cơ cấu/tổng dư nợ cho vay tại MSB năm 2021 và 2022

Theo số liệu về nợ tái cơ cấu của MSB, Tổng dư nợ tái cơ cấu tính đến 31/12/2022 là 1.426 tỷ, tỷ lệ nợ tái cơ cấu/ Tổng dư nợ là 1,2%, trong đó số dư nợ tái cơ cấu cho lĩnh vực BĐS là 66 tỷ đồng, chỉ chiếm 4,65% danh mục tái cơ cấu.

Xếp hạng tín nhiệm của Moody's	
Triển vọng	Ổn định
Xếp hạng rủi ro đối tác (Counterparty Risk Rating)	Ba3/NP
Tiền gửi ngân hàng (Bank Deposits)	B1/NP
Đánh giá tín dụng cơ sở (Baseline Credit Assessment)	b2
Đánh giá tín dụng cơ sở điều chỉnh (Adjusted Baseline Credit Assessment)	b2
Đánh giá rủi ro đối tác (Counterparty Risk Assessment)	Ba3(cr)/NP(cr)
Xếp hạng nhà phát hành (Issuer Rating)	B1

Với khẩu vị rủi ro khá chặt so với thị trường, MSB luôn thận trọng trong quản lý và cung cấp khoản vay, các chỉ số an toàn hoạt động luôn được ngân hàng quan tâm và giữ ở mức an toàn cao. Nhờ đó, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's liên tục xếp hạng triển vọng Ổn định cho MSB. Ngân hàng cũng là một trong số các tổ chức tín dụng của Việt Nam được Moody's nâng hạng tín nhiệm ngay trong năm 2021 và 2022 khi các biến động về bệnh dịch, vĩ mô có tác động tiêu cực cho thị trường.

2.4. Tình hình hoạt động của các mảng kinh doanh cốt lõi

2.4.1. Hoạt động kinh doanh phục vụ khách hàng cá nhân

Ngân hàng Bán lẻ đảm nhiệm trọng trách chính phục vụ khách hàng cá nhân, vốn là mảng hoạt động chiến lược và định vị trở thành một trong những trụ cột tăng trưởng chính của MSB. Trải qua năm 2022 với hệ lụy từ đại dịch Covid-19 và sự biến động trong chính sách của Chính phủ về thắt chặt hạn mức tăng trưởng tín dụng, Ngân hàng Bán lẻ luôn giữ vai trò là bạn đồng hành tin cậy với khách hàng thông qua những sản phẩm - dịch vụ thuận ích và quy trình tối ưu, nhanh gọn. Tiếp nối hành trình đã qua, Ngân hàng Bán lẻ cam kết liên tục đổi mới, sáng tạo để thấu hiểu và nắm bắt nhu cầu thị trường, cùng khách hàng vươn tầm trong mọi giao dịch tài chính, đặc biệt là trong kỷ nguyên số hiện nay.

2022 - NGHĨ LỚN LÀM LỚN

Năm 2022 đánh dấu một năm phát triển vượt bậc và hoàn thành xuất sắc kế hoạch của Ngân hàng Bán lẻ. Với tinh thần “nghĩ lớn làm lớn” cùng sự quyết tâm, đồng lòng của gần 4.000 cán bộ nhân viên, tổng doanh thu Ngân hàng bán lẻ ghi nhận 3.798 tỷ, đạt 108% mục tiêu 2022. Với sự kiểm soát và tối ưu hóa chi phí chặt chẽ, mảng hoạt động này đã cán mốc lợi nhuận gấp 2 lần so với năm 2021; thu hút gần 1 triệu khách hàng mới, nâng tổng số lượng khách hàng lên mốc gần 4 triệu, bao phủ tất cả các phân khúc và hứa hẹn sẽ trở thành động lực thúc đẩy lợi nhuận của MSB.

Từ những nỗ lực chinh phục thị trường khách hàng cá nhân, MSB đã vinh dự nhận ba giải thưởng quốc tế: “Đột phá trong hoạt động phát hành thẻ 2022” do Master Card trao tặng; “Ngân hàng có số lượng giao dịch thẻ ghi nợ tăng trưởng tốt nhất” và “Ngân hàng có số lượng giao dịch tăng trưởng tốt nhất” 2022 do VISA công bố.

Về mảng tín dụng, dù năm 2022 được đánh giá là khó khăn, song tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng Bán lẻ tăng trưởng 36% so với 2021. Hầu hết các sản phẩm tín dụng trọng tâm đều tăng trưởng trên 20%, đặt biệt dư nợ thẻ tín dụng, vay tín chấp và vay thấu chi đều tăng trưởng tốt, lần lượt đạt mức 78%, 72% và 51% so với năm 2021. Kết quả đó một lần nữa khẳng định sự đúng đắn của Ngân hàng Bán lẻ nói riêng và MSB nói chung khi kiên định với mục tiêu xuyên suốt “lấy khách hàng làm trọng tâm để nâng cao trải nghiệm”. Đồng thời, chính sách và giải pháp sản phẩm vượt trội cùng việc áp dụng công nghệ để tối ưu hóa hành trình cho vay, số hóa quy trình, tự động xếp hạng khách hàng đã cho thấy hiệu quả cao trong quá trình triển khai.

Về hoạt động huy động vốn, Ngân hàng Bán lẻ cũng duy trì sự tăng trưởng tốt cho sản phẩm tài khoản và huy động khi cán mốc gần 4 triệu khách hàng và tổng nguồn vốn huy động tăng trưởng 24% so với năm 2021. Kết cấu tiền gửi đến từ phân khúc khách hàng thu nhập cao và trung bình vẫn là trọng tâm và đóng góp tỷ trọng số dư lớn nhất, khoảng 58% doanh số huy động. Tập trung phục vụ các tệp khách hàng trọng tâm, phát triển các giải pháp sản phẩm huy động vượt trội kết hợp với sự đầu tư nghiêm túc

vào công nghệ, đặc biệt là kênh số cũng đóng góp cho sự tăng trưởng bền vững của hoạt động huy động vốn nói chung và các sản phẩm trực tuyến nói riêng.

Về hoạt động phi tín dụng, năm 2022, Ngân hàng Bán lẻ tiếp tục ghi nhận bước đột phá doanh thu thuần từ sản phẩm ngoại hối, gấp 3,2 lần so với năm 2021, tương đương hoàn thành 261% kế hoạch. Mảng phi tín dụng này đóng góp 1.514 tỷ cho tăng trưởng doanh thu thuần, tăng từ 38% năm 2021 lên 40% cơ cấu doanh thu thuần năm 2022.

Về nhân sự, Ngân hàng Bán lẻ cũng định hình rõ chiến lược và các sáng kiến triển khai về phát triển kênh tiếp cận khách hàng, đồng thời chú trọng đào tạo cho lực lượng bán hàng, nâng số lượng cán bộ bán hàng lên gần 4.000 người. Đây là lực lượng nòng cốt và là tiền đề cho sự phát triển bền vững của Ngân hàng Bán lẻ trong năm 2023.

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2023

Năm 2023 được nhận định còn nhiều khó khăn, thách thức do diễn biến khó đoán của tình hình thế giới. Song với chiến lược linh hoạt thích ứng, Ngân hàng Bán lẻ hướng tới mục tiêu:

- Doanh thu năm 2023 tăng trưởng hơn 34% so với 2022
- Số lượng khách hàng mới tăng 2 triệu khách hàng, đẩy mạnh từ kênh số
- Doanh thu tín dụng tăng 43%
- Doanh thu phi tín dụng tăng 23%, trên cơ sở các sản phẩm mới cho phân khúc khách hàng cao cấp sẽ là đòn bẩy chính

Bốn trụ cột giúp Ngân hàng Bán lẻ đạt được các mục tiêu trên đến từ việc:



Năm 2023 sẽ là năm đánh dấu chiến lược điều phối, quy hoạch đội ngũ Giám đốc chi nhánh, Phó giám đốc chi nhánh và lực lượng bán lại Kênh bán tập trung với phương châm “Nâng cao năng suất và tối ưu hóa chi phí”.

Với định vị không chỉ đơn thuần là một khối kinh doanh mà còn là một cộng đồng với mục tiêu chung và ý chí chung, Ngân hàng Bán lẻ sẽ tiếp tục hướng tới những kế hoạch tham vọng hơn, tăng tốc vượt trội trong năm 2023 với mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận trên 50%.

2.4.2. Hoạt động kinh doanh phục vụ khách hàng doanh nghiệp

Bước vào giai đoạn hồi phục sau Covid-19, 2022 là một năm khó khăn với nền kinh tế Việt Nam. Doanh nghiệp cùng lúc đứng trước nhiều thách thức từ những biến động khó lường của kinh tế thế giới, sự đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát, chính sách thắt chặt tiền tệ... Trong bối cảnh đó, ngành ngân hàng cũng chịu tác động to lớn và đòi hỏi chiến lược linh hoạt để có thể thích ứng với tình hình.

Năm 2022 là một năm thể hiện sự chủ động ứng biến của MSB với mục tiêu không chỉ tăng trưởng kinh doanh, mà còn đồng hành cùng khách hàng thích nghi với biến động. Với vai trò là đơn vị đảm nhiệm trọng trách chính trong việc cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng doanh nghiệp MSB, đồng thời cũng là trụ cột tăng trưởng, một năm đầy nỗ lực của Ngân hàng Doanh nghiệp đã mang đến cho MSB những kết quả hết sức khả quan:

- Dự nợ tín dụng tăng trưởng 11% so với năm 2021
- Huy động vốn tăng trưởng 29% so với năm 2021
- CASA: Chiếm tỷ trọng 44% tổng huy động của mảng khách hàng doanh nghiệp
- Doanh thu thuần tăng trưởng 22% so với năm 2021
- Lợi nhuận sau dự phòng tăng trưởng 46% so với năm 2021

Cũng trong năm 2022, hòa nhịp với định hướng chung về mục tiêu phát triển bền vững, Ngân hàng Doanh nghiệp đã hỗ trợ tích cực và thực hiện cho vay các khách hàng có áp dụng các tiêu chuẩn bền vững trong hoạt động kinh doanh. Tại thời điểm 31/12/2022, tổng dự nợ cho lĩnh vực tín dụng xanh của MSB là 5.478 tỷ đồng, cấp cho 86 khách hàng. Trong đó, lĩnh vực năng lượng tái tạo được chú trọng. Ngân hàng đã và đang dành sự ưu tiên nguồn lực tín dụng để đồng hành cùng doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy chiến lược tăng trưởng xanh của quốc gia. Ngân hàng Doanh nghiệp đồng hành theo chiến lược dài hạn của MSB, hiện đang thiết lập lộ trình và điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp để giảm dần tỷ trọng và tiến tới loại khỏi danh mục tín dụng các lĩnh vực phát thải cac-bon cao, tập trung cung cấp tài chính cho các lĩnh vực và doanh nghiệp ít phát thải nhằm bảo vệ môi trường.

NHỮNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ NỔI BẬT CỦA NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP

Với xu thế chuyển đổi số và trải qua hơn 02 năm dịch bệnh Covid-19 bùng phát, các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trở nên phổ biến hơn, tăng cả về chất và lượng. MSB là một trong những tổ chức tín dụng tiên phong phát triển các sản phẩm số dành riêng cho khách hàng doanh nghiệp, nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu từ thị trường, tiêu biểu như:

- **Tài khoản M-Smart:** Giải pháp tài khoản với tính năng thanh toán đa dạng cùng nhiều ưu đãi miễn/hoàn phí giao dịch, giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí, tiết kiệm thời gian và nguồn lực.
- **Gói giải pháp tín chấp M-Power:** Giải pháp cấp hạn mức tín chấp online đến 15 tỷ đồng và duyệt siêu tốc trong 24 giờ làm việc. M-Power mang đến tiện ích vượt trội khi quy trình thực hiện 100% online từ xây dựng phương án kinh doanh, nộp hồ sơ, theo dõi tình trạng xử lý, phê

duyet, giải ngân, thanh toán bằng điện có bồi hoàn (Telegraphic Transfer Reimbursement - TTR) và bán ngoại tệ chỉ từ 0 đồng phí, tra cứu hạn mức...

- **Giải pháp chuyên biệt M•360:** Giải pháp tài chính linh hoạt cho doanh nghiệp sản xuất phụ trợ khi đáp ứng 100% nhu cầu tín dụng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khách hàng có thể chủ động chọn lựa một hoặc kết hợp các hình thức tài trợ với tỷ lệ cấp hạn mức cao lên đến 200 tỷ đồng khi vay không tài sản đảm bảo hoặc 305% giá trị tài sản đảm bảo.
- **Giải pháp chuyên biệt cho doanh nghiệp thương mại ngành hàng tiêu dùng lâu bền (điện tử - điện lạnh, đồ gia dụng, văn phòng phẩm):** Sản phẩm với đa dạng hình thức tài trợ, đáp ứng theo mùa kinh doanh khi hạn mức tài trợ đến 270% giá trị tài sản bảo đảm, hoặc tài trợ không tài sản bảo đảm hạn mức tới 200 tỷ đồng. Giải pháp còn mang đến cho khách hàng trải nghiệm giải pháp số ưu việt như mở tài khoản online, chuyển tiền 24/7, giải ngân trực tuyến siêu tốc cùng chuỗi tính năng được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện như chuyển tiền quốc tế, mua bán ngoại tệ, phát hành LC...
- **Gói giải pháp FMCG (Ngành hàng tiêu dùng nhanh):** Doanh nghiệp được tài trợ hạn mức 100% vốn khi vay không tài sản đảm bảo hoặc hạn mức tương đương 2,5 lần giá trị tài sản đảm bảo; hạn mức tín chấp dự phòng mùa vụ cao điểm tối đa 10 tỷ đồng.
- **Gói giải pháp ngành dược, y tế:** Điểm nổi bật của gói giải pháp là tài trợ vốn trên phương án kinh doanh đầu ra, ngay cả khi chưa có thông báo trúng thầu hoặc chưa ký hợp đồng đầu ra. MSB tài trợ 100% chi phí đầu vào với hạn mức tín dụng tương đương 2,5 lần giá trị tài sản đảm bảo, trong đó hạn mức vay tương đương 1,4 lần giá trị tài sản đảm bảo.
- **Giải pháp Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng:** MSB tài trợ vốn cho doanh nghiệp thực hiện đơn hàng xuất khẩu, giải ngân ngay từ thời điểm ký hợp đồng/đơn hàng hoặc nhận được LC (Letter of Credit – thư tín dụng) xuất khẩu. Tỷ lệ tài trợ tối đa lên tới 90% trị giá còn được thanh toán đơn hàng.
- **Thẻ tín dụng, Thẻ thấu chi:** Giúp doanh nghiệp chủ động dòng tiền vận hành, quản lý chi tiêu hiệu quả. MSB thực hiện chương trình ưu đãi tặng thêm hạn mức thẻ tín dụng và hạn mức thấu chi lên đến 700 triệu đồng cho các Doanh nghiệp có gắn bó và lịch sử giao dịch tốt với ngân hàng.
- **Giải ngân online:** Khách hàng thực hiện việc giải ngân online qua IB (Internet Banking) sử dụng ký số trên các chứng từ giao dịch mà không cần phải đến ngân hàng.
- **LC/Bảo lãnh online:** Khách hàng thực hiện đề nghị phát hành LC/Bảo lãnh qua Internet Banking mà không cần phải đến ngân hàng.

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2023

Tiếp nối hành trình chuyển đổi số, năm 2023, MSB nói chung và Ngân hàng Doanh nghiệp nói riêng định hướng việc đẩy mạnh số hóa là một phần quan trọng trong chiến lược kinh doanh tổng thể, trọng tâm phát triển sản phẩm, dịch vụ số cho khách hàng doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Doanh nghiệp tiếp tục triển khai các biện pháp để gia tăng trải nghiệm cho khách hàng:

- Phát triển khách hàng theo các ngành trọng tâm, xây dựng chính sách tài trợ trung dài hạn cho nhóm khách hàng mục tiêu và các gói giải pháp chuyên biệt cho từng phân khúc khách hàng;
- Nghiên cứu, xây dựng các gói giải pháp mới cho ngành dịch vụ và tiếp tục đánh giá các gói giải pháp hiện hữu để điều chỉnh phù hợp hơn, bao gồm gói giải pháp cho ngành dược, vật tư y tế và gói giải pháp cho ngành hàng tiêu dùng nhanh;
- Phát triển khách hàng mới bằng các phương án như quản lý dòng tiền, sử dụng quỹ tín dụng...; khai thác nhóm khách hàng xuất nhập khẩu; đẩy mạnh các chương trình tiếp thị phù hợp để gia tăng lượng khách hàng mở tài khoản M-Smart và qua phương thức định danh trực tuyến (eKYC).
- Số hóa việc cấp hạn mức thấu chi, phát hành thẻ tín dụng online trên các kênh số IB/MB (Internet Banking/Mobile Banking) doanh nghiệp;
- Bổ sung các tính năng mới trên kênh số, đẩy mạnh kết nối trực tiếp để thực hiện các nghiệp vụ thu – chi hộ.
- Xây dựng lộ trình phù hợp cho việc áp dụng quản trị rủi ro môi trường - xã hội trong cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp, tài trợ thương mại. Phát triển các sản phẩm đặc thù dành riêng cho các khách hàng có áp dụng các tiêu chuẩn hoạt động kinh doanh “xanh”, đẩy mạnh sử dụng nguồn vốn quốc tế hỗ trợ cho phát triển bền vững. Và quan trọng hơn, kế hoạch đồng hành để “xanh hóa” khách hàng cũng là ưu tiên của Ngân hàng doanh nghiệp trong thời gian tới.

2.4.3. Hoạt động liên ngân hàng

Trong số các tổ chức tín dụng Việt Nam, MSB được biết đến là nhà băng có cấu trúc đặc biệt “ngân hàng trong ngân hàng” (bank-in-bank) với 4 ngân hàng con, hoạt động độc lập như một ngân hàng và cùng tối ưu doanh thu, lợi nhuận trong hệ thống: Ngân hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Quản lý tín dụng và Ngân hàng định chế tài chính (FI).

Ngân hàng Định chế Tài chính của MSB có nhiệm vụ quản lý và phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng chuyên biệt với các định chế tài chính, tổ chức tài chính công, công ty chứng khoán, xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh ngoại tệ, nguồn vốn, các chứng khoán và công cụ tài chính phái sinh, giao dịch trên thị trường liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ...và là đơn vị đại diện cho MSB để thiết lập, duy trì và củng cố quan hệ với các định chế tài chính trong và ngoài nước

nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Cá nhân, Ngân hàng doanh nghiệp cũng như đóng vai trò tiên phong, dẫn lối để MSB tiếp cận với những nguồn hỗ trợ về vốn, kỹ thuật trong lĩnh vực ESG.

Năm 2022 được đánh giá là năm thành công của FI khi doanh thu của mảng hoạt động này đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng. Đồng thời, sự ghi nhận từ các tổ chức trong nước và quốc tế thông qua chuỗi giải thưởng uy tín một lần nữa khẳng định vị thế của FI nói riêng và MSB nói chung trên thị trường. Xét riêng từng mảng hoạt động, FI cũng ghi nhận nhiều thành tựu nổi bật:

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI TỆ

Trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ, năm 2022 là một năm biến động mạnh của tỷ giá, nhiều thời điểm thị trường ngoại tệ gặp khó khăn về thanh khoản. Để đảm bảo đúng định hướng chính sách quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước, MSB đã nỗ lực tăng trưởng về doanh số khi duy trì vị trí top 3 thị trường và giữ vững vị thế nhà tạo lập.

Tiếp tục với định hướng xây dựng đường cong lãi suất tham chiếu chuẩn phục vụ cho sự phát triển thị trường giao dịch hoán đổi tiền tệ (swap) chuyên nghiệp, MSB vẫn duy trì vai trò nhà tạo lập trên thị trường giao dịch hoán đổi tiền tệ (swap) với sự tham gia của 16 ngân hàng trên phòng chào giá của VBMA ('Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam'). Ngoài ra, MSB cũng là nhà tạo lập thị trường trên thị trường phái sinh lãi suất với các sản phẩm IRS (Hoán đổi lãi suất một đồng tiền) và CCS (Hoán đổi lãi suất hai đồng tiền) trong năm 2022.

Giữ vai trò ngân hàng đi đầu trong công cuộc chuyển đổi số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, năm 2022 là năm thứ 4 liên tiếp MSB vinh dự nhận giải thưởng là ngân hàng có khối lượng giao dịch ngoại tệ FX Matching cao nhất và ngân hàng năng động nhất. MSB luôn nỗ lực hoàn thành vai trò là định chế năng động, tiên phong ứng dụng công nghệ để gia tăng hiệu quả và phù hợp với tiến trình phát triển hướng đến một thị trường kinh doanh ngoại tệ minh bạch, hiện đại.

Doanh số đổi vốn ngoại tệ tiền mặt liên ngân hàng cũng liên tục phá đỉnh từ năm 2019 đến năm 2021 với mức tăng trưởng bình quân hàng năm trên 25% và doanh số xuất nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt với đối tác nước ngoài năm 2021 tăng gấp 3 lần so với năm 2020. Năm 2022, mặc dù tình hình thị trường khó khăn do FED liên tục điều chỉnh tăng lãi suất USD dẫn đến chi phí vốn tăng, nhưng doanh số đổi vốn ngoại tệ tiền mặt và doanh số xuất nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt vẫn đạt xấp xỉ doanh số năm 2021. Điều này giúp MSB tiếp tục duy trì vị thế là một trong số ít các ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại tệ tiền mặt (banknote) năng động nhất thị trường Việt Nam, góp phần hỗ trợ các ngân hàng trong nước và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam đảm bảo thanh khoản.

Năm 2022, MSB đạt được những dấu ấn nổi bật trong việc cung cấp dịch vụ mua bán ngoại tệ và chuyển tiền quốc tế khi đóng góp tỷ trọng cao về quy mô giao dịch trên toàn ngành ngân hàng (top 10

ngân hàng có quy mô giao dịch ngoại hối với khách hàng lớn nhất Việt Nam), lợi nhuận tăng trưởng hơn 153% so với 2021. Đồng thời, MSB ghi dấu ấn với các giao dịch ngoại tệ, phái sinh có quy mô kỷ lục lên đến hơn 113 triệu USD/giao dịch. Đặc biệt, giao dịch ngoại tệ với khách hàng cá nhân có sự tăng trưởng ấn tượng với khối lượng giao dịch và lợi nhuận tăng lần lượt 171% và 228% so với năm 2021. Với đội ngũ cán bộ bán hàng am hiểu thị trường, nhiệt huyết, MSB ngày càng được các công ty, tập đoàn hàng đầu Việt Nam đánh giá cao về độ chuyên nghiệp, khả năng thanh khoản và chất lượng của các giao dịch ngoại tệ. Từ những ưu điểm vượt trội như sản phẩm đa dạng, thời gian giao dịch nhanh chóng, phương thức tiện lợi, MSB là điểm đến tin cậy của khách hàng cá nhân có nhu cầu giao dịch ngoại tệ. Song song đó, với tinh thần đồng hành, MSB luôn có những chương trình ưu đãi, các sản phẩm mới thu hút và có tính cạnh tranh trên thị trường, giúp doanh nghiệp, cá nhân tiết kiệm chi phí, đồng thời thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và an toàn các giao dịch ngoại hối cũng như thanh toán quốc tế.

VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ THANH KHOẢN VÀ KINH DOANH TIỀN TỆ

Trong bối cảnh thị trường năm 2022 diễn biến tương đối phức tạp, mảng kinh doanh tiền tệ liên ngân hàng đã có những chiến lược đầu tư ứng biến phù hợp với từng giai đoạn thay đổi của thị trường tài chính nói chung và mục tiêu của MSB nói riêng. Nhờ đó, MSB vẫn đạt được những con số khá ấn tượng. Quy mô giao dịch tiền tệ liên ngân hàng của MSB ghi nhận tốc độ tăng trưởng 141 % so với năm 2021. MSB được đánh giá là một trong những đối tác lớn và hoạt động tích cực trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng.

Bên cạnh đó, hoạt động quản lý thanh khoản và hoạt động kinh doanh tiền tệ luôn có sự gắn kết, tương hỗ, giúp cho ngân hàng đạt được sự an toàn và hiệu quả cao trong cả hai mảng hoạt động này.

MSB cũng chú trọng vào công tác quản lý thanh khoản để tối ưu năng lực thanh khoản, nguồn vốn, chi phí đồng thời chủ động tăng cường dự trữ thanh khoản trong các giai đoạn thị trường có nhiều biến động trong năm 2022. Bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ các tỉ lệ thanh khoản theo thông tư 22/2019/TT-NHNN của ngân hàng Nhà nước, MSB còn xây dựng bộ chỉ số thanh khoản nội bộ với những tiêu chuẩn khắt khe nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng thanh khoản cao nhất trong các tình huống khó khăn. Ngân hàng cũng luôn hướng tới đa dạng hóa nguồn vốn, đặc biệt là nguồn vốn trung dài hạn từ thị trường quốc tế, giúp hỗ trợ nguồn lực cho thanh khoản, đồng thời tái khẳng định vị thế của MSB.

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Năm 2022, khi thị trường thế giới biến động, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh gây cú sốc lên mặt bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ, khiến cho các danh mục tài sản là trái phiếu của hầu hết nhà đầu tư đều thiệt hại đáng kể. Trong bối cảnh đó, MSB đã ngoạn mục vượt sóng. Việc nhạy bén nắm bắt được xu thế thị trường để kịp thời giảm mạnh danh mục trong 6 tháng đầu năm 2022 khi lợi suất

trái phiếu chính phủ chưa tăng cao đã giúp MSB bảo toàn được lợi nhuận mảng kinh doanh giấy tờ có giá, góp phần không nhỏ vào lợi nhuận của Ngân hàng.

MSB tiếp tục phát huy vị thế là một trong những ngân hàng năng động và tích cực nhất trên thị trường trái phiếu chính phủ với tổng doanh số giao dịch năm 2022 chiếm thị phần 10,33% so với tổng giao dịch toàn thị trường. Tiếp nối những giải thưởng đã đạt được trong nhiều năm qua, trong năm 2022, hoạt động kinh doanh trái phiếu chính phủ của MSB tiếp tục được các cơ quan quản lý ghi nhận bởi những thành tích nổi bật sau:

- **Xếp hạng của Bộ tài chính**
 - Top 1 nhà tạo lập thị trường công cụ nợ khối Ngân hàng năm 2022
 - Top 3 nhà tạo lập thị trường công cụ nợ năm 2022
- **Xếp hạng của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**
 - Top 1 thành viên giao dịch trái phiếu năm 2022
 - Top 1 thành viên giao dịch tự doanh năm 2022
 - Top 1 thành viên giao dịch outright năm 2022
 - Top 3 thành viên giao dịch repo năm 2022
- **Giải thưởng của Hiệp hội thị trường Trái phiếu Việt Nam**
 - Nhà tạo lập thị trường chào giá repo tốt nhất năm 2022
 - Nhà tạo lập thị trường chào giá outright đứng thứ hai năm 2022
 - Nhà tạo lập thị trường có doanh số giao dịch outright đứng thứ hai 2022

VỀ HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH VÀ ĐẦU TƯ GIẤY TỜ CÓ GIÁ DO TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHÁT HÀNH

Với quy mô danh mục giấy tờ có giá (GTCG) do các tổ chức tín dụng khác phát hành được MSB nắm giữ tại ngày 31/12/2022 đạt hơn 12.000 tỷ đồng, MSB không những gia tăng thêm lợi nhuận cho MSB trong hoạt động kinh doanh GTCG nói riêng mà còn phát huy vai trò của một thành viên đóng góp tích cực vào thị trường GTCG nói chung.

Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động phát hành GTCG, trong năm 2022 vừa qua MSB đã thực hiện nhiều đợt phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi các kỳ hạn lên đến 3 năm để giúp Ngân hàng cải thiện hệ số an toàn hoạt động cũng như huy động được nguồn vốn trung dài hạn với chi phí tối ưu.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, MSB cũng tích cực tham gia đóng góp ý kiến để cùng các cơ quan chủ quản và các ban ngành hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam theo hướng minh bạch và hiệu quả hơn.

Với định hướng liên tục cải tiến và đổi mới, MSB luôn nỗ lực phát triển và sáng tạo các sản phẩm ưu việt hơn liên quan đến trái phiếu, cung cấp cho khách hàng hệ sinh thái sản phẩm đa dạng như tiền gửi tiết kiệm liên kết lợi suất trái phiếu, dịch vụ ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, quản trị quỹ...

Các sản phẩm dịch vụ được triển khai nói trên được vận hành ổn định trong năm 2022, không những mang lại nguồn thu phí ổn định, dự kiến tăng trưởng tốt mỗi năm mà còn gia tăng cơ hội tiếp cận các khách hàng mới, bán chéo các sản phẩm hiện hữu của MSB.

VỀ HOẠT ĐỘNG Củng cố, mở rộng cơ sở khách hàng định chế tài chính

Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn và tỷ lệ an toàn luôn là mục tiêu hàng đầu của MSB trong quá trình hoạt động kinh doanh. Do đó, MSB luôn nhận được đánh giá cao về uy tín và tính hiệu quả từ các tổ chức trong và ngoài nước. Tính đến 31/12/2022, số lượng ngân hàng đại lý của MSB đã vượt hơn 500 ngân hàng tại gần 70 nước trên thế giới và tổng hạn mức tài trợ thương mại được cấp lên tới hơn 500 triệu Đô la Mỹ (quy đổi).

Với mạng lưới ngân hàng đại lý rộng lớn và nguồn hạn mức dồi dào, MSB luôn đáp ứng một cách nhanh chóng và hiệu quả nhu cầu đa dạng của khách hàng trong các hoạt động thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại, mua bán ngoại tệ và các sản phẩm phái sinh....

Dựa trên uy tín ngày càng được nâng cao trên thị trường trong và ngoài nước, MSB đã ký kết thành công 04 hợp đồng vay vốn trung dài hạn từ các tổ chức lớn trên thế giới dưới hình thức đồng tài trợ hoặc song phương để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh chung của ngân hàng cũng như thúc đẩy chương trình tín dụng cho các nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, tín dụng xanh.... Đặc biệt trong năm 2022, MSB đã hợp tác với một số tổ chức quốc tế như Proparco, USAID (thông qua các đối tác chiến lược - Strategic Partners) để hỗ trợ ngân hàng về mặt kỹ thuật trong việc xây dựng văn bản và triển khai hệ thống quản lý môi trường và xã hội (ESMS), nhằm đáp ứng ở mức cao nhất các tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với quy định của Việt Nam. Sắp tới, MSB cũng sẽ phối hợp với ADB để nhận hỗ trợ kỹ thuật nhằm đánh giá ESMS trong lĩnh vực tài trợ thương mại, từ đó xác định những giao dịch đủ điều kiện nhận tài trợ của ADB cũng như của các định chế tài chính theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường. Với mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững, tạo dựng các giá trị lâu dài cho nền kinh tế cũng như cộng đồng, việc hợp tác trong lĩnh vực quản lý môi trường và xã hội với các tổ chức lớn đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quá trình hoạt động của MSB.

Đối với phân khúc khách hàng là các công ty bảo hiểm và các công ty chứng khoán, MSB tập trung nâng cao chất lượng, tăng cường mức độ số hóa, phát triển, bổ sung các tính năng của bộ sản phẩm dịch vụ trọn gói bao gồm dịch vụ tài khoản tập trung và quản lý dòng tiền, dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế, dịch vụ thu chi hộ. Các sản phẩm tiền gửi, giao dịch ngoại hối, giao dịch phái sinh lãi suất (IRS, AIRS) và phái sinh tỷ giá (CCS), cho vay, thâu chi, bảo lãnh, cam kết cấp tín dụng... được thực hiện với thủ tục đơn giản, thuận tiện, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Do

đó, MSB đã được các công ty bảo hiểm và chứng khoán hàng đầu tin tưởng lựa chọn là ngân hàng phục vụ chính đồng thời là đối tác thúc đẩy kinh doanh trong chiến lược phát triển dài hạn.

Đối với phân khúc khách hàng là các tổ chức tài chính công, từ sự tin nhiệm của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, MSB đã tham gia phục vụ các dự án ODA của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học công nghệ... Các dự án đa dạng trong nhiều lĩnh vực như giao thông vận tải, y tế, giáo dục, nông nghiệp, môi trường ... trên phạm vi cả nước có thể kể tới như dự án phát triển đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, Bến Lức – Long Thành; dự án giáo dục và đào tạo nhân lực phục vụ cải cách hệ thống y tế; dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu các thành phố Đồng Hới (Quảng Bình) và Hội An (Quảng Nam)... MSB cũng là một trong những ngân hàng TMCP đầu tiên hợp tác với Kho bạc Nhà nước để thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quá trình thu, nộp ngân sách Nhà nước, thông qua việc triển khai dịch vụ thu ngân sách Nhà nước qua nhiều kênh và dịch vụ thanh toán song phương điện tử, giúp các khách hàng tổ chức và cá nhân thanh toán các khoản thuế, lệ phí nhanh chóng, chính xác chỉ trong vài phút. Bên cạnh đó, MSB đã hợp tác với nhiều bệnh viện, trường học lớn như bệnh viện Việt Đức, đại học Y... trong quá trình triển khai hiện đại hóa công tác thu nộp viện phí, học phí, hỗ trợ cho bệnh nhân, sinh viên, học sinh có nhiều lựa chọn về kênh thanh toán.

VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ SẢN PHẨM BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

MSB bắt đầu thực hiện dịch vụ Đại lý Bảo hiểm kể từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bổ sung giấy phép hoạt động với nội dung hoạt động “Dịch vụ Đại lý Bảo hiểm (ngày 06/12/2010) theo Quyết định số 2919/QĐ-NHNN ngày 06/12/2010 của Ngân hàng Nhà nước”.

Trong đó, hoạt động đại lý bảo hiểm phi nhân thọ đã được MSB chú trọng và xây dựng phát triển từ năm 2017 với mục đích chính là kiểm soát rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng của Ngân hàng. MSB đã xây dựng, ban hành, thực thi và chuẩn hóa các chính sách quản lý về bảo hiểm rủi ro tín dụng nhằm đề phòng tối đa những tổn thất xảy ra đối với tài sản bảo đảm mà MSB nhận thế chấp cũng như rủi ro đối với sinh mạng của khách hàng vay vốn/chủ doanh nghiệp vay vốn tại MSB.

Đồng thời, MSB đẩy mạnh bảo hiểm phi nhân thọ bán chéo độc lập để mang lại các sản phẩm đa dạng và tối ưu quyền lợi của khách hàng, giúp khách hàng tự bảo vệ bản thân trước các tác động tài chính cũng như các rủi ro trong cuộc sống.

Vì vậy, mảng bảo hiểm phi nhân thọ với mục đích bảo vệ cho những rủi ro trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng đã và đang tiếp tục phát triển rất mạnh mẽ. Đặc biệt, năm 2022, doanh số bảo hiểm mảng này đã tăng trưởng 170% so với năm 2021 và lợi nhuận tăng trưởng vượt trội 206%, đánh dấu một năm triển khai hiệu quả và đảm bảo bám sát chính sách về bảo hiểm rủi ro tín dụng của MSB, trên cơ sở nhận được sự đồng thuận của khách hàng trong việc cùng đặt ưu tiên hàng đầu là bảo vệ rủi ro

cho chính tài sản và các khoản nghĩa vụ khi vay vốn tại MSB. Bên cạnh đó, đây cũng là một trong những yếu tố giúp MSB cải thiện đáng kể hệ số an toàn trong hoạt động cấp tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu, khả năng thu hồi nợ được bảo đảm nhờ vào công tác quản lý truy đòi và giải quyết bồi thường bảo hiểm nhanh chóng đối với các công ty bảo hiểm.

3. Quản trị rủi ro

KHUNG QUẢN TRỊ VÀ KHẨU VỊ RỦI RO

Một khung quản trị rủi ro tiên tiến cần được duy trì và phát huy hiệu quả liên tục. Theo đó, với sự tham mưu của Ủy ban quản lý rủi ro, Hội đồng quản trị luôn thực hiện tốt vai trò giám sát cấp cao và kịp thời nắm bắt, chỉ đạo các công việc liên quan đến quản lý rủi ro toàn hàng. Ở cấp điều hành, Tổng giám đốc cũng nhận được sự tham mưu có hiệu quả từ Hội đồng quản lý rủi ro, Hội đồng Alco, Hội đồng quản lý trong việc triển khai các hành động quản lý rủi ro theo định hướng từ Hội đồng quản trị. Khối Quản lý rủi ro luôn thực hiện tốt vai trò của tuyến phòng thủ số 2, đưa ra chính sách, công cụ đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro, cảnh báo kịp thời đến cấp Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị khi rủi ro có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động và mục tiêu kinh doanh của Ngân hàng.

Phù hợp với thông lệ quốc tế, MSB đã đưa ra tuyên bố về khẩu vị rủi ro cho năm 2022 trong đó nêu rõ mức độ và loại rủi ro mà MSB sẵn sàng chấp nhận hoặc tránh để đạt được mục tiêu của mình, gồm các yếu tố định tính và định lượng. Đầu năm 2023, Hội đồng quản trị cập nhật tuyên bố khẩu vị rủi ro để đảm bảo tính phù hợp với thị trường và định hướng chiến lược kinh doanh 2023-2027.

Trong năm 2022, MSB đã xây dựng chiến lược quản trị rủi ro số thông qua việc đưa ra các nguyên tắc khung, cơ chế nhận diện rủi ro và tiếp tục triển khai định hướng này trong năm 2023 nhằm thích ứng linh hoạt với sự gia tăng mạnh mẽ hàm lượng số hóa trong các sản phẩm, dịch vụ tài chính.

Để chuẩn bị cho bước tiến tiếp theo trong kế hoạch hướng tới xây dựng ngân hàng xanh, MSB đã ban hành quy định nội bộ về quản lý rủi ro môi trường và xã hội (Environment and Social – E&S) trong hoạt động cấp tín dụng và đang tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro môi trường xã hội để đảm bảo tuân thủ theo Thông tư 17/2022/TT-NHNN cùng với các tiêu chuẩn quốc tế. MSB đang tiến tới kết hợp đánh giá rủi ro E&S như một phần trong đánh giá rủi ro tín dụng của ngân hàng với sự hỗ trợ tư vấn, đào tạo từ các tổ chức có kinh nghiệm quốc tế.

QUẢN LÝ RỦI RO TOÀN DIỆN

Trong năm 2022, chức năng ERM (quản lý rủi ro toàn diện) thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm như rà soát và hoàn thiện khung quản lý rủi ro, chính sách quản lý rủi ro (gồm khẩu vị, chiến lược quản lý rủi ro), theo dõi và phân tích danh mục rủi ro định kỳ; đảm bảo quy trình đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn (ICAAP) được triển khai đầy đủ, cải tiến đo lường đối với rủi ro đối tác theo phương pháp SA-CCR của chuẩn mực Basel II, tiếp tục triển khai phương pháp nâng cao theo chuẩn mực Basel 2 đối

với rủi ro tín dụng và chuẩn mực Basel 3 đối với rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản. Năm 2023, ICAAP tiếp tục cải tiến đo lường đối với rủi ro tín dụng theo phương pháp của chuẩn mực Basel III.

Liên tục từ năm 2021 đến nay, MSB triển khai đánh giá, đo lường, quản lý, giám sát qua chỉ tiêu như tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản có trọng số rủi ro (RORWA), TOIRWA theo từng phân khúc khách hàng, ngân hàng chuyên doanh và theo từng khách hàng đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn (LMC) nhằm đo lường hiệu quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở điều chỉnh theo rủi ro.

Việc phát triển và hoàn thiện các công cụ và mô hình đo lường rủi ro (Xác suất vỡ nợ - PD, Tổng thất khi vỡ nợ - LGD, Dư nợ tại thời điểm vỡ nợ - EAD) vẫn là trọng tâm trong năm 2022, góp phần thực hiện chiến lược số hóa các sản phẩm tín dụng của ngân hàng trong hiện tại và tương lai, đồng thời giúp đo lường chính xác hơn mức độ rủi ro và dự phòng của các công cụ tài chính khi MSB hoàn thành dự án IFRS9 vào cuối năm 2022 và lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế.

MSB đã xây dựng khung quản trị rủi ro mô hình và bắt đầu đưa vào vận hành bộ phận kiểm định mô hình, độc lập với bộ phận phát triển mô hình. Bộ phận kiểm định mô hình là tuyến phòng thủ thứ 2, giúp việc triển khai và áp dụng mô hình trong hoạt động quản lý rủi ro của MSB được hiệu quả hơn, theo đúng định hướng ra quyết định dựa trên mô hình và được tích hợp trong hành trình tín dụng số.

Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và dài hạn, từ tháng 10/2022, thông qua các đối tác chiến lược, ngân hàng đã làm việc với Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) để nhận tư vấn, hỗ trợ trong việc xây dựng văn bản, triển khai hệ thống quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng (bao gồm các tài liệu về chính sách, quy trình, công cụ). Chương trình tư vấn của đối tác USAID dự kiến kéo dài đến hết tháng 3/2023.

Sau khi tiếp nhận đầy đủ, toàn bộ chương trình tư vấn đào tạo từ USAID, MSB sẽ hoàn thiện và trình ban hành Quy chế Khung chính sách về quản lý rủi ro môi trường xã hội (do Hội đồng quản trị ban hành) và Quy định quản lý rủi ro môi trường xã hội (do Tổng Giám đốc ban hành) để triển khai và vận hành việc quản lý rủi ro môi trường xã hội đối với các khoản cấp tín dụng theo đúng quy định tại Thông tư 17 của Ngân hàng Nhà nước và phù hợp với các yêu cầu của các đối tác, nhà đầu tư quốc tế như Proparco...MSB cũng sẽ tổ chức các buổi đào tạo về mảng này cho các cán bộ liên quan trong quy trình cấp tín dụng và thực hiện các hoạt động giám sát, báo cáo theo đúng quy định.

QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG

Trong năm 2022, song song với việc đối mặt và xử lý rủi ro tín dụng do tác động của dịch Covid-19 và biến động của thị trường, MSB đã và đang triển khai các sáng kiến nâng cao năng lực quản trị rủi ro tín dụng đặc biệt cho hành trình số để danh mục tín dụng được phát triển tốt hơn với chất lượng và hiệu quả cao hơn. Tiêu biểu như, dự án số hóa, hệ thống hóa quy trình tín dụng cho khách hàng vừa và nhỏ, khách hàng cá nhân là việc tăng cường mô hình rủi ro tín dụng từ đầu tới cuối hành trình, bao gồm sàng

lọc, chấm điểm khách hàng ban đầu, nhận diện khách hàng tiềm ẩn rủi ro gian lận, mô hình thu nhập, mô hình hành vi, mô hình cảnh báo sớm; tinh gọn quy trình, chính sách; thành lập và triển khai dự án hệ thống hóa quy trình tín dụng trên nền tảng duy nhất (BPM risk), luồng phê duyệt tín dụng tự động (Straight Through Process - STP); áp dụng công nghệ AI, liveliness, logical rules... để quản trị rủi ro gian lận khi cấp tín dụng trên hành trình số.

Với các sáng kiến nâng cao năng lực quản trị rủi ro tín dụng cho hành trình số, đặc biệt cho đối tượng khách hàng bán lẻ và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, MSB kỳ vọng đạt được bước tiến lớn với quyết định phê duyệt tự động và rút ngắn thời gian phê duyệt, tăng trải nghiệm tốt cho khách hàng nhưng vẫn đảm bảo đủ các tiêu chuẩn quản trị rủi ro.

Bên cạnh các rủi ro thường lệ, MSB quan tâm đến rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. Phát triển tín dụng ở các dự án “xanh”, lĩnh vực “xanh” sẽ tiếp tục được MSB ưu tiên, đẩy mạnh trong năm 2023.

QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG VÀ THANH KHOẢN

Năm 2022, MSB tiếp tục duy trì khung quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản - sự kết hợp chặt chẽ giữa vai trò giám sát của quản lý cấp cao các cấp (Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ủy ban và các Hội đồng giúp việc liên quan). Cơ cấu tổ chức gồm 3 tuyến phòng thủ, trong đó công tác quản trị rủi ro tại tuyến 1 được kiểm soát song hành bởi 02 chức năng quản trị bằng cân đối (BSM) và quản lý thanh khoản hàng ngày (ALM) cùng quy trình quản lý rủi ro tiên tiến theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, trong đó nổi bật với các định hướng và cách thức triển khai sau:

- Ứng dụng phương pháp tính vốn tiêu chuẩn (SA) và phương pháp mô hình nội bộ (IMA) theo Basel III để thực hiện kiểm tra chịu đựng (stress test) và đánh giá mức độ đủ vốn nội bộ (ICAAP) đối với rủi ro thị trường số kinh doanh, làm cơ sở điều chỉnh hệ thống hạn mức và hành vi kinh doanh;
- Sử dụng các chỉ số đảm bảo thanh khoản ngắn hạn (LCR) và tỷ lệ vốn ổn định thuần (NSFR) theo tiêu chuẩn Basel III về rủi ro thanh khoản như là kim chỉ nam để ngân hàng thực hiện từng bước lộ trình dự trữ tài sản thanh khoản cao và điều chỉnh hồ sơ rủi ro thanh khoản của tài sản và nguồn vốn, hướng tới đáp ứng toàn diện các tiêu chuẩn khắt khe về rủi ro thanh khoản;
- Trong giai đoạn Quý 4/2022, khi thanh khoản thị trường có những biến động bất thường, ngân hàng đã triển khai và thực thi kịp thời chiến lược quản trị rủi ro trong điều kiện thị trường có diễn biến bất lợi thông qua (1) Dự báo và lượng hóa rủi ro thị trường và thanh khoản theo các kịch bản khác nhau; (2) Theo dõi, bám sát diễn biến trên thị trường, thực hiện các biện pháp phòng ngừa và dự phòng sớm rủi ro phù hợp, kịp thời;

Năm 2023, ngân hàng tiếp tục theo đuổi việc nghiên cứu và ứng dụng phương pháp tính vốn mới, Expected Shortfall (ES) – phương pháp tiếp cận nâng cao Basel III trong quản lý rủi ro thị trường số kinh doanh; phương pháp tính vốn EVE trên cơ sở 06 kịch bản rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II đối với quản lý rủi ro lãi suất số ngân hàng và quản trị thận trọng rủi ro thanh khoản trên cơ sở theo sát kế hoạch kinh doanh (tình hình tăng trưởng tài sản và nguồn vốn) theo từng tháng và dự báo sớm cho 3 tháng tiếp theo, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản trong bối cảnh năm 2023 vẫn được đánh giá là sẽ có nhiều diễn biến phức tạp.

QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG VÀ AN NINH THÔNG TIN

MSB là đơn vị tiên phong trên thị trường trong việc triển khai đo lường và tính toán yêu cầu vốn rủi ro hoạt động theo Basel 3/4, thiết lập kế hoạch vốn mục tiêu và các hạn mức rủi ro hoạt động.

Trong năm 2022, MSB đã triển khai các văn phòng làm việc thay thế và trung tâm dữ liệu dự phòng theo chuẩn quốc tế, ứng phó tốt với Covid-19 và những tình huống khẩn cấp; có hơn 11 năm cơ sở dữ liệu tổn thất rủi ro hoạt động với chất lượng tốt; triển khai phần mềm quản lý rủi ro hoạt động với tần suất nâng cấp 2 năm/lần; triển khai quản lý và đo lường, giám sát rủi ro an ninh thông tin một cách toàn diện; triển khai 3D Secure 2.0 để xác thực thanh toán an toàn.

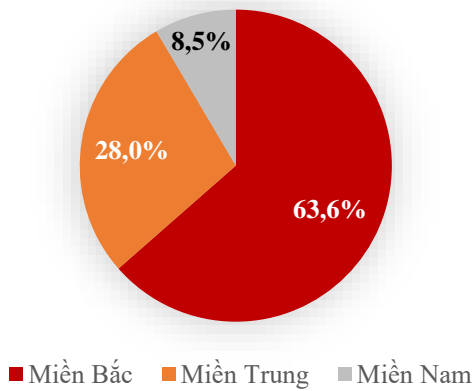
Năm 2023, MSB sẽ cập nhật các chính sách phòng chống gian lận, cải tiến mô hình chấm điểm gian lận (fraud score model), cải tiến quy tắc phát hiện gian lận (fraud detection rules) và tăng cường xác thực thông tin với bên thứ ba qua API để phòng chống gian lận trên môi trường số, tăng cường bảo đảm an toàn thông tin đối với chuyển đổi số (bao gồm an toàn thông tin đối với việc sử dụng điện toán đám mây – cloud computing, cơ sở dữ liệu lớn – big data), diễn tập làm việc tại các văn phòng thay thế, tổ chức kiểm thử thành công hệ thống dự phòng cho các hệ thống trọng yếu.

4. Tổ chức và nhân sự

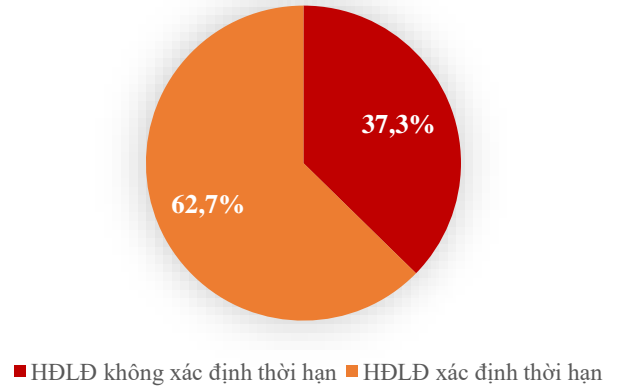
4.1. Thông tin về nhân sự và người lao động

CƠ CẤU LAO ĐỘNG

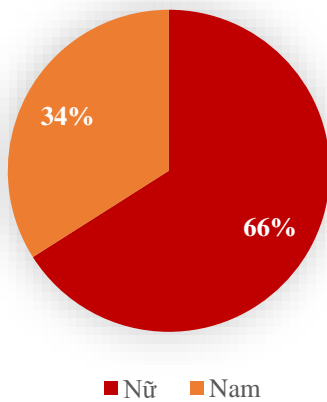
Cơ cấu theo vùng miền:



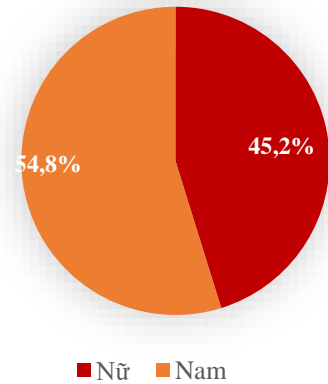
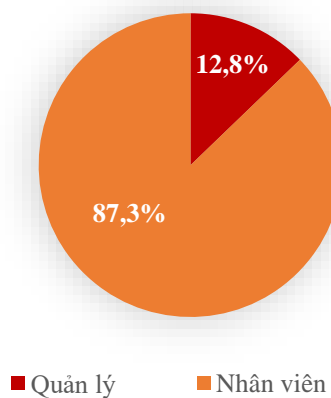
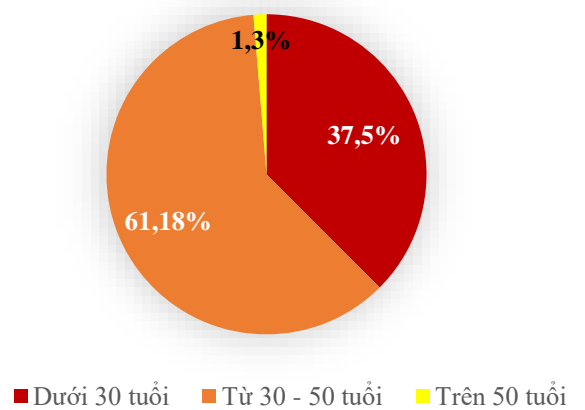
Cơ cấu theo loại Hợp đồng lao động:



Cơ cấu theo giới tính:



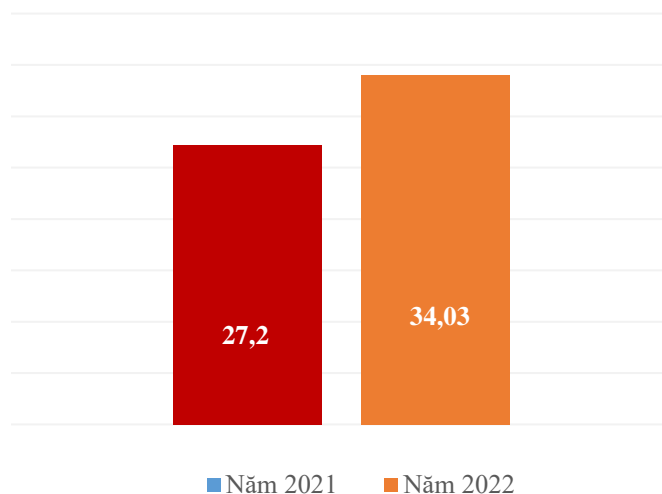
Cơ cấu theo độ tuổi:



Cơ cấu theo phân nhóm chức danh

Nhóm chức danh quản lý phân tách theo giới tính

THU NHẬP BÌNH QUÂN



Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên MSB năm 2021 – 2022 (ĐVT: triệu đồng)

4.2. Hoạt động quản trị nguồn nhân lực

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU NHÀ TUYỂN DỤNG

“Chọn MSB – Chọn vươn tầm sự nghiệp”

Với niềm tin rằng mỗi cá nhân đều có tiềm năng phát triển dù ở bất kỳ giai đoạn nào, MSB không chỉ đơn thuần tuyển dụng, đào tạo hay phát triển mà còn đem tới cơ hội cho các ứng viên có những trải nghiệm đặc biệt về một nơi làm việc chuyên nghiệp, tận tâm và hạnh phúc – môi trường “ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ”. Tiếp tục khẳng định vị thế là tổ chức uy tín trên thị trường lao động, năm 2022 là năm thứ 2 liên tiếp MSB đạt giải thưởng “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á” do HR Asia bình chọn. Trong năm, MSB cũng triển khai các hoạt động truyền thông về:

- Chính sách tuyển dụng công bằng và đảm bảo quyền lợi của ứng viên: Thành lập hội đồng phỏng vấn với nhiều thành viên giỏi chuyên môn, đưa ra đánh giá khách quan, mang đến ứng viên mức thu nhập cao nhất và đãi ngộ tốt tương xứng với năng lực.
- Môi trường làm việc công nghệ cao nhưng vẫn giữ văn hóa doanh nghiệp thân thiện, chia sẻ, đặc biệt quan tâm đến chăm sóc sức khỏe của cán bộ nhân viên: Sự hòa đồng giữa các cấp Lãnh đạo, hoạt động tự phục vụ (Self service) qua hệ thống thông tin nguồn nhân lực (Human Resources Information System - HRIS, khám sức khỏe định kỳ, có phòng khám y tế ngay tại Hội sở...
- Tăng cường quảng bá và tiếp cận với cộng đồng: Thông qua nền tảng mạng xã hội, các hoạt động hợp tác với nhiều trường đại học hàng đầu tại các khu vực trọng điểm như Đại học Kinh

tế Quốc dân, Học Viện Ngân hàng, Đại học Đà Lạt, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học An Giang, Đại học Long An...

- Hợp tác với các đối tác tư vấn uy tín và chất lượng hàng đầu thế giới, bao gồm Mckinsey, Boston Consulting Group (BCG), Temenos.

HOẠT ĐỘNG THU HÚT NHÂN TÀI

MSB là một trong những Ngân hàng đầu tiên xây dựng hoạt động tuyển dụng theo phương thức mới khi áp dụng mô hình Recruitment Marketing - Thu hút và nuôi dưỡng các ứng viên tiềm năng nhằm thúc đẩy đối tượng này ứng tuyển vào ngân hàng, bao gồm việc áp dụng tất cả các nguyên tắc của marketing hiện đại như: truyền thông đa kênh, phân tích dữ liệu cùng các công nghệ tự động hóa để củng cố thương hiệu tuyển dụng và quảng bá định vị giá trị nhân viên (EVP).

Cụ thể, các chương trình tuyển dụng được thiết kế phù hợp cho từng phân khúc ứng viên, giúp MSB tối ưu các điểm chạm, đem lại trải nghiệm khác biệt và phù hợp đối với từng nhóm ứng viên. Một số chương trình nổi bật có thể kể tới như:

- **Chương trình “Tuyển dụng MSB D-Innovation – Nơi vươn tầm Nhân tài số”**

Đây là chương trình tuyển dụng thường niên mảng Công nghệ thông tin và Khoa học máy tính lớn nhất của MSB, được chính thức khởi động từ 09/2021 (D-Innovation 01). Năm 2022, MSB tiếp tục triển khai D-Innovation 02 (03/2022) và D-Innovation 03 (09/2022) và đạt được những con số ấn tượng khi thu hút hơn 1.000 kỹ sư công nghệ ứng tuyển, trong đó có 111 kỹ sư trúng tuyển và phù hợp với các yêu cầu tuyển dụng, đặc biệt ở 3 mảng Developer, Tester & UI/UX.

- **Chương trình Tuyển dụng “MSB Passport to Career”, “MSB Paring Master”, “MSB Break the Limit”**

Đây là nhóm chương trình tuyển dụng thiết kế để thu hút lực lượng bán hàng có kinh nghiệm cho Ngân hàng Bán lẻ và Ngân hàng Doanh nghiệp, đạt kết quả khả quan khi thu hút gần 3.000 ứng viên ứng tuyển, ghi nhận 213 ứng viên trúng tuyển trong năm 2022.

Dựa trên những nghiên cứu và thấu hiểu về mong muốn của ứng viên đối với việc phát huy năng lực và cơ hội thăng tiến khi tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp, MSB không chỉ cung cấp mô tả công việc, mà còn mang tới ứng viên những thông tin chuyên sâu về đặc điểm sản phẩm bán cùng các lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm này trên thị trường, định hướng và tầm nhìn của Ngân hàng chuyên doanh tương ứng, các chính sách đãi ngộ và phúc lợi cụ thể, trò chuyện cùng các chuyên gia trong nghề tại MSB.

- **Chương trình tuyển dụng “Banker chất Z – Tạo ưu thế - Bật chất riêng”**

Với phương châm luôn trao cơ hội dựa trên năng lực và tố chất phù hợp, để ai cũng có thể gia nhập MSB mà không phân biệt tuổi đời, xuất thân hay số năm kinh nghiệm, MSB đã đặc biệt thiết kế chương

trình tuyển dụng “Banker chất Z – Tạo ưu thế - Bất chất riêng” hướng tới phân khúc ứng viên non trẻ, không hoặc chưa có nhiều kinh nghiệm trong ngân hàng, nhằm tạo nguồn cho lực lượng bán hàng của Ngân hàng Bán lẻ.

Chương trình được triển khai trên 14 tỉnh thành, thu hút gần 2.000 ứng viên ứng tuyển, lựa chọn được 220 nhân sự tham gia chương trình đào tạo gồm cả lý thuyết và thực địa.

Ngoài ra, các chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động cũng là cách thiết thực để MSB cổ vũ sự cống hiến, gắn kết với ngân hàng. Liên tục trong hai năm 2021 và 2022, ngân hàng đều có chương trình ESOP (Employee share option plan) phát hành cho những cá nhân có thành tích đóng góp xuất sắc và chung tay xây dựng ngân hàng từ trên 3 năm, các chương trình này đều thành công và nhận được sự ủng hộ nhiệt liệt từ người lao động.

HOẠT ĐỘNG KHÁC

I. Áp dụng cách thức làm việc tối ưu nhờ công nghệ và sức mạnh nội bộ

- **Số hóa quy trình tuyển dụng:**

MSB đã xây dựng và thiết kế các cấu phần (module) phần mềm chuyên biệt để chuẩn hóa quy trình tuyển dụng từ bước lập kế hoạch tuyển dụng, thông báo tuyển dụng, tiếp nhận hồ sơ (CV) ứng viên, phỏng vấn, thông báo kết quả tuyển dụng..., đưa ra phương thức để tối ưu hóa và quản lý dễ dàng nguồn tài nguyên (các kênh đăng tuyển), từ đó sử dụng hiệu quả hơn, phù hợp với từng phân khúc ứng viên khác nhau.

- **Đẩy mạnh nguồn ứng viên thông qua sự giới thiệu của cán bộ nhân viên:**

Với định vị mỗi cán bộ nhân viên là một đại sứ tuyển dụng, là cánh tay nối dài giúp tìm kiếm và thu hút những ứng viên tiềm năng, MSB đã đổi mới, cải tiến chính sách, quy trình giới thiệu nội bộ, xây dựng các chương trình riêng cho từng phân khúc nhằm mang đến những trải nghiệm tốt hơn trong việc thúc đẩy cán bộ nhân viên giới thiệu các ứng viên tiềm năng và chất lượng.

Năm 2022 mang tới kết quả nổi bật khi có 1.132 ứng viên được giới thiệu, gần 200 trường hợp được trả thưởng, đặc biệt riêng mảng công nghệ có hơn 300 hồ sơ được giới thiệu và hơn 60 kỹ sư đã trúng tuyển.

II. Duy trì chính sách hỗ trợ cho người lao động ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19

Với tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đầu năm 2022, ngân hàng tiếp tục triển khai cơ chế hỗ trợ cho người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch, bao gồm cán bộ nhân viên điều trị tại cơ sở y tế 21 ngày trở lên, cán bộ nhân viên điều trị tại cơ sở y tế dưới 21 ngày, cán bộ nhân viên điều trị tại nhà. Chế độ hỗ trợ “3 tại chỗ” đối với người lao động ở lại và làm việc tại văn phòng cũng được MSB duy trì và liên tục đánh giá, điều chỉnh để phù hợp diễn biến của dịch.

Bên cạnh đó, ngân hàng hỗ trợ cán bộ nhân viên thực hiện hồ sơ, thủ tục để nhận tiền hỗ trợ từ nhà nước đối với các trường hợp ở trọ, thuê nhà đủ điều kiện nhận hỗ trợ theo quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/03/2022 với thời gian tối đa 03 tháng.

III. Xây dựng cơ chế trả lương theo doanh thu thuần (TOI), cơ chế lương theo kết quả KPI (Incentive) cho các đơn vị mới; điều chỉnh lương và số hóa trao đổi đánh giá 1-1

Trong năm 2022, ngân hàng đã nghiên cứu xây dựng cơ chế trả lương theo doanh thu thuần (TOI) cho Ngân hàng Bán lẻ tại các siêu chi nhánh và 30 điểm giao dịch điển hình nhằm phát triển đột phá các đơn vị có tiềm năng tăng trưởng kinh doanh tốt. Bên cạnh đó, MSB triển khai và ban hành cơ chế trả lương theo kết quả KPI (incentive) cho (1) - Nhóm Thu hồi nợ và bảo hiểm (Bancassurance) của Trung tâm bảo hiểm (Ngân hàng Bán lẻ) sau khi chuyển đổi mô hình sang bán trực tiếp và (2) - Nhóm dự án Quản trị tinh gọn thực hiện cho Khối Quản lý Rủi ro và Khối Vận hành.

Bên cạnh đó, ngân hàng tiếp tục thực hiện điều chỉnh lương tối thiểu vùng kể từ 01/07/2022 theo quy định của pháp luật và triển khai điều chỉnh lương định kỳ năm 2022. Bên cạnh đó, công tác đánh giá, trao đổi 1-1 của cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên cũng đã được số hóa bước đầu.

IV. Triển khai “Ngày hội khai trường”

Năm 2022 là năm đầu tiên MSB triển khai và ban hành phúc lợi “ngày hội đưa con đến trường” dành cho cán bộ nhân viên có con bắt đầu đi học lớp 1. Cán bộ nhân viên sẽ được nghỉ nửa ngày để tham gia khai giảng đầu cấp tiểu học cùng con.

V. Tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào các chương trình đào tạo phát triển năng lực

- Các chương trình đào tạo phát triển năng lực được triển khai mạnh mẽ với 06 chuỗi chương trình đào tạo cho 1.153 cán bộ lãnh đạo/cán bộ quản lý tham dự, cụ thể:

Nhóm đào tạo Phát triển năng lực	Nội dung khóa đào tạo
Cán bộ lãnh đạo: 02 Khóa (M.Leader & RB Leader) ✓ Số lượng tham dự khóa học: 324 lượt ✓ Đánh giá trung bình khóa học M. Leader: 4,6/5 ✓ Đánh giá trung bình khóa học RB Leader: 4,65	Khóa đào tạo cho lãnh đạo MSB ✓ Đào tạo Agile cho cấp quản lý (Agile for Manager) ✓ Nền tảng lãnh đạo tạo đột phá ✓ Tư duy chuyển đổi số Khóa đào tạo cho lãnh đạo Ngân hàng bán lẻ: ✓ Tư duy chuyển đổi số

	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Hoạch định kinh doanh ✓ Sáng tạo và đổi mới trong công việc ✓ Xây dựng mạng lưới quan hệ và giao tiếp hiệu quả
<p>Cán bộ quản lý: 04 khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Số lượng tham dự khóa học: 634 lượt ✓ Đánh giá trung bình khóa học: 4,65/5,00 	<p>Các khóa đào tạo quản lý cấp trung:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Đào tạo Agile cho cấp quản lý (Agile for Manager) ✓ Nền tảng lãnh đạo tạo đột phá ✓ Tư duy chuyển đổi số ✓ Thiết kế tư duy (Design Thinking) <p>Nhóm các chương trình quản lý của Ngân hàng chuyên doanh/Khối:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Ngân hàng bán lẻ: BM Bootcamp, BM Quy hoạch, Quản lý con người ✓ Ngân hàng doanh nghiệp: EB Hub Head Quy hoạch, Lead Ahead ✓ Quản lý rủi ro: Quản lý con người
<p>Talentpool: 4 cấu phần với</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Số lượng tham dự khóa học: 113 lượt ✓ Đánh giá trung bình khóa học: 4.7/5.00 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Làm việc theo phong cách Agile (Agile me) ✓ Huấn luyện và cố vấn (Coaching & Mentoring) ✓ Thiết kế tư duy (Design Thinking) ✓ Lễ tốt nghiệp – bảo vệ dự án về tỉ suất hoàn vốn (ROI)

- Hình thức đào tạo và chất lượng của giảng viên nội bộ được đa dạng hóa và liên tục đẩy mạnh để phù hợp với các đối tượng học viên khác nhau (cơ bản/nâng cao, trực tuyến/trực tiếp). Điểm đánh giá các khóa đào tạo của giảng viên nội bộ MSB tăng lên rõ rệt, từ 4.3 lên 4.6.
- Thời gian đào tạo trung bình năm: 39,68 giờ với cán bộ quản lý, 20,18 giờ với cán bộ nhân viên.

5. Hoạt động phát triển văn hóa MSB

Với sứ mệnh “Vì một cuộc sống thuận ích hơn” và tầm nhìn trở thành “Ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ”, MSB hướng tới một tổ chức tương lai có thể cung cấp những sản phẩm dịch vụ tài chính thuận tiện và lợi ích nhất tới khách hàng, trở thành “Ngôi nhà thứ hai” với môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp đối với cán bộ nhân viên, đem lại giá trị lợi ích lớn nhất cho cổ đông, nhà đầu tư. Đồng thời, MSB cũng sẽ là đối tác uy tín trong các quan hệ hợp tác, phục vụ tốt nhất

cho cộng đồng thông qua việc tổ chức, tham gia các hoạt động thiện nguyện, góp phần xây dựng xã hội nhân văn.

MSB mong muốn xây dựng một tổ chức có văn hóa mạnh mẽ tích cực với các giá trị cốt lõi hướng tới là Trách nhiệm - Lắng nghe - Tôn trọng - Sáng tạo - Hiệu quả.

Trong giai đoạn chiến lược 2018 – 2022 vừa qua, MSB đã có những bước phát triển rất tích cực, chuyển biến từ định hướng kinh doanh đến phương thức quản lý, vận hành, đưa các chu trình số hóa vào thực tế dần dần. Trong những năm tới, MSB cũng sẽ thay đổi để hướng đến văn hóa số, văn hóa thay đổi để hiệu quả hơn trong mọi hoạt động của ngân hàng. Trong đó, nền tảng đào tạo năng lực, gia tăng trải nghiệm và gắn kết cho cán bộ nhân viên là trọng điểm giúp đạt những chuyển đổi quan trọng này.

Theo đó, MSB cũng cần thiết xây dựng văn hóa tổ chức vững mạnh để tạo đòn bẩy giúp ngân hàng phát triển không những hiệu quả mà còn bền vững. Vì thế, ngân hàng cần có triết lý, phương pháp luận và các công cụ phù hợp giúp văn hóa được lan tỏa một cách tự nhiên, được gìn giữ lâu dài và tạo được bản sắc đại diện rõ nét của MSB.

Những thay đổi tích cực và nền tảng chiến lược của MSB trong thời gian qua đã tạo điều kiện cho các hành động phát triển văn hóa vươn tầm. Phần lớn nhân sự cấp cao và chủ chốt đều tin tưởng, gắn kết và có tâm thế sẵn sàng thay đổi, trao quyền. Cùng với đó, trên thực tế là chiến lược chuyển đổi số mạnh mẽ tạo ra những thách thức lớn về văn hóa và tư duy, MSB cần xây dựng một đội ngũ chuyên trách với các nhiệm vụ cụ thể về văn hóa doanh nghiệp để thúc đẩy các hoạt động đổi mới tư duy, thích nghi ứng biến và chuyển đổi văn hóa trong tổ chức.

Ngày 22/11/2022, Chủ tịch HĐQT MSB đã ký quyết định thành lập Ban Văn hóa Doanh nghiệp, đơn vị chuyên trách triển khai, phát triển văn hóa của MSB. Đơn vị có nhiệm vụ cụ thể: Xây dựng nền tảng văn hóa doanh nghiệp bền vững, có bản sắc riêng nhằm tạo sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh cho ngân hàng.

Song hành cùng Chiến lược MSB giai đoạn 2023 - 2027, Ban Văn hóa Doanh nghiệp sẽ cần xây dựng văn hóa tổ chức có tính chất nhân văn với nền tảng bền vững. Cùng với đó, văn hóa được xây dựng sẽ giúp hỗ trợ chiến lược chuyển đổi số của tổ chức; Cải thiện trải nghiệm nhân viên, truyền cảm hứng để phát triển đội ngũ nhân sự tài năng, có tầm nhìn, có khát vọng vươn tầm sự nghiệp và làm chủ chiến lược phát triển của MSB; Từ đó nâng cao sức hấp dẫn của thương hiệu nhà tuyển dụng.

Lộ trình phát triển gồm 02 giai đoạn:

Giai đoạn 1 (2023 - 2024): Tạo nền móng cho hoạt động văn hóa doanh nghiệp; Xây dựng chiến lược văn hóa doanh nghiệp với các chuẩn mực văn hóa MSB, giúp thúc đẩy hiệu quả làm việc của đội ngũ và hiệu quả vận hành của MSB; tạo chuẩn mực mới về vận hành, ứng xử trong ngành ngân hàng tại Việt Nam; Xây dựng Đội ngũ Đại sứ văn hóa nhằm định hướng và làm gương trong mọi chuẩn mực

hành động của ngân hàng; Tạo sự đồng thuận và đồng bộ triển khai trong các chuẩn mực văn hóa tư duy của MSB; Xây dựng chiến lược tuyển dụng, phát triển, thăng tiến dựa trên các chuẩn mực này; Thiết lập hệ thống lưu trữ, hoạch định, triển khai và chấm điểm chuẩn mực văn hóa của toàn đội ngũ nhân sự ngân hàng.

Giai đoạn 2 (2025 - 2027): Đặt mục tiêu thúc đẩy và lan tỏa trên cơ sở đã có sự sàng lọc và tinh gọn văn hóa doanh nghiệp; Tinh chỉnh các nội dung chuẩn mực văn hóa đã xây dựng trên cơ sở kết quả thử nghiệm đánh giá trên toàn hệ thống; Triển khai mạnh các hoạt động văn hóa doanh nghiệp để đạt các mục tiêu chiến lược ưu tiên đề ra; Xây dựng lộ trình và đồng hành cùng đội ngũ Đại sứ văn hóa, triển khai tuyển chọn nhóm Đại sứ văn hóa theo từng đợt; đảm bảo đủ nguồn lực theo nhu cầu; Đánh giá rà soát các hoạt động tuyển dụng, phát triển, thăng tiến đảm bảo thực hiện đúng theo các chuẩn mực đã xây dựng; Đánh giá mức độ nhận biết của cán bộ nhân viên về văn hóa của ngân hàng sau khi đã được xây dựng và phổ cập ở giai đoạn trước; tạo cơ sở để thiết lập chiến lược văn hóa doanh nghiệp phù hợp trong những năm tiếp theo.

6. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2022, MSB đã triển khai nhiều dự án chiến lược với ngân sách đầu tư lên tới hàng triệu đô, tiêu biểu như:

6.1. Dự án Chuyển đổi năng lực đội ngũ bán hàng (Sales Transformation): Là dự án nhằm thực hiện các sáng kiến với mục tiêu nâng cao năng lực tuyển đầu trên các khía cạnh: mô hình bán hàng; quy trình và kế hoạch bán; quản lý chiến dịch ứng dụng AI; chuyển đổi kênh giao dịch; xây dựng năng lực bán hàng tốt nhất thị trường...

6.2. Dự án Chuyển đổi cấu trúc doanh nghiệp (Enterprise Architecture Transformation - EA): Xác định thiết kế EA để giải quyết ba thách thức cốt lõi của chuyển đổi số trên quy mô lớn, đảm bảo sự phù hợp của lộ trình công nghệ (IT roadmap) và đầu tư với chiến lược kinh doanh tổng thể. Song song đó, dự án cũng hỗ trợ cải tiến các hệ thống chiến lược (hạ tầng ngân hàng điện tử, quản lý quan hệ khách hàng - CRM sales). EA Transformation đã được hoàn thành trong năm 2022.

6.3. Dự án Nhà máy số - Digital Factory

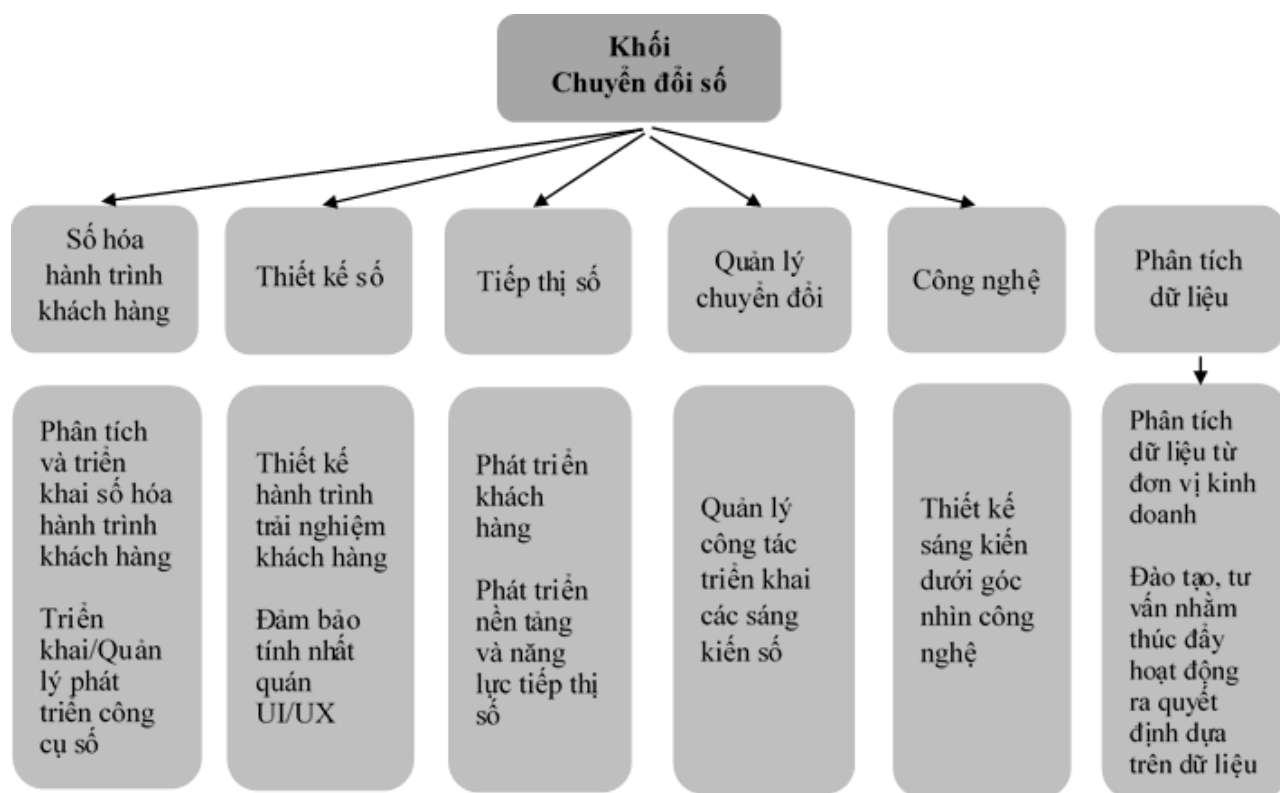
Nhà máy số (Digital Factory – DF) được MSB xây dựng với tham vọng dẫn dắt chuyển đổi các quy trình truyền thống sang hành trình khách hàng (Customer Journey – CJ) nhằm mục đích tái thiết kế quy trình trở nên đơn giản và thông suốt; qua đó chuyển dịch những công việc thủ công, giấy tờ sang quy trình số hóa trọn vẹn, mang đến những trải nghiệm thuận ích nhất cho người sử dụng đồng thời đưa phương thức “làm việc số” dần trở thành DNA của toàn ngân hàng.

Bên cạnh đó, DF còn là “đầu não” trong việc triển khai mô hình “Agile@scale” tại MSB. Mô hình này cho phép MSB liên tục xây dựng – điều chỉnh – thử nghiệm sản phẩm mới và rút ngắn thời gian đưa

sản phẩm ra thị trường. Nói cách khác, giải pháp của MSB xuất phát từ nhu cầu và trải nghiệm của khách hàng, không đơn thuần để đáp ứng “đề bài chung” của thị trường.

Dự án DF đánh dấu quá trình đầu tư nghiêm túc của MSB trong hành trình chuyển đổi số cùng mức ngân sách lên tới 2.000 tỷ đồng. DF chính thức đổi tên thành Khối Chuyển đổi số kể từ tháng 9/2021 với sự trợ giúp từ đối tác tư vấn uy tín hàng đầu thế giới BCG. Bên cạnh việc hỗ trợ xây dựng các yếu tố nền tảng như cơ cấu tổ chức, chuyển giao năng lực chuyển đổi số, thiết lập khung quản trị Agile, BCG còn trực tiếp tham gia đồng triển khai phát triển các nhóm giải pháp chính cùng DF, đồng thời liên tục cập nhật biến động thị trường, xây dựng chiến lược chuyển đổi số linh hoạt, đảm bảo MSB bám sát kế hoạch mục tiêu chuyển đổi số.

Cơ cấu tổ chức của Khối Chuyển đổi số:



Trải qua hơn một năm hoạt động, Khối Chuyển đổi số (DF) đã ghi nhận nhiều thành tựu nổi bật mang tính tiên phong trong ngành tài chính - ngân hàng.

Về mảng sản phẩm - dịch vụ, tính đến hết năm 2022, Khối Chuyển đổi số đã triển khai thành công 8 hành trình khách hàng trong đó các hành trình thẻ, hành trình cho vay không tài sản đảm bảo, bảo hiểm phi nhân thọ bán độc lập đều được số hóa 100%. Thay thế các thao tác thủ công nặng về giấy tờ, khách hàng đến với MSB đã được trải nghiệm quy trình hoàn toàn trực tuyến, có tính tự động hóa cao. Toàn bộ các bước từ đăng ký, phê duyệt, thẩm định cho đến giải ngân hoặc phát hành đều có thể thực hiện ngay trên nền tảng số thông qua thiết bị điện tử kết nối internet. Mặt khác, việc số hóa thành công các

quy trình, thủ tục cũng cải thiện đáng kể thời gian khách hàng tiếp cận và sử dụng sản phẩm - dịch vụ, giảm từ vài ngày, vài tuần xuống chỉ còn vài giờ, thậm chí vài phút.

Về hiệu quả kinh doanh, việc số hóa hành trình khách hàng đã nâng tỷ lệ tham gia của khách hàng cá nhân lên đến 53% và 49% đối với khách hàng doanh nghiệp. Doanh thu thuần của Khối Chuyển đổi số đạt 116% kế hoạch năm 2022. Từ những cải thiện đáng kể về thời gian hoàn thành quy trình (TAT), tỷ lệ đúng từ lần đầu tiên (FTR) hay tỷ lệ số hóa hành trình của các CJ..., ngân hàng đã bắt đầu tiết kiệm được các chi phí vận hành và góp phần điều chỉnh tỉ lệ CIR tổng thể.

Về năng lực vận hành nội bộ, Khối Chuyển đổi số cũng đã thiết lập hai đơn vị nghiệp vụ mang tính chuyên môn đặc thù cho các hoạt động kinh doanh số là phòng Tiếp thị số (Digital Marketing) và phòng Thiết kế số (Digital Design), được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị kinh doanh và dự án tại MSB trong những năm tiếp theo, đồng thời liên tục cải tiến, thay đổi cách thức tiếp thị của ngân hàng trong bối cảnh thị trường ngày càng trở nên cạnh tranh hơn.

Ở khía cạnh quản trị, cơ chế quản trị trong Khối Chuyển đổi số được thiết lập theo phương pháp “Agile” linh hoạt, hiện đại và không ngừng hoàn thiện qua từng giai đoạn. Theo đó, phòng Quản lý Chuyển đổi số (TMO) chính là hạt nhân quan trọng nhất trong nhiệm vụ xây dựng, triển khai các cơ chế quản trị dự án theo mô hình Agile. Cụ thể hơn, nội dung báo cáo giữa Khối Chuyển đổi số và Ban Lãnh đạo ngân hàng cũng như quá trình chia sẻ thông tin giữa DF với các khối/đơn vị khác thuộc MSB đều được triển khai một cách đồng bộ, nhịp nhàng với tần suất rõ ràng, tạo nên sự trợ giúp cần thiết và kịp thời cho các dự án.

Khối Chuyển đổi số cũng áp dụng và triển khai rộng rãi nền tảng Agile nhằm tạo đòn bẩy cho quá trình mở rộng quy mô ngân hàng. Trên thực tế, mô hình vận hành Agile cho phép MSB liên tục xây dựng - điều chỉnh - thử nghiệm sản phẩm mới và có thể rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường, từ đó tác động trực tiếp tới phong cách và tư duy xử lý công việc của nhân sự, nâng cao tính sẵn sàng đáp ứng cùng khả năng thích ứng linh hoạt trong mọi hoàn cảnh, môi trường.

Đặc biệt, Khối Chuyển đổi số chính là đơn vị tiên phong ứng dụng phương pháp ra quyết định dựa trên số liệu trong tất cả các hoạt động phát triển số hóa. Ngoài ra, các khung quản trị dự án nền tảng cũng được thể chế hóa đồng thời giám sát thực hiện chặt chẽ, qua đó đảm bảo hiệu suất triển khai, giảm thiểu rủi ro, tiết kiệm chi phí và quản lý tài nguyên hợp lý.

Khối Chuyển đổi số đặt mục tiêu tới năm 2027, 60% số lượng khách hàng cá nhân và 40% số lượng khách hàng doanh nghiệp mà ngân hàng thu hút sẽ đến từ kênh số, nâng tổng số lượng giao dịch của khách hàng qua kênh này lên 80%, đồng thời giảm 70% khối lượng công việc giấy tờ trên toàn hệ thống. Song song đó, mục tiêu lan tỏa và áp dụng phương thức làm việc Agile trên toàn hàng vẫn được ưu tiên triển khai để MSB chuyển đổi mạnh mẽ về “chất”, sớm “chạm” tới tham vọng trở thành ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt nhất dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại.

6.4. Dự án xây dựng báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS

Hiện nay, một trong những chuẩn mực quan trọng mà nhiều ngân hàng đã và đang hướng tới áp dụng chính là Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và chuẩn mực quản trị rủi ro theo Basel 3. IFRS 9 được ban hành vào 24/07/2014 và có hiệu lực áp dụng đối với các năm tài chính bắt đầu và sau 01/01/2018, là sự thay đổi quan trọng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. IFRS 9 đưa ra mô hình tổn thất tín dụng dự kiến (Expected Credit Loss – ECL), áp dụng cho tất cả các công cụ tài chính liên quan đến rủi ro tín dụng. Với IFRS 9, các ngân hàng sẽ phải trích lập dự phòng cho các khoản tổn thất trong tương lai, ngược với thực tiễn hiện hành là chỉ trích lập dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh. Việc áp dụng chuẩn mực kế toán IFRS 9 sẽ cho phép các ngân hàng Việt Nam quản lý rủi ro tốt hơn, phù hợp với các thông lệ tốt nhất trên toàn cầu, tăng khả năng so sánh, gia tăng chất lượng thông tin công bố từ đó mở cánh cửa hội nhập vào thị trường vốn quốc tế.

Ngày 16/3/2020, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Việt Nam. Lộ trình áp dụng này gồm 3 giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị từ năm 2020 đến hết 2021, giai đoạn áp dụng tự nguyện từ 2022 đến hết năm 2025, giai đoạn bắt buộc áp dụng từ sau năm 2025. Nhận thấy tầm quan trọng của việc triển khai áp dụng chuẩn mực kế toán IFRS 9, MSB đã thành lập Tổ dự án IFRS từ tháng 10/2021, với mục tiêu:

- Đào tạo cho nhân sự MSB về các yêu cầu của IFRS, các khác biệt cơ bản so với VAS; các mô hình cần thiết để triển khai IFRS và các phương pháp xây dựng mô hình.
- Phân tích thực trạng, đánh giá khoảng cách của IFRS trên toàn bộ các khía cạnh: hệ thống quy trình, chính sách, dữ liệu, mô hình, kế toán, báo cáo tài chính (BCTC)...và đưa ra lộ trình chi tiết triển khai IFRS tại MSB.
- Xây dựng chính sách kế toán, các công cụ, quy trình đảm bảo tuân thủ IFRS; quy trình lập và mẫu biểu BCTC theo IFRS.
- Lập báo cáo tài chính lần đầu và cập nhật các chính sách kế toán hiện hành của MSB tuân thủ theo các yêu cầu của IFRS.
- Kiểm toán BCTC do MSB lập và kiểm định mô hình đã được xây dựng trong dự án.

Tính đến thời điểm tháng 12/2022, MSB đã hoàn thành tất cả các hạng mục của Dự án IFRS bao gồm xây dựng và ban hành: (1) Mô hình tính toán tổn thất tín dụng dự kiến theo IFRS 9; (2) Chính sách kế toán theo IFRS; (3) Sổ tay hướng dẫn lập BCTC theo IFRS; (4) Quy trình lập BCTC IFRS. Đồng thời, MSB cũng đã hoàn thiện báo cáo tài chính IFRS kiểm toán lần đầu cho năm kết thúc ngày 31/12/2021, và sẽ được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Trong năm 2023 và các năm tới, MSB sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy trình vận hành phù hợp với thông lệ thị trường, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu để lập BCTC theo IFRS và định kỳ lập và kiểm toán BCTC IFRS của ngân hàng.

6.5. Dự án hiện đại hóa hệ thống ngân hàng lõi và một số dự án công nghệ

Được khởi động từ tháng 4/2021, dự án hiện đại hóa hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) là một trong những dự án trọng điểm về công nghệ của ngân hàng với tổng mức đầu tư 500 tỷ đồng. Đây được coi là “xương sống” cho chiến lược chuyển đổi số, giúp MSB không chỉ có những bước đi vững chắc theo sự chuyển dịch số của toàn cầu mà còn tạo ra sự bứt phá cho những năm tiếp theo.

Trong năm 2022, dự án đã hoàn tất bộ yêu cầu nghiệp vụ và kỹ thuật của giai đoạn phân tích. Cũng trong thời gian này, các tài liệu thiết kế đang được hoàn tất. Đồng thời, các yêu cầu tùy biến, tinh chỉnh, kiểm thử cũng đang được MSB và nhà thầu phối hợp chặt chẽ để đảm bảo chất lượng và tiến độ của dự án. Dự kiến, tới tháng 9/2023, hệ thống mới sẽ chính thức đi vào hoạt động.

Hướng tới mục tiêu số hóa, trong năm qua, MSB đã tăng tốc chuyển đổi số trên cơ sở 3 nền tảng Quản trị, Bảo mật, Cởi mở - tăng cường cộng tác và 3 trụ cột chính: Phát triển nền tảng và số hóa hành trình khách hàng, Dịch vụ hạ tầng, Dịch vụ dữ liệu. Một số các dự án đã triển khai trong 2023 như sau:

- **Nâng cao nền tảng quản trị:**
 - Từ đầu năm 2022, với sự tư vấn của McKinsey, MSB đã triển khai dự án xây dựng khung kiến trúc doanh nghiệp (Enterprise Architect). Dự án tập trung xây dựng khung kiến trúc và danh mục năng lực công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế và được hoàn thành vào tháng 5/2022. Song song, MSB chủ động tự xây dựng quy trình và mô hình hội đồng kiến trúc (BAR), được McKinsey đánh giá đạt tiêu chuẩn (8/2022) giúp tiết kiệm chi phí cho ngân hàng.
 - Bảo mật: MSB liên tục nâng cao năng lực bảo mật an toàn thông tin thông qua việc triển khai giải pháp phân loại và gán nhãn dữ liệu DLP (Data Loss Prevention), xây dựng trung tâm giám sát an toàn thông tin SOC (Security Operation Center), xây dựng và cung cấp dịch vụ DevSecOps giúp trợ tự động hoá công tác rà soát đánh giá thông tin.
 - Cởi mở và tăng cường cộng tác: Thực hiện đào tạo về cách thức phát triển phần mềm linh hoạt (Agile/Scrum) cho tất cả các nhân sự chủ chốt và chia các nhóm làm việc theo phương thức mới.
- **Phát triển nền tảng và số hóa hành trình khách hàng:** Ngân hàng triển khai dự án BPM (Business Process Management) - thực hiện số hóa quy trình tác nghiệp tín dụng để tối ưu hóa nguồn lực tại bộ phận tác nghiệp tín dụng từ đó cải thiện năng suất lao động của các cán bộ nhân viên tham gia trực tiếp vào hành trình khách hàng tại MSB. Bên cạnh đó, để hỗ trợ kinh doanh tốt hơn, dự án CAS (Customer Analysis and Selection System)/CSS (Credit Scoring System) ra đời nhằm nâng cao khả năng chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng theo lô với số lượng lên đến hàng triệu khách hàng; khi khối lượng giao dịch tăng lên thì việc nâng cấp trực tích hợp ESB (Enterprise Service Bus) là cần thiết và dự án nâng cấp đã ra đời nhằm nâng tốc độ xử lý giao dịch tăng gấp đôi so với năng lực lúc trước khi triển khai.

- **Dịch vụ hạ tầng:** Triển khai nhóm dự án nâng cấp hạ tầng công nghệ nhằm nâng cao năng lực hạ tầng, mạng lưới hệ thống (network), vận hành, giám sát và dự phòng, bao gồm việc tăng cường khả năng lưu trữ, xử lý dữ liệu, sẵn sàng đáp ứng cho việc mở rộng hạ tầng, hoàn thành xây dựng và áp dụng bộ tiêu chuẩn giám sát cho 05 hệ thống trọng yếu...
- **Dịch vụ dữ liệu:**
 - Hoàn thành Dự án IFRS: Xây dựng hệ thống báo cáo tài chính theo chuẩn quốc tế (IFRS 9).
 - Dự án quản trị dữ liệu (Data Governance) giai đoạn 1: Xây dựng nền tảng và hệ thống quản trị dữ liệu để bảo mật và tối ưu hóa khai thác dữ liệu tập trung toàn hàng, hỗ trợ ra quyết định kinh doanh kịp thời.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của MSB

Việt Nam - trong bối cảnh là một đất nước chịu tác động nặng nề từ biến đổi khí hậu, hiện đang gặp nhiều thách thức trong việc hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Với vai trò là một trong những ngân hàng có vị thế quan trọng trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, MSB nhận thức sâu sắc tầm ảnh hưởng và trách nhiệm của mình đến kinh tế - xã hội trong vai trò đồng hành cùng Chính phủ để thực hiện cam kết của Thủ tướng về việc đưa đất nước đạt tới mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 tại Hội nghị COP26 năm 2021.

MSB nhận thức được rằng tuy các hoạt động trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng không trực tiếp có tác động tới môi trường, nhưng các dự án, khách hàng được MSB tài trợ có thể gây ra các tác động trực tiếp và nặng nề tới môi trường. Vì vậy, MSB đã và đang thiết lập cơ chế và công cụ để thực hiện cho vay có trách nhiệm như: thực hiện quản trị rủi ro Môi trường – Xã hội – Quản trị (Environmental, Social and Governance – ESG), hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro môi trường xã hội (Environmental and Social Management System – ESMS), thiết lập lộ trình và điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp để giảm dần tỷ trọng và tiến tới loại khỏi danh mục tín dụng các lĩnh vực phát thải carbon cao, tập trung cung cấp tài chính cho các lĩnh vực và doanh nghiệp ít phát thải. Đồng thời, MSB cũng nghiêm túc thực hiện các quy định về môi trường, dành nhiều hoạt động nội bộ nhằm nâng cao nhận thức trong việc sử dụng hợp lý năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; và áp dụng các biện pháp giám sát trong tiêu thụ năng lượng, xả thải trong quá trình vận hành góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường chung.

Năm 2022, MSB lần đầu tiên xây dựng báo cáo phát triển bền vững (BCPTBV) riêng biệt. Phạm vi báo cáo hoạt động phát triển bền vững (PTBV) của MSB bao gồm 1 hội sở chính, 62 chi nhánh và 201 phòng giao dịch tại các tỉnh/thành phố trên cả nước, công ty con (Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (FCCOM)). Năm 2022 là năm đầu tiên MSB xây dựng dữ liệu về phát thải khí nhà kính (KNK) từ các hoạt động của mình. Phương pháp kiểm kê của chúng tôi sử dụng theo phương pháp luận của





Nghị định về kiểm kê phát thải KNK và Hướng dẫn của Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC) và tuân theo Hướng dẫn về kiểm kê KNK quốc gia (2006). Căn cứ theo báo cáo KNK, MSB sẽ xây dựng quy chế quản lý các nguồn phát thải KNK và tiếp tục nỗ lực giảm phát thải KNK của chính ngân hàng, không chỉ để giảm tác động đến môi trường của các hoạt động kinh doanh của ngân hàng, mà còn trên quan điểm giảm thiểu biến động và rủi ro danh tiếng.







Báo cáo PTBV được xây dựng giúp làm rõ định hướng chiến lược và cam kết của MSB với các bên liên quan. Việc lập BCPTBV giúp chúng tôi chủ động rà soát và đánh giá lại các hoạt động đã được thực hiện trong năm trên các khía cạnh về phát triển bền vững (PTBV). Trong quá trình thực hiện các hoạt động hướng tới mục tiêu này, MSB luôn trao đổi với các đối tác nhằm nhận diện các vấn đề được quan tâm từ đó xác định vấn đề trọng yếu cần được thực hiện, rà soát và cải tiến. Thông qua BCPTBV, MSB hướng đến sự minh bạch thông tin về các tác động từ hoạt động của mình đến kinh tế, môi trường, xã hội với các bên quan tâm. Điều này giúp Ban lãnh đạo định hướng các kế hoạch phát triển vì mục tiêu PTBV, đồng thời cân bằng lợi ích của các bên liên quan.






Tại báo cáo thường niên năm 2022, MSB trình bày tóm tắt các thông tin: chiến lược phát triển bền vững của MSB, các chủ đề trọng yếu trong PTBV, mục tiêu PTBV năm 2023 và đánh giá hoạt động của MSB năm 2022 theo 3 lĩnh vực Kinh tế - Môi trường - Xã hội. Các thông tin chi tiết về Báo cáo phát triển bền vững, vui lòng tham khảo Báo cáo phát triển bền vững năm 2022 của MSB (báo cáo độc lập).

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong tương lai, định hướng phát triển của MSB là dựa theo 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc.

Lĩnh vực	Khía cạnh	Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
<p>Kinh tế (Economic)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đi đầu trong việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng thân thiện, minh bạch, an toàn với khách hàng và nhà đầu tư. • Thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận gắn với phát triển bền vững và lợi ích của các bên liên quan. • Trở thành ngân hàng hoạt động hiệu quả và uy tín hàng đầu Việt Nam • Tích cực giữ vai trò luân chuyển nguồn vốn tài chính xanh từ quốc tế tới các doanh nghiệp/dự án đạt tiêu chuẩn “xanh” nhằm xây dựng ngân hàng “xanh” 	   

Lĩnh vực	Khía cạnh	Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
Môi trường (Environment)	<ul style="list-style-type: none"> • Kết nối nguồn vốn và cơ hội đầu tư đến các dự án “xanh”. • Rà soát, đánh giá chặt chẽ hoạt động cấp tín dụng cho tất cả các dự án để đảm bảo không cấp tín dụng cho các tổ chức/dự án có ngành nghề hoạt động nằm trong danh sách loại trừ cấp tín dụng theo chuẩn quốc tế về rủi ro môi trường xã hội (“exclusion list”) và hướng tới chuỗi cung ứng phát thải ròng bằng “0”. • Tiến tới danh mục các nhà cung cấp trung tính với khí hậu – “climate-neutrally”. • Thực hiện chương trình nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguồn nhiên liệu, năng lượng. • Kiểm soát và giảm thiểu các tác động môi trường từ các hoạt động của ngân hàng. 	     

Lĩnh vực	Khía cạnh	Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
Xã hội (Social)	<ul style="list-style-type: none"> • Đối với người lao động: <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục duy trì, bổ sung thêm các hoạt động hỗ trợ, chăm lo đời sống và tinh thần cho toàn thể nhân viên nhằm đạt được hiệu quả cao trong công việc. - Đảm bảo duy trì chất lượng cơ sở vật chất nhằm tạo không gian làm việc chuyên nghiệp, thoải mái và thân thiện. - Triển khai các khóa đào tạo nội bộ chuyên sâu cho các cán bộ nhân viên cấp cao, cũng như những khóa đào tạo hội nhập hỗ trợ các nhân sự mới trong công việc. - Phát triển môi trường làm việc lành mạnh, tạo điều kiện cho nhân sự không ngừng bồi dưỡng, nâng cao và phát triển bản thân. - Tôn trọng giới tính, không phân biệt đối xử khi tuyển dụng, làm việc và cơ hội thăng tiến. - Duy trì giám sát và thực hiện nghiêm ngặt các nguyên tắc bình đẳng trong công việc. • Đối với cộng đồng: <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư có trách nhiệm và đồng hành cùng các dự án được đầu tư. • Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng tại các địa phương mà các chi nhánh MSB có mặt, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. 	    
Quản trị (Governance)	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả, tuân thủ các quy định về quản trị công ty và các luật quy định • Đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông • Đảm bảo vai trò, quyền lợi của các bên liên quan • Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động • Đảm bảo sự giám sát của HĐQT và Ban Lãnh đạo 	

Thông qua việc phân tích tình hình hoạt động của MSB và các mối quan tâm của các bên liên quan, chúng tôi đã chọn đưa ra các khía cạnh trọng yếu, mang tính quyết định cho định hướng chiến lược Phát triển bền vững của MSB.




Môi trường (Environment)	Xã hội (Social)
<ul style="list-style-type: none"> Năng lượng Phát thải (khí thải, nước thải, chất thải) Tuân thủ môi trường Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng 	<ul style="list-style-type: none"> Lao động Cộng đồng địa phương Bảo mật thông tin khách hàng Giáo dục và đào tạo Đa dạng cơ hội và quyền bình đẳng An toàn sức khỏe nghề nghiệp Mối quan hệ lao động và quản lý
Kinh tế (Economic)	Quản trị (Governance)
<ul style="list-style-type: none"> Sự hiện diện trên thị trường Tuân thủ kinh tế - xã hội Các tác động kinh tế gián tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> Minh bạch và trách nhiệm giải trình Chống tham nhũng Đạo đức kinh doanh Quản trị doanh nghiệp Quản lý rủi ro Tuân thủ



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2023 CỦA MSB


Dựa trên cơ sở đánh giá, dự báo tình hình năm 2023, MSB đặt ra các nhiệm vụ trọng tâm cho mục tiêu phát triển bền vững như sau:

- Hoàn thiện và triển khai hệ thống ESMS trong hoạt động cấp tín dụng từ tháng 6/2023.
- Ưu tiên tìm kiếm nguồn vốn trung - dài hạn với chi phí thấp dành cho tín dụng xanh và kỳ vọng gia tăng 30% tổng giá trị giải ngân cho khách hàng đạt tiêu chuẩn “xanh” vào năm 2023
- Duy trì kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng tốt và bền vững, đầu tư cho số hóa, giảm các hoạt động tiêu tốn tài nguyên, không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.
- Duy trì và bổ sung thêm các hoạt động hỗ trợ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho toàn thể nhân viên.
- Thực hiện chương trình tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu rác thải trong nội bộ ngân hàng, mục tiêu giảm 3% lượng khí thải CO2.
- Duy trì gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA MSB THEO 3 LĨNH VỰC KINH TẾ - MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

Thành tựu đạt được năm 2022		Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
Kinh tế		
Hiệu quả hoạt động kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu thuần từ hoạt động: 10,7 nghìn tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế: 5.787 tỷ đồng Lợi nhuận sau thuế: 4.616 tỷ đồng Lãi thuần từ cơ cấu lại danh mục trái phiếu Chính phủ: 683 tỷ đồng Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối: 1.000 tỷ đồng Chi trả cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu – năm 2021: 30% bằng cổ phiếu Lương và phúc lợi nhân viên: 2.648 tỷ đồng Huy động thành công 30 triệu USD tín dụng xanh từ Proparco – tổ chức trực thuộc Cơ quan phát triển Pháp AFD – giải ngân cho các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam thỏa mãn yêu cầu về quản trị rủi ro môi trường xã hội theo chuẩn quốc tế. 	  
Tác động kinh tế gián tiếp	<ul style="list-style-type: none"> Nộp 1.067 tỷ đồng vào ngân sách Nhà nước. Tài trợ: 21,4 tỷ đồng cho các hoạt động vì phát triển cộng đồng. Tạo việc làm cho 6.317 lao động. 	

Thành tựu đạt được năm 2022		Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
Môi trường		
Tuân thủ pháp luật về môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Năm 2022, MSB không ghi nhận trường hợp nào liên quan đến vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường. 	 
Quản lý phát thải	<ul style="list-style-type: none"> Lượng điện tiêu thụ: 14.673.434 kWh/năm Lượng nước tiêu thụ: 185.377 m³/năm Tổng lượng chất thải rắn: 119.957 kg/năm Tổ chức chương trình thu gom pin và thay thế chai nhựa bằng chai thủy tinh Phát động các hoạt động nội bộ nhằm giảm thiểu lượng phát thải trong các hoạt động hàng ngày của MSB. 	

Phát thải CO ₂	<ul style="list-style-type: none"> • Tổng lượng phát thải CO₂: 14.627,85 tấn CO₂e/năm (e: tấn CO₂ quy đổi). • Lượng phát thải CO₂ phạm vi 17: 161,2 tấn CO₂e/năm. • Lượng phát thải CO₂ phạm vi 28: 12.410,8 tấn CO₂e/năm. • Lượng phát thải CO₂ phạm vi 39: 2.055,85 tấn CO₂e/năm. 	
Xã hội		
Lao động và việc làm	<ul style="list-style-type: none"> • Lương thưởng và phúc lợi: 100% nhân viên thỏa mãn về lương thưởng và phúc lợi • Đào tạo và phát triển: <ul style="list-style-type: none"> • 1.071 lượt đào tạo cho 1.153 cán bộ lãnh đạo • 22.906 giờ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ. • 39,68 giờ đào tạo trung bình cho cấp quản lý • 20,18 giờ đào tạo trung bình cho cấp nhân viên. • Đa dạng, bình đẳng • 45,29% tỷ lệ nữ trong cấp quản lý • Quan hệ lao động: <ul style="list-style-type: none"> • 100% nhân viên tham gia vào thỏa ước lao động tập thể 	

⁷ Phạm vi 1: Phát thải trực tiếp - là các phát thải từ các nguồn tại cơ sở thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi công ty: hoạt động đốt nhiên liệu vận hành phương tiện di chuyển của doanh nghiệp.

⁸ Phạm vi 2: Phát thải gián tiếp - là các phát thải từ nguồn phát điện mua bên ngoài được tiêu dùng tại cơ sở sản xuất thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của công ty: từ thiết bị sử dụng điện.

⁹ Phạm vi 3: Phát thải gián tiếp khác của công ty, phát thải từ các nguồn không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi công ty: hoạt động di chuyển của CBNV; hoạt động sử dụng phương tiện đi công tác; hoạt động sử dụng tư liệu sản xuất; từ rác thải, nước thải phát sinh.

<p>Đảm bảo tương tác với các bên liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tham dự đầy đủ các cuộc họp, giải trình và đóng góp ý kiến theo yêu cầu của Cơ quan quản lý, các Bộ, Ban ngành, các đối tác • Tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. • Tổ chức 04 cuộc họp báo cáo kết quả kinh doanh theo quý (bao gồm cả họp trực tuyến) với các nhà đầu tư, các công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư • Tham dự hội thảo nhà đầu tư được tổ chức bởi Công ty Chứng khoán Sài Gòn SSI và Goldman Sachs • Tổ chức họp với các cổ đông, nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư tiềm năng theo yêu cầu. • Tiếp nhận thông tin từ nhà đầu tư, các bên quan tâm đến MSB qua hòm mail: ir@msb.com.vn • Thành lập trung tâm Contact center bên cạnh các kênh chăm sóc khách hàng như email, tổng đài điện thoại, facebook, zalo...tư vấn trực tiếp để tăng khả năng kết nối với khách hàng. • Tổ chức khảo sát hài lòng khách hàng: 99% khách hàng hài lòng, 98% cuộc gọi, email được thực hiện tốt cho khách hàng. 	
--	---	--

Các chương trình nâng cao nhận thức về tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu nước thải, rác thải, giảm thiểu KNK tại MSB

Trong năm 2022, bên cạnh các hoạt động đã triển khai theo Đề án bảo vệ môi trường, MSB cũng thực hiện một số giải pháp bổ sung tại các địa điểm làm việc của MSB, bao gồm:

- Thực hiện chương trình thu gom pin đã qua sử dụng của CBNV.
- Thay thế cốc nhựa, chai nhựa dùng 1 lần tại thành các cốc, chai thủy tinh.
- Thực hiện các chương trình truyền thông nội bộ nhằm nâng cao nhận thức cho CBNV về ý thức trong sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng, các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trong hoạt động hằng ngày, trong tổ chức mua sắm công; tích cực hưởng ứng các phong trào về “lối sống xanh”, “tiêu dùng xanh”.

Năm 2022, nhờ đường lối quản trị đúng đắn và sự chỉ đạo kịp thời của Ban Lãnh đạo, ngân hàng đã đạt được một số thành tựu về Kinh tế - Môi trường – Xã hội nhất định. Năm 2023, MSB kỳ vọng với sự hoàn thiện hơn của hệ thống quản trị ESG sẽ tối đa hóa hiệu quả hoạt động để tạo dựng thêm các giá trị bền vững cho quý cổ đông, quý đối tác, cán bộ nhân viên và cộng đồng, xã hội.

Hoạt động xã hội

Trải qua 31 năm đồng hành và phát triển cùng cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của MSB không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, ý nghĩa với sự chung tay của tập thể hơn 6.000 cán bộ nhân viên trên toàn quốc. Hành trình nhân văn mà ngân hàng theo đuổi đã góp phần lan tỏa tinh thần “tương thân tương ái”, cùng nhau tiến về phía trước, hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn. Từ nền tảng đó, cùng với những nỗ lực và cam kết, riêng trong năm 2022, MSB đã dành nhiều nguồn lực cho công tác này, bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và ngành Ngân hàng, tiêu biểu như:

Đầu năm 2022, MSB dành tặng 700 triệu đồng cho hộ nghèo, cận nghèo, người gặp hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, hưởng ứng lời kêu gọi của Tỉnh ủy Hà Tĩnh, nhằm sẻ chia, động viên và hỗ trợ người dân đón Tết cổ truyền đầm ấm và phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả.

Tháng 3/2022, MSB ủng hộ 500 triệu đồng cho hành trình tình nguyện “Tháng Ba biên giới – Biên cương Tổ quốc tôi” do Đoàn Thanh niên Bộ Công an tổ chức, nhằm hỗ trợ triển khai nhiều hoạt động ý nghĩa tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế và huyện Ngọc Hồi, Tỉnh Kon Tum, như Tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật; hỗ trợ các mô hình phát triển kinh tế cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng nề do dịch Covid-19; tặng máy vi tính, hệ thống lọc nước sạch, đồ dùng học tập cho học sinh dân tộc nội trú khu vực biên giới; tặng máy phát điện, máy vi tính, các trang thiết bị y tế phòng chống dịch Covid-19 cho lực lượng Công an xã, Bộ đội biên phòng...

Tháng 5/2022, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ Công an, MSB ủng hộ 5 tỷ đồng, góp phần giúp tỉnh Tuyên Quang có thêm nguồn lực sớm hoàn thành mục tiêu xóa nhà ở tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo nhằm ổn định đời sống, an sinh cho các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.

Ngày 24/6/2022, MSB trao tặng 5 tỷ đồng cho Quỹ phòng, chống tội phạm Trung ương, nhằm chung tay đóng góp vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội. Hoạt động ủng hộ của MSB cũng là minh chứng cho tinh thần tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phối hợp cùng các cơ quan chức năng chung tay "Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương" mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Qua đó xây dựng một xã hội an toàn, lành mạnh nói chung và ngành tài chính – ngân hàng

lành mạnh nói riêng, đặc biệt là trong kỷ nguyên số 4.0 khi tội phạm mạng đang trở thành vấn đề nóng, việc phòng, chống rủi ro an ninh mạng là ưu tiên hàng đầu.

Ông Nguyễn Hoàng An – Phó Chủ tịch HĐQT MSB trao tặng 5 tỷ đồng cho Quỹ phòng chống tội phạm Trung ương



Ngày 17/10/2022, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, MSB trao tặng 10 tỷ đồng ủng hộ chương trình an sinh xã hội tại lễ phát động “Cả nước chung tay vì người nghèo” năm 2022, hướng tới tháng cao điểm “Vì người nghèo”. Số tiền ủng hộ được sử dụng để xây dựng 200 căn nhà đại đoàn kết tại các huyện Đại Lộc và Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam và huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Đây là món quà mang ý nghĩa nhân văn, là sự sẻ chia mà MSB muốn gửi gắm tới địa phương, nhằm động viên tinh thần người dân an tâm sinh kế, có thêm động lực vươn lên, đúng như tinh thần của phong trào thi đua “Không để ai bị bỏ lại phía sau”, đồng thời chung tay từng bước hiện thực hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về công cuộc xóa đói giảm nghèo, xây dựng và đổi mới đất nước.

MSB ủng hộ 10 tỷ đồng tại chương trình “Vì người nghèo” năm 2022



Với tinh thần “Sống là cho, đâu chi nhận riêng mình”, cuối năm 2022, Ngân hàng Bán lẻ MSB đã thực hiện chương trình thiện nguyện tại điểm trường Vũng Rô – Thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên với việc trao tặng 60 suất học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em mồ côi; song song đó, ủng hộ 1 phòng tin học, cải tạo nhà vệ sinh. Hoạt động thiết thực này nhằm chia sẻ nỗi nhọc nhằn, tạo động lực cho các em học sinh trên hành trình chinh phục tri thức.

Ngân hàng Bán lẻ MSB tại điểm trường Vũng Rô – Thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên



Bên cạnh công tác an sinh xã hội tại địa phương, trong nội bộ hệ thống ngân hàng, Công đoàn MSB đã hỗ trợ cho cán bộ nhân viên bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 với ngân sách hơn 1,2 tỷ đồng, đồng thời tổ chức chương trình tư vấn điều trị hậu Covid với ý nghĩa mang tới món quà tinh thần và sức khỏe, cho thấy sự đồng hành của MSB với đội ngũ nhân sự trong công việc và cuộc sống.

Với những chiến lược hành động trên, MSB đã và đang khẳng định khát khao đồng hành cùng đất nước trên hành trình phát triển bền vững. Trong thời gian tới, MSB sẽ tích cực triển khai các dự án hỗ trợ phát triển bền vững với các đối tác toàn cầu có kinh nghiệm nhằm đưa các quy trình vận hành, kinh doanh của ngân hàng phù hợp với yêu cầu của các tiêu chuẩn phát triển bền vững quốc tế. Bằng sự đầu tư cả về nguồn lực và trí lực trong hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động xã hội, MSB tự hào đã luôn chung tay góp phần xây dựng một Việt Nam xanh hơn, hiện đại hơn, tiến gần hơn tới những tiêu chuẩn trở thành một đất nước phát triển trên thế giới mà vẫn lưu giữ được những giá trị nhân văn truyền thống của người Việt.

8. Hoạt động của công ty con – FCCOM

Tính đến hết 2022, FCCOM có 22 điểm giới thiệu dịch vụ (POS) với tổng 426 cán bộ nhân viên, phục vụ gần 15.000 khách hàng trải đều ở 18 tỉnh thành trên khắp toàn quốc. Với định hướng đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, mang đến dịch vụ chuyên nghiệp, nhanh chóng, dễ dàng cho người tiêu dùng và ngày càng hiện đại hóa với việc triển khai hợp tác với các đối tác triển khai hành trình số như Sale Apps, 9Plus, TNEX..., FCCOM luôn là điểm tựa vững chắc và niềm tin cho các khách hàng.

Các dòng sản phẩm cho vay chính của FCCOM:

- Cho vay tiêu dùng khách hàng có dư nợ thế chấp bất động sản
- Cho vay tiêu dùng khách hàng có sở hữu bất động sản
- Cho vay tiêu dùng khách hàng có nguồn thu nhập từ lương
- Cho vay tiêu dùng siêu nhanh
- Thẻ tín dụng nội địa

Kết quả kinh doanh năm 2022 của FCCOM ghi nhận:

- Tổng dư nợ đạt 1.932 tỷ đồng, tăng 5,4 lần so với cuối năm 2021
- Tổng tài sản đạt 2.066 tỷ đồng, tăng 2,6 lần so với cuối năm 2021.
- Tổng doanh thu thuần đạt 185,6 tỷ đồng, tăng 1,2 lần so với năm 2021 và đạt 116% kế hoạch 2022
- Lợi nhuận trước thuế đạt 6,6 tỷ đồng, tăng 3,3 lần so với năm 2021 và đạt 132% kế hoạch 2022
- Tỷ lệ nợ xấu cuối năm (sau phân loại nợ theo CIC) ở mức 2,57%.

D. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2023

1. Môi trường kinh doanh – Cơ hội và thách thức

Kinh tế thế giới dự báo năm 2023 sẽ có nhiều khó khăn, thách thức do tác động kéo dài của các biến động bất lợi năm 2022. Xung đột giữa Nga - Ukraine cộng hưởng với nhịp độ kinh tế chậm lại do thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát sẽ là những vấn đề trọng yếu, đe dọa đến tốc độ tăng trưởng. Cuối năm 2022, IMF dự báo, tăng trưởng kinh tế thế giới giảm từ 3,19% năm 2022 xuống còn 2,66% năm 2023, chủ yếu do suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế phát triển (từ 2,43% năm 2022 xuống còn 1,11% năm 2023), trong khi không có thay đổi lớn ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển (3,73% so với 3,74%).

Việc Trung Quốc mở cửa trở lại được kỳ vọng sẽ mang tới một cú huých cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, vấn đề năm 2023 có thể sẽ bao gồm việc “xuất khẩu” lạm phát từ Trung Quốc đúng vào thời điểm Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và các ngân hàng trung ương khác đang xoay sở để khống chế sự leo thang của giá cả. Theo dự báo của Bloomberg Economics, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Trung Quốc sẽ tăng từ 3% trong năm 2022 lên 5,8% trong năm 2023. Sự tăng tốc của nền kinh tế Trung Quốc có thể đưa tốc độ tăng giá tiêu dùng toàn cầu đến quý 4/2023 đội thêm gần tròn 1 điểm phần trăm,

và có thể tăng lên gần 2 điểm phần trăm nếu kinh tế Trung Quốc tăng vượt trội hơn – khoảng 6,7%.

Về động thái của Fed, việc giá vàng đang trên đà tăng ở tháng thứ 3 liên tiếp cùng sự suy giảm kinh tế Mỹ dẫn tới nhận định Fed sẽ sớm dừng tăng lãi suất cơ sở, sau đó giữ nhịp một thời gian trước khi cắt giảm dần về ngưỡng trung tính 2,5% trong dài hạn. Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (Personal Consumption Expenditures - PCE) - thước đo lạm phát ưa thích của Fed - đã hạ nhiệt, làm tăng khả năng Fed ngừng nâng lãi suất năm nay. Ảnh hưởng từ Fed, đa số các ngân hàng trung ương khác sẽ có động thái tương tự về chính sách lãi suất.

Với nền kinh tế Việt Nam, từ độ “trễ nhịp” với kinh tế thế giới, tăng trưởng năm 2023 được dự báo sẽ chậm hơn – về ngưỡng 6%, trong khi áp lực lạm phát sẽ bộc lộ đầy đủ hơn, áp sát ngưỡng 4,5%. Nguyên nhân chính đến từ những diễn biến kinh tế - chính trị khó lường trong khu vực và quốc tế, lạm phát tăng cao cùng sự thắt chặt chính sách tiền tệ trên toàn cầu, giá trị đồng tiền tại nhiều quốc gia làm suy giảm sản xuất của nhiều ngành, lĩnh vực... Với thị trường trong nước, niềm tin tiêu dùng, đầu tư vừa mới phục hồi sau Covid-19 sẽ suy yếu trở lại, xuất phát từ sự khó khăn của thị trường bất động sản tác động “lan truyền” sang nhiều ngành khác. Lãi suất huy động tăng kèm theo rủi ro ở các kênh đầu tư khác khiến cho nhu cầu tiết kiệm tăng lên. Chi phí vay cao hơn cũng giảm động lực vay tiêu dùng và đầu tư mới.

Tuy nhiên, điểm tích cực là một loạt những khó khăn, thách thức đã được Chính phủ sớm nhận diện, đặc biệt là các vấn đề về chứng khoán, bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp (điển hình từ Nghị quyết 143/NQ-CP ngày 04/11/2022 đến Nghị quyết 156/NQ-CP ngày 06/12/2022, tiếp theo là Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/01/2023). Song song đó, Chính phủ đã có nhiều động thái chính sách xử lý mạnh mẽ, quyết liệt, từ đó nguy cơ khủng hoảng kinh tế đã được tạm hóa giải, tuy nhiên vẫn cần nhiều thời gian, nguồn lực để tháo gỡ và xử lý.

Từ bối cảnh đó, với ngành tài chính – ngân hàng, năm 2023 vẫn được nhận định là một năm tương đối khó khăn. Với mức lãi suất huy động tăng cao trong nửa cuối năm 2022 và có thể duy trì tiếp trong nhiều tháng năm 2023, biên lãi ròng (NIM) của các ngân hàng năm nay được dự đoán giảm. Theo một số công ty chứng khoán, Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục duy trì thận trọng hạn mức tăng trưởng tín dụng 2023 khi Fed chưa tiến hành hạ lãi suất; tỷ giá, lạm phát vẫn còn là vấn đề nóng; thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản và xuất khẩu còn âm ảm.

Tuy nhiên, theo báo cáo Triển vọng ngành Ngân hàng và vốn 2023 của Deloitte toàn cầu, vị thế ngành Ngân hàng tại Việt Nam vẫn có thể ghi nhận lợi nhuận nếu tiếp tục duy trì bình ổn tỷ giá và đa dạng nguồn thu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế của một số công ty chứng khoán cũng nhận định tình hình có thể khả quan hơn khi lãi suất và căng thẳng tỷ giá được dịu bớt, vấn đề thanh khoản cũng được giải quyết phần nào nhờ đầu tư công.

Từ góc độ của ngành, Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban hành Thông tư số 26/2022 điều chỉnh cách tính tỷ lệ dư nợ tín dụng/vốn huy động (LDR). Theo đó, tỷ lệ LDR sẽ giảm đi đáng kể,

qua đó sẽ giúp các ngân hàng được phép cho vay nhiều hơn mà vẫn đảm bảo tỷ lệ LDR tối đa là 85%, đồng nghĩa với việc thị trường tiếp cận được nhiều vốn hơn. Việc đề xuất lùi thời hạn thực hiện Nghị định 65 về trái phiếu giúp giảm áp lực đáo hạn trái phiếu và giảm nguy cơ mất khả năng thanh toán đang được các cơ quan chức năng xem xét cũng được coi là động thái tích cực.

Một cơ hội khác mở ra trong năm 2023 là từ xu hướng phát triển bền vững thông qua các đề án xây dựng ngân hàng xanh, tiếp cận nguồn tín dụng xanh. Xu hướng này đang dần trở thành chiến lược dài hạn của nhiều tổ chức. Đây là cơ hội để thu hút nguồn vốn nước ngoài vào Việt Nam, đồng thời cũng gia tăng dòng vốn đầu tư của các ngân hàng trong nước đổ vào doanh nghiệp có xây dựng các tiêu chuẩn phát triển bền vững (Environment – Social – Governance – ESG).

2. Chiến lược phát triển

Nền tảng chiến lược năm 2023: MSB kiên định với tầm nhìn “Trở thành ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ” được xây dựng dựa trên 4 trụ cột và 3 nền tảng chiến lược cốt lõi.

4 trụ cột:

- Định vị giá trị khách hàng khác biệt: Tập trung vào phân khúc mục tiêu cụ thể, cung cấp các giải pháp tổng thể và tư vấn chi tiết giúp khách hàng đạt được mong muốn.
- Mạng lưới phân phối đa kênh, tối ưu hóa: Tập trung phát triển theo chiều sâu, lựa chọn địa bàn trọng tâm để tập trung hóa nguồn lực nhằm khai thác hiệu quả và tối đa tiềm năng thị trường. Ngân hàng đang từng bước chuyển dịch sang kênh số để gia tăng thu hút và trải nghiệm khách hàng.
- Lực lượng bán hàng hiệu quả, ổn định: Kết hợp nâng cao chất lượng đội ngũ bán và ứng dụng hệ thống, công cụ, số hóa.
- Mở rộng quan hệ đối tác và hệ sinh thái: Hợp tác với các đối tác, xây dựng hệ sinh thái nhằm mang tới cho khách hàng chuỗi sản phẩm – dịch vụ và ưu đãi vượt trội, tối ưu, đồng thời nâng cao tính liên kết, tiềm năng phát triển cho MSB và đối tác.

3 nền tảng:

- Số hóa, tinh gọn từ a-z và phân tích nâng cao: Tinh gọn hệ thống chính sách, văn bản, quy trình; tự động hóa soạn thảo văn bản; quản trị dữ liệu xuyên suốt, ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong việc ra quyết định; triển khai số hóa theo mô hình “Agile” và “Agile@scale” (*)¹⁰.
- Quản lý rủi ro: Tiên phong chuẩn hóa theo Basel III; xây dựng và phát triển hệ thống ra quyết định tin cậy với mô hình chấm điểm phù hợp; quản trị rủi ro chủ động.

¹⁰ (*) Agile: Là phương thức triển khai nhằm nhanh chóng thích ứng và phản hồi với thay đổi, trong đó việc nghiên cứu – thử nghiệm - ứng dụng sẽ được tiến hành song song và liên tục.
Agile@scale: Việc triển khai Agile trên quy mô lớn.

- Tổ chức, con người và văn hóa: Môi trường làm việc thấu hiểu khách hàng, sáng tạo và có chuyên nghiệp cao; nuôi dưỡng, gắn bó và khen thưởng nhân tài; văn hóa tôn trọng, minh bạch và hiệu quả; thúc đẩy sự tin tưởng và thành tích.

3. Các dự án trọng điểm triển khai năm 2023

- **Dự án Nhà máy số (Digital Factory):** Tiếp tục triển khai và nâng cấp việc số hóa các hành trình như vay tín chấp và thẻ tín dụng cho phân khúc thu nhập từ lương, vay tín chấp cho phân khúc khách hàng chủ doanh nghiệp, sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, sản phẩm cho vay mua nhà, sản phẩm vay tín chấp và thẻ chấp khách hàng SME.
- **Dự án Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking):** Thay thế các hệ thống Core Banking SIBS cùng hệ thống giao dịch tại quầy (BDS), tác nghiệp tài trợ thương mại TF, Swift Editor, kênh thanh toán Payment Gateway hiện tại bằng bộ giải pháp Core Banking mới.
- **Dự án Nền tảng ngân hàng số (Digital Banking Platform):** Xây dựng nền tảng kênh số linh hoạt và có thể mở rộng quy mô, cho phép khách hàng tự phục vụ mọi lúc, mọi nơi; cho phép trải nghiệm người dùng trực quan và liền mạch trong việc thu hút khách hàng mới, nâng cao hiệu suất bán sản phẩm - dịch vụ.
- **Dự án CDP (Customer Data Platform)/Martech (Marketing Technology):** Xây dựng hạ tầng toàn diện, tận dụng sức mạnh của dữ liệu thời gian thực (real-time) và 360 độ về khách hàng, đồng thời áp dụng các công nghệ marketing để thu hút, gắn kết, và giữ chân người dùng thông qua những trải nghiệm sáng tạo và cá nhân hóa.
- **Dự án Số hóa quy trình vận hành (BPM):** Tập trung và tự động hóa các quy trình vận hành thủ công qua hệ thống BPM kết nối với hành trình số của khách hàng và số hóa quy trình phê duyệt trên BPM.
- **Dự án Chuyển đổi vận hành:** Phát triển các kênh bổ sung để tiếp nhận yêu cầu của khách hàng như giải pháp, dịch vụ tự động chatbot, hỗ trợ 24/7 nhằm cải thiện, nâng cao trải nghiệm và cải tiến các giao dịch tại quầy.
- **Dự án Chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp (Enterprise Data Transformation):** Thống nhất chiến lược dữ liệu toàn hàng; nâng cao năng lực tổ chức, quản trị và khai thác dữ liệu toàn hàng.
- **Dự án Mô hình bán đa kênh (Omni Chanel CXM – Customer Experience Management):** Xây dựng hạ tầng quản trị trải nghiệm khách hàng đa kênh hợp nhất, cũng như dự báo hành vi khách hàng và tác động tài chính, làm cơ sở để đổi mới và sáng tạo.
- **Dự án Quản trị rủi ro luồng phê duyệt thẳng (Risk STP – Straight Through Processing):** Thiết kế quy trình, chính sách, tích hợp và số hóa các quy trình trên mô hình rủi ro và phê duyệt rủi ro, phát triển môi trường thời gian thực; xây dựng và nâng cấp mô hình quản trị rủi ro và các luồng công việc tiêu chuẩn.

- **Dự án Hạ tầng bán hàng số (Digital Sale Platform):** Phát triển một nền tảng duy nhất cho lực lượng tuyến đầu (frontline) tích hợp thuận tiện với các nền tảng số khác của ngân hàng và đối tác, từ đó giúp nâng cao hiệu suất bán hàng, phát triển năng lực đội ngũ bán và mở rộng nhanh chóng kênh bán cho MSB.

4. Các mục tiêu tài chính

- Đẩy mạnh tiến độ chiếm thị phần mảng khách hàng cá nhân của Ngân hàng Bán lẻ thông qua phát triển sản phẩm, số hóa, đào tạo đội ngũ bán hàng. Từ đó tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận từ mảng ngân hàng bán lẻ sẽ có những tăng trưởng đột phá và trở thành động lực tăng trưởng chính của MSB.
- Đa dạng nguồn vốn, đặc biệt tăng thêm nguồn vốn từ nước ngoài, vốn cho tài chính xanh và phát triển bền vững.
- Tiếp tục tối ưu hóa bảng cân đối, đảm bảo thanh khoản và sử dụng vốn hiệu quả cao, tiếp tục đẩy cao hệ số NIM và tăng trưởng CASA.
- Nâng cao các tiêu chuẩn quản trị rủi ro, nghiên cứu áp dụng Basel IV, phát hành báo cáo theo IFRS và chuẩn hóa quốc tế các nguyên tắc quản trị.
- Nâng cao chất lượng tài sản, xử lý các tài sản gắn kết nợ triệt để.
- Tiếp tục đầu tư vào công nghệ, số hóa để tối ưu hóa và tạo các bước bứt phá nhảy vọt.

Chỉ tiêu cụ thể cho năm tài chính 2023

Bước sang năm 2023 nền kinh tế được dự báo vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức từ môi trường lãi suất cao, lạm phát thế giới vẫn ở mức cảnh báo, thanh khoản thắt chặt và gia tăng áp lực nợ xấu ở mảng bất động sản. Tăng trưởng lợi nhuận 2023 của ngành ngân hàng dự kiến sẽ thấp hơn đáng kể so với năm 2022. Theo số liệu từ Vụ Dự báo thống kê của NHNN, trong 6 tháng đầu năm 2023, 67,3% - 71,3% tổ chức tín dụng (TCTD) dự kiến không thay đổi, 21,7% - 16,1% TCTD dự kiến thắt chặt và 10% - 12,6% TCTD dự kiến nới lỏng các điều khoản vay cho tất cả các nhóm khách hàng. Đồng thời, các TCTD cũng sẽ tiếp tục cố gắng thu hẹp chênh lệch giữa lãi suất vay và chi phí vốn đối với hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh để hỗ trợ nền kinh tế.

Để ứng phó với các diễn biến phức tạp nền kinh tế, Hội đồng điều hành MSB đã đánh giá các kịch bản của nền kinh tế có thể xảy ra nhằm tạo thế chủ động, tâm thế sẵn sàng đối phó với các diễn biến phức tạp của thị trường. Kế hoạch 2023 được đặt ra trên cơ sở thận trọng, vừa duy trì tăng trưởng hiệu quả, vừa đảm bảo an toàn vốn, giảm thiểu các rủi ro tín dụng, kiểm soát nợ xấu.

Đơn vị: triệu VND

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	So sánh KH 2023/TH2022
1	Tổng tài sản	212.776	230.000	108%
2	Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn	128.720	142.000	110%
3	Dư nợ tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay TCKT và cá nhân, đầu tư trái phiếu DN)*	123.223	141.700	115%
4	Nợ xấu (nhóm 3-5)	1,24%	<3%	
5	Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN	5.787	6.300	109%
6	Thù lao, chi phí HĐQT và BKS	21,1	25,5	121%
7	Vốn điều lệ*	19.857,5	20.000**	
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức/chia cổ phiếu thưởng	30%	***	

Để đạt được mục tiêu đề ra, MSB đặt ra chiến lược phát triển dựa trên 6 giá trị cốt lõi:

- Phát triển khách hàng mục tiêu: tập trung vào nhóm khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)
 - Khách hàng cá nhân: chủ doanh nghiệp, người làm công ăn lương.
 - SME: doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực sản xuất, thương mại và xây dựng.
 - Tiếp tục phát triển mảng dịch vụ ngân hàng cá nhân dành cho tầng lớp thượng lưu (Private Banking) thông qua hợp tác chiến lược với ngân hàng Kaleido (Thụy Sĩ) và các tổ chức quốc tế khác.
- Tập trung vào công nghệ/số hóa ngân hàng
 - Nâng cao trải nghiệm của khách hàng.
 - Thực hiện cơ chế làm việc linh hoạt từ mọi địa điểm - mobile working.
 - Bám sát kế hoạch số hóa ngân hàng.
- Tối ưu hóa chi phí
 - Quản lý chi phí vận hành thông qua đầu tư công nghệ vào quy trình vận hành và quản lý nội bộ.

* Tùy thuộc hạn mức tăng trưởng tín dụng được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước phù hợp từng thời kỳ

** Vốn điều lệ đã được tăng lên 20.000 tỷ đồng đồng khi MSB hoàn thành phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm 2022. Tuy nhiên, do thời gian hoàn thành các thủ tục vào tháng cuối năm nên ngày 9/1/2023, MSB mới nhận được Quyết định 45/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của MSB với mức vốn mới là 20.000 tỷ đồng. Ngay sau đó, ngân hàng đã hạch toán sổ sách, thay đổi Điều lệ ngân hàng và ngày 13/1/2023, MSB nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo mức vốn mới này

*** Ngân hàng đã thực hiện chi trả cổ tức và chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 30% trong 2 năm 2021 và 2022 cho cổ đông, với tình hình thị trường có nhiều biến động, ảnh hưởng tiêu cực từ xu thế lãi suất, yêu cầu chú trọng quản trị rủi ro cao từ cơ quan quản lý, MSB xin trình ĐHCĐ giữ nguyên phần vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ như hiện tại để tạo nguồn vốn đệm vững chắc cho ngân hàng. Khi tình hình thị trường diễn biến tích cực hơn, HĐQT sẽ trình ĐHCĐ phương án chia cổ tức/cổ phiếu thưởng phù hợp cho lợi nhuận tạo ra năm 2022.

- Đa dạng hóa nguồn vốn với chi phí thấp thông qua thu hút CASA và cho vay quốc tế (tài chính xanh).
- Đa dạng hóa doanh thu:
 - Tận dụng hệ sinh thái tài chính.
 - Tăng thu nhập dịch vụ thông qua các giải pháp bán chéo.
 - Thúc đẩy bán dịch vụ phân phối bảo hiểm qua kênh ngân hàng (bancassurance).
- Quản trị rủi ro
 - Tăng cường bảo mật dữ liệu, tự động hóa quy trình nội bộ.
 - Tập trung nghiên cứu, nâng cao các tiêu chuẩn quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng. Các quy trình và nguyên tắc cảnh báo với khoản vay sau giải ngân sẽ được đặc biệt chú trọng, đa dạng các giải pháp thu hồi nợ để giảm nợ xấu phát sinh, phát hành báo cáo tài chính theo IFRS, đảm bảo minh bạch và chuẩn hóa quốc tế các nguyên tắc quản trị.
 - Tiếp tục xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế: Basel III, IV và ESMS trong kế hoạch chiến lược ESG.
- Nâng cao chất lượng tài sản, xử lý các tài sản gắn siết nợ triệt để.
- Thúc đẩy phát triển bền vững (ESG)

Tích hợp các yếu tố ESG vào chính sách và hoạt động quản trị của ngân hàng, thể hiện cam kết của MSB đối với tăng trưởng bền vững

 - Tài trợ và ưu đãi tín dụng để hỗ trợ triển khai các giải pháp về nguồn năng lượng sạch, hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp (các dự án năng lượng tái tạo, các dự án công trình/khu dân cư xanh, các dự án sản xuất bền vững...) và cho phát triển giáo dục, y tế.
 - Giảm tác động môi trường từ các hoạt động vật lý của ngân hàng (quản lý lượng khí thải carbon bằng cách giảm phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp, giảm sử dụng năng lượng...).
 - Đầu tư vào nhân sự (tạo nơi làm việc tốt nhất cho nhân viên, thu hút nhân tài...).
 - Giúp khách hàng củng cố sức khỏe tài chính, hỗ trợ họ trong hành trình chuyển đổi ESG.
 - Củng cố và nâng cao quản trị công ty để bảo vệ lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động, cổ đông và cộng đồng.

E. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG VỀ NGÂN HÀNG

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng

Năm 2022 chứng kiến nhiều biến động khó đoán của chính trị, kinh tế thế giới cũng như trong nước, đặc biệt là sự gia tăng của lãi suất cơ bản ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của ngành ngân hàng, các doanh nghiệp. Bằng sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên cùng kinh nghiệm quản trị của đội ngũ lãnh đạo, MSB ghi nhận kết quả kinh doanh khá khả quan, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản đạt mức 212.776 tỷ đồng, tăng trưởng 4,5% so với 2021.
- Lợi nhuận trước thuế đạt trên 5.787 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2021.
- Tăng trưởng tín dụng đạt 16,35% ở nhóm cao trong ngành, tỷ trọng CASA trên tổng tiền gửi trung bình năm của MSB đạt 36%, giữ vị trí top 3 trong ngành ngân hàng.

Ngoài những kết quả kinh doanh thể hiện qua các con số tài chính, với nỗ lực phát triển các dịch vụ, sản phẩm cung cấp cho khách hàng với tiêu chuẩn cao, đầu tư công nghệ số hóa nhằm tối ưu hiệu suất làm việc, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... MSB đã vinh dự được nhận các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế trong năm như: “Top 10 ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân uy tín nhất Việt Nam” theo công bố của Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), “Ngân hàng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2022” do Tạp chí The Global Economic vinh danh, “Nơi làm việc tốt nhất châu Á 2022” do HR Asia đánh giá... Những giải thưởng uy tín này là minh chứng cho quyết tâm của MSB trong hành trình “vươn tầm” cùng khách hàng, nhân viên, cổ đông và đối tác. Đây cũng là động lực để MSB tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ vượt trội với hàm lượng công nghệ cao, đóng góp vào hành trình quay trở lại vị thế top đầu trong các ngân hàng thương mại cổ phần của MSB cũng như sự tăng trưởng của ngành tài chính - ngân hàng trong tương lai.

Với định hướng mang tính dài hạn về tăng trưởng kinh tế trên cơ sở chú trọng các yếu tố phát triển bền vững, năm 2022, MSB đã bước đầu tạo nền tảng cho việc áp dụng vào hoạt động kinh doanh các tiêu chí Môi trường, Xã hội, Quản trị (ESG). Ngân hàng hướng tới các chuẩn mực quản trị rủi ro tiêu chuẩn quốc tế, huy động thành công khoản vay tài chính xanh đầu tiên với giá trị 30 triệu USD từ tổ chức Proparco (trực thuộc cơ quan phát triển Pháp AFD) nhằm hỗ trợ các dự án “xanh”, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế nhằm xây dựng hệ thống quản trị rủi ro Môi trường - Xã hội (ESMS – Environment & Social Management System); đồng thời cũng quan tâm và thực hiện tốt các chính sách liên quan đến người lao động như chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo công ăn việc làm ổn định, cải thiện thu nhập. Các nguyên tắc về quản trị công ty đại chúng quy mô lớn được ngân hàng đề cao tuân thủ và luôn hướng tới tính minh bạch, bảo đảm lợi ích cho các bên liên quan.

2. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng điều hành

Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng điều hành đã thể hiện sự linh hoạt, kinh nghiệm trong quản trị và điều hành, khả năng ứng phó, thích nghi nhanh nhạy suốt năm 2022. Với nhiều biến động trong và ngoài nước khó đoán, Tổng Giám đốc và Hội đồng điều hành đã điều hành MSB theo đúng những nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị; tuân thủ đúng Điều lệ Ngân hàng, các quy định pháp luật và phù hợp với bối cảnh thị trường nói chung.

Định kỳ hàng tháng, Hội đồng quản trị cùng Hội đồng điều hành ngân hàng đều tham dự phiên họp báo cáo, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của MSB. Qua phiên họp này, các nghị quyết, quyết định của HĐQT được rà soát về tiến độ thực hiện, xử lý các vướng mắc, đảm bảo hoàn thành tốt nhất. Ngoài ra, Hội đồng điều hành cũng cập nhật các biến động thị trường và báo cáo hoạt động của các Khối/Phòng/Ban, đồng thời đưa ra kế hoạch hành động cho thời gian tiếp theo, hướng tới hoàn thành kế hoạch kinh doanh đặt ra.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngành khá cao, yêu cầu thắt chặt từ các cơ quan quản lý Nhà nước, nhu cầu nhận hỗ trợ nhằm phục hồi sau đại dịch từ khách hàng tăng, quy trình hợp tác đề cao các yếu tố phát triển bền vững từ đối tác nước ngoài... Tổng Giám đốc và Hội đồng điều hành cũng đã chủ động nghiên cứu và triển khai các định hướng chiến lược kinh doanh mới, đầu tư và ứng dụng chuyển đổi số theo đúng xu hướng để nâng cao hiệu quả hoạt động của MSB; song song đó, áp dụng nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp nhằm thích ứng với diễn biến phức tạp của thị trường, hoàn thành tốt nhất trong khả năng có thể các mục tiêu kế hoạch năm 2022 được giao và hài hòa được lợi ích của các bên liên quan.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nhận trách nhiệm giao phó từ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ngân hàng đã chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh TH 2022 /KH2022
1	Tổng tài sản	233.000	212.776	91%
2	Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn	123.808	128.720	104%
3	Dư nợ tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay TCKT và cá nhân, đầu tư trái phiếu DN)*	130.752	123.223	94%
4	Nợ xấu (nhóm 3-5)	<3%	1,24%	Đạt
5	Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN (bao gồm thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng)	6.800	5.787	85%
6	Thù lao, chi phí HĐQT và BKS	25,5	21,1	83%
7	Vốn điều lệ**	20.000	19.857,5	20.000
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức/chia cổ phiếu thưởng***	30%	30%	Hoàn thành

Song hành với các chỉ tiêu tài chính, HĐQT còn tập trung:

- Nghiên cứu và áp dụng thêm nhiều mô hình và phương thức kinh doanh mới nhằm nâng cao hiệu quả cho MSB, hỗ trợ khách hàng tối đa trên cơ sở tập trung vào 05 trọng tâm chính gồm: thấu hiểu khách hàng; khai thác chuỗi và hệ sinh thái; nâng cao hiệu suất bán hàng; tinh gọn và số hóa; ứng dụng Big Data và phân tích nâng cao.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn vốn của cổ đông, đánh giá hiệu quả vốn đầu tư và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới, đảm bảo an toàn thanh khoản.
- Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị trên toàn hệ thống, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để tăng cường năng lực thiết kế sản phẩm - dịch vụ và quản trị cũng như phục vụ công tác chuyển đổi số, nâng cao tính minh bạch, công khai trong công tác quản trị doanh nghiệp.

* Tùy thuộc hạn mức tăng trưởng tín dụng được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước phù hợp từng thời kỳ

** Vốn điều lệ được tăng lên 20.000 tỷ đồng đồng khi MSB hoàn thành phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm 2022. Tuy nhiên, do thời gian hoàn thành các thủ tục vào tháng cuối năm nên ngày 9/1/2023 MSB mới nhận được Quyết định 45/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của MSB với mức vốn mới là 20.000 tỷ đồng. Ngay sau đó, ngân hàng đã hạch toán số sách, thay đổi Điều lệ ngân hàng và ngày 13/1/2023, MSB nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo mức vốn mới này

*** Năm 2022 MSB thực hiện chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 30% cho cổ đông, đây là phần lợi tức được hưởng từ lợi nhuận năm 2021 theo phương án phân phối lợi nhuận được ĐHCĐ thông qua theo Nghị quyết số 30/NQ-ĐHCĐ ban hành ngày 25/4/2022.

F. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

1. Tổng quan về quản trị ngân hàng

Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2022 diễn ra trong tình hình kinh tế thế giới đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh. Lạm phát tăng cao đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính tiền tệ. Trong bối cảnh đó, bên cạnh việc đảm bảo các chỉ tiêu kinh doanh, tuân thủ các yêu cầu quy định luật và các chính sách chỉ đạo từ cơ quan quản lý, MSB luôn xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp với mục tiêu hài hòa lợi ích của cổ đông - khách hàng/đối tác – cơ quan quản lý - cán bộ nhân viên và hướng tới các giá trị cộng đồng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên MSB năm 2022 đã bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ VII (2022-2026) và thông qua Điều lệ MSB, Quy chế quản trị MSB, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị nhằm đáp ứng các văn bản pháp luật hiện hành. Các thay đổi về quy định pháp luật, các thông lệ quốc tế với tiêu chuẩn cao về quản trị công ty được thu thập, học hỏi từ các đối tác đều được các đơn vị liên quan trực tiếp đến hoạt động quản trị ngân hàng cập nhật đầy đủ, nhanh chóng và đưa các kế hoạch áp dụng hiệu quả.

Trong năm 2023, MSB định hướng xây dựng và phát triển các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp minh bạch, công bằng về quyền lợi, đảm bảo tính chuyên nghiệp của tổ chức đồng thời kết hợp với xây dựng văn hóa doanh nghiệp MSB theo các mục tiêu trách nhiệm - tôn trọng - lắng nghe - hiệu quả, hướng tới mục tiêu chiến lược chuyển đổi số toàn diện ngân hàng.

2. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Kể từ khi niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX) vào tháng 12/2020, MSB tập trung đẩy mạnh hoạt động quan hệ nhà đầu tư, đề cao tuân thủ các quy tắc quản trị công ty đại chúng lớn và công ty niêm yết. Ngân hàng đã xây dựng, phát triển các quy trình nội bộ nhằm đảm bảo các thông tin được truyền tải kịp thời, minh bạch đến cổ đông, nhà đầu tư, đảm bảo quyền lợi các bên liên quan.

Về công bố thông tin, ngân hàng tuân thủ các luật quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đảm bảo thời hạn công bố kịp thời, chính xác. Các báo cáo định kỳ, thông tin bất thường đều được đăng đủ trên trang thông tin điện tử của MSB, cổng thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh. Các bản thuyết trình, thông tin trong các cuộc họp báo cáo kết quả kinh doanh đều được đăng tải tại mục Nhà đầu tư trên website ngân hàng.

Ngân hàng cũng đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 25/4/2022 với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và ủy quyền dự họp là 1.175.777.029 cổ phần, chiếm gần 77% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. MSB cũng đều đặn tổ chức hàng quý các buổi họp trực tiếp/trực tuyến với cổ đông, giới đầu tư, các quỹ, công ty chứng

khoản, giới phân tích để công bố kết quả kinh doanh, trao đổi song phương giữa các bên tham dự và ban lãnh đạo cấp cao của MSB nhằm cập nhật, giải đáp chính xác, kịp thời các câu hỏi liên quan đến hoạt động của ngân hàng. Các buổi họp này thu hút đông đảo các bên tham gia. Đây là kênh thông tin chính thức của ngân hàng đến cộng đồng đầu tư nhằm truyền tải thông tin kịp thời và đảm bảo các quy tắc, tiêu chuẩn cao của quản trị doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, MSB cũng tham dự các hội thảo mang quy mô quốc tế để gặp gỡ các nhà đầu tư nước ngoài. Trong năm 2022, MSB đã gặp gỡ, trao đổi qua hình thức trực tiếp/trực tuyến với các nhà đầu tư trong và ngoài nước theo yêu cầu. Việc tiếp xúc với các nhà đầu tư quan tâm tới cổ phiếu MSB còn được thực hiện thông qua các hội thảo được tổ chức bởi SSI, Goldman Sachs, VDSC...

Ngoài ra, phòng Quản lý quan hệ nhà đầu tư của MSB đều đặn tiếp nhận thông tin và giải đáp mọi thắc mắc được các bên quan tâm và gửi thư/email tới địa chỉ ir@msb.com.vn.

Với tiêu chí hoạt động luôn phải đảm bảo sự minh bạch, chuyên nghiệp, công bằng trong thông tin truyền tải đến mọi cổ đông, năm 2022, MSB lọt top 15 doanh nghiệp niêm yết vốn hóa lớn đã có hoạt động quan hệ nhà đầu tư xuất sắc nhất do Vietstock thực hiện tổ chức, chấm điểm và bình chọn - IR Awards 2022. Các doanh nghiệp được bình chọn theo danh sách này đều đáp ứng được bộ tiêu chí định lượng về thanh khoản cổ phiếu, thu hút nhà đầu tư nước ngoài, minh bạch tài chính, quản trị doanh nghiệp tốt, giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ phiếu quỹ đúng quy định.

Năm 2023, MSB định hướng tiếp tục áp dụng các chuẩn mực quản trị công ty theo thông lệ quốc tế để đáp ứng các yêu cầu khắt khe từ nhà đầu tư không những trong nước mà còn cả các nhà đầu tư nước ngoài. Các kênh lan tỏa thông tin về hoạt động ngân hàng sẽ không chỉ thu gọn trong khuôn khổ Việt Nam mà sẽ được đẩy mạnh hơn trên các kênh thông tin quốc tế nhằm thu hút thêm các nhà đầu tư nước ngoài. Phòng Quản lý quan hệ nhà đầu tư ngoài việc tiếp tục đảm bảo các hoạt động như năm 2022, chi tiết thêm và đẩy nhanh tiến độ trong các thông tin truyền tải sẽ liên tục thay đổi cách làm việc, ứng dụng số hóa để đảm bảo các phản hồi từ ngân hàng đến với cộng đồng đầu tư được nhanh và chuẩn xác nhất.

3. Tình hình thay đổi vốn chủ đầu tư chủ sở hữu

3.1. Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị: triệu VND		Riêng lẻ		Hợp nhất	
		2022	2021	2022	2021
	VỐN CHỦ SỞ HỮU	26.713.467	22.092.158	26.653.998	22.037.785
1	Vốn của Tổ chức tín dụng	19.891.568	15.767.318	19.891.568	15.767.318
	i. Vốn điều lệ*	19.857.500	15.275.000	19.857.500	15.275.000
	ii. Vốn đầu tư XDCCB, mua sắm tài sản cố định	608	608	608	608
	iii. Thặng dư vốn cổ phần	33.460	491.710	33.460	491.710
	iv. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	v. Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
2	Quỹ của Tổ chức tín dụng	1.894.182	1.275.266	1.896.036	1.276.973
3	Lợi nhuận chưa phân phối / Lỗ lũy kế	4.927.717	5.049.574	4.866.394	4.993.494

Năm 2022, thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 30/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 25/4/2022, MSB đã tăng vốn điều lệ từ 15.275 tỷ đồng tại 31/12/2021 lên 20.000 tỷ đồng thông qua:

- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 30% để tăng vốn điều lệ từ 15.275 tỷ đồng lên 19.857,5 tỷ đồng, ngày giao dịch không hưởng quyền để chốt danh sách cổ đông đồng thời là ngày kết thúc phát hành là ngày 11/10/2022. Ngân hàng đã phát hành 458.250.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đã đăng ký, niêm yết bổ sung số cổ phiếu này. Ngày 23/11/2022, NHNN đã ban hành Quyết định số 1958/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của MSB theo vốn điều lệ 19.857,5 tỷ đồng. Ngày 28/11/2022, MSB nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 theo vốn điều lệ 19.857,5 tỷ đồng.
- Phát hành 14.250.000 cổ phiếu thưởng cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 (ESOP 2022). Ngày kết thúc phát hành là 1/12/2022. MSB đã đăng ký và niêm yết số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP 2022 này. Ngày 9/1/2023, NHNN ban hành quyết định số 45/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của MSB theo vốn điều lệ 20.000 tỷ đồng. Ngày 13/1/2023 MSB cũng nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 theo vốn điều lệ 20.000 tỷ đồng.

* Vốn điều lệ được tăng lên 20.000 tỷ đồng đồng khi MSB hoàn thành phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm 2022. Tuy nhiên, do thời gian hoàn thành các thủ tục vào tháng cuối năm nên ngày 9/1/2023 MSB mới nhận được Quyết định 45/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của MSB với mức vốn mới là 20.000 tỷ đồng. Ngay sau đó ngân hàng đã hạch toán sổ sách, thay đổi Điều lệ ngân hàng và ngày 13/1/2023, MSB nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo mức vốn mới này.

3.2. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2022, MSB không có giao dịch liên quan cổ phiếu quỹ. Trong suốt năm, số lượng cổ phiếu quỹ của ngân hàng là 0 cổ phiếu.

Đến 27/12/2022, ngân hàng đã hoàn tất việc sử dụng vốn thu được từ bán cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2021 (chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2021). Tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức tháng 4/2022, MSB đã được ĐHĐCĐ phê duyệt thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ chào bán cổ phiếu quỹ này, chuyển từ mục đích đầu tư cho các dự án công nghệ kéo dài đến 2025 sang sử dụng cho việc cấp tín dụng cho khách hàng nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn. Việc sử dụng nguồn vốn này đã được tổ chức kiểm toán E&Y thực hiện kiểm toán và MSB đã công bố thông tin, báo cáo đầy đủ cho cổ đông tại các cuộc họp thường niên.

4. Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Hội đồng điều hành

4.1. Hội đồng quản trị

4.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- **Ông TRẦN ANH TUẤN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học Griggs, Hoa Kỳ.

Ông tham gia quản trị và điều hành MSB từ năm 2007 với các chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Từ tháng 02/2012 đến nay, ông là Chủ tịch Hội đồng quản trị MSB.

- **Ông NGUYỄN HOÀNG AN**

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Cử nhân Kinh tế, Học viện Ngân hàng

Ông gia nhập MSB từ năm 1991 và đảm nhiệm các vị trí như: Trưởng phòng Tín dụng, Giám đốc Chi nhánh Thanh Xuân, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc MSB. Từ tháng 05/2018 đến nay, ông là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MSB.

- **Bà NGUYỄN THỊ THIÊN HƯƠNG**

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Hawaii, Manoa, Hoa Kỳ

Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng. Từ năm 1995 tới năm 2016, bà làm việc tại Techcombank và nắm giữ nhiều chức vụ khác nhau như: Trưởng phòng Dự án và đầu tư chứng khoán, Trưởng phòng Tín dụng, Phó Tổng Giám đốc và Thành viên thường trực Ủy ban kiểm toán rủi ro. Từ tháng 05/2018 đến nay, bà là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MSB.

- **Ông TRẦN XUÂN QUẢNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học chuyên ngành Nam California, Hoa Kỳ

Ông gia nhập MSB từ năm 1993 và đảm nhiệm các vị trí như: Giám đốc Sở Giao dịch, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khách hàng doanh nghiệp & Khách hàng cá nhân; Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp; Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý chiến lược... Từ tháng 04/2016 đến nay, ông là thành viên Hội đồng quản trị MSB.

- **Ông NGUYỄN HOÀNG LINH**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Ông Nguyễn Hoàng Linh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các ngân hàng tại Việt Nam như: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc PVCombank, Tổng Giám đốc Western Bank, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Á,... Tại MSB, ông đã trải qua hơn 20 năm công tác và được tin tưởng giao phó nhiều trọng trách như: Giám đốc MSB Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Chiến lược, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 03/2020, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc MSB. Từ tháng 09/2020, ông được bầu là thành viên Hội đồng quản trị MSB.

- **Bà LÊ THỊ LIÊN**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Tiến sỹ khoa học về Quản trị kinh doanh, Đại học California Miramar, Hoa Kỳ.

Từ năm 2007 tới năm 2012, bà là Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam nhiệm kỳ IV, kiêm đại diện vốn của VNPT tại ngân hàng và Trưởng Ban Đầu tư và quản lý vốn, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Từ năm 2012 tới năm 2017, bà nắm giữ các vị trí như Trưởng Ban Đầu tư và quản lý vốn, Phó Trưởng Ban Tài chính - Chiến lược thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Từ tháng 05/2018 đến tháng 4/2022, bà là thành viên Hội đồng quản trị độc lập MSB. Từ tháng 04/2022 đến nay, bà là Thành viên Hội đồng quản trị MSB.

- **Ông TẠ NGỌC ĐA**

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Cử nhân kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Ông gia nhập MSB từ năm 2010 và đảm nhiệm các vị trí như Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Xử lý tín dụng tập trung Hồ Chí Minh; Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành. Từ tháng 04/2022 đến nay, ông là thành viên Hội đồng quản trị độc lập MSB.

4.1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (*)	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	16.847.125	0,842%	Không
2	Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	92.274	0,005%	Không
3	Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Chủ tịch HĐQT	338.676	0,017%	Không
4	Ông Trần Xuân Quảng	Thành viên HĐQT	255.528	0,013%	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư TNG Holdings Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần dịch vụ và nền tảng Tài chính kỹ thuật số TNEX Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Family Mart Việt Nam
5	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	378.560	0,019%	Thành viên HĐQT Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (FCCOM)
6	Bà Lê Thị Liên	Thành viên HĐQT	636.961	0,032%	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần TNG Asset

* Tính trên tổng vốn điều lệ là 20.000 tỷ

7	Ông Tạ Ngọc Đa	Thành viên HĐQT độc lập	113.568	0,006%	<p>Phó Tổng Giám đốc khu vực miền Nam Công ty cổ phần đầu tư TNG Holdings Việt Nam</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần TNC Holdings</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần FANNY Việt Nam</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần hàng tiêu dùng TNC</p> <p>Tổng Giám đốc Công ty TNHH KEM CS Việt Nam</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV công nghệ thông tin giải pháp thông minh</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV công nghệ thông tin hệ thống thông minh</p>
---	-------------------	----------------------------	---------	--------	---

4.1.3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Ủy ban Quản lý rủi ro

Thành phần	Chức vụ
Ông Trần Xuân Quảng, Thành viên HĐQT	Chủ tịch
Ông Tạ Ngọc Đa, Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên biểu quyết
Bà Lê Thị Liên, Thành viên HĐQT	Thành viên biểu quyết
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc	Thành viên biểu quyết
Ông Đỗ Thành Công	Thành viên biểu quyết
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Giám đốc Khối Quản lý tài chính	Thành viên không biểu quyết

- Ủy ban Chiến lược

Thành phần	Chức vụ
Ông Trần Anh Tuấn, Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc	Phó chủ tịch
Bà Đinh Thị Tố Uyên, Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối chiến lược	Thành viên thường trực
Bà Nguyễn Thị Thiên Hương, Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
Ông Trần Xuân Quảng, Thành viên HĐQT	Thành viên
Bà Lê Cẩm Thúy, Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Thành viên

- Ủy ban Nhân sự

Thành phần	Chức vụ
Ông Trần Anh Tuấn, Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thu Trang	Phó chủ tịch thường trực
Ông Trần Xuân Quảng, Thành viên HĐQT	Thành viên
Bà Lê Thị Liên, Thành viên HĐQT	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Cương, Giám đốc Nhân sự	Thành viên

- Ủy ban Công nghệ

Thành phần	Chức vụ
Ông Trần Xuân Quảng, Thành viên HĐQT	Chủ tịch
Ông Trần Anh Tuấn, Chủ tịch HĐQT	Thành viên
Ông Tạ Ngọc Đa, Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh, Giám đốc Khối Công nghệ	Thành viên
Bà Đinh Thị Tố Uyên, Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối Chiến lược	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Giám đốc Khối Quản lý tài chính	Thành viên
Bà Nguyễn Hà Thanh, Giám đốc Khối Vận hành	Thành viên
Ông Lê Minh Loan, Chuyên gia An ninh mạng	Thành viên
Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh và Giám đốc Khối/Ban	Thành viên

- Hội đồng xử lý rủi ro

Thành phần	Chức vụ
Bà Lê Thị Liên, Thành viên HĐQT	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc	Phó Chủ tịch

Bà Nguyễn Thị Thiên Hương, Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên biểu quyết
Bà Lê Cẩm Thúy, Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Thành viên biểu quyết
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Giám đốc Khối Quản lý tài chính	Thành viên biểu quyết
Ông Đỗ Thành Công	Thành viên biểu quyết
Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh hoặc Giám đốc Khối/Ban	Thành viên không biểu quyết
Giám đốc Quản lý Rủi ro Tín dụng Ngân hàng chuyên doanh, Khối Quản lý rủi ro	Thành viên không biểu quyết

• Ủy ban Phát triển bền vững

Thành phần	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thiên Hương, Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Tổng Giám đốc MSB	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Hương Loan, Phó Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Giám đốc Khối Quản lý Tài chính	Thành viên
Bà Đinh Thị Tố Uyên, Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối Chiến lược	Thành viên
Bà Lê Cẩm Thúy, Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro	Thành viên
Tổng Giám đốc Ngân hàng Chuyên doanh hoặc Giám đốc Khối/Ban trực tiếp quản lý Khách hàng	Thành viên

4.1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp HĐQT năm 2022:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Anh Tuấn	05	100%	
2	Ông Nguyễn Hoàng An	05	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	05	100%	
4	Ông Nguyễn Hoàng Linh	05	100%	
5	Ông Trần Xuân Quảng	05	100%	
6	Bà Lê Thị Liên	05	100%	
7	Ông Tạ Ngọc Đa	03	100%	Bầu vào Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 25/4/2022

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC/BAN ĐIỀU HÀNH

HDQT giám sát hoạt động điều hành của TGD thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ chi tiết, đánh giá hiệu quả định kỳ; tham gia các cuộc họp điều hành hàng tháng cùng Ban điều hành; sử dụng hệ thống kiểm toán nội bộ để thực hiện đánh giá chất lượng hoạt động cũng như bảo đảm sự tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của các đơn vị.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Theo phân công ủy quyền, các Ủy ban giúp việc cho HDQT đã giải quyết các công việc trong năm 2022 cụ thể như sau:

- **Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR):**

Trong năm 2022, UBQLRR đã tổ chức 13 phiên họp, và thông qua 09 đề xuất xin ý kiến qua email. Tại các phiên họp, Ủy ban tập trung thảo luận các báo cáo/chuyên đề, đồng thời xem xét các đề xuất trình đề tham mưu, khuyến nghị cho HDQT, TGD và thông qua các Báo cáo danh mục rủi ro định kỳ. Cụ thể: Xem xét và khuyến nghị cho HDQT 13 đề xuất liên quan đến hoạt động rủi ro; xem xét và khuyến nghị đối với TGD 14 đề xuất về lĩnh vực quản lý rủi ro.

- **Ủy ban Chiến lược (UBCL):**

Năm 2022, UBCL đã thực hiện báo cáo 24 chủ đề trong 03 phiên họp trực tiếp, và báo cáo qua email 03 lần. Với vai trò tham mưu, khuyến nghị cho HDQT về định hướng chiến lược, các hành động cần thực hiện để chuyển đổi chiến lược thành công, UBCL đã triển khai các công việc cụ thể như sau:

- Tháng 3: Khối Chiến lược đánh giá, rà soát cơ cấu tổ chức bộ máy MSB và quản trị các chỉ tiêu trọng yếu năm 2021 và đề xuất các thay đổi phù hợp với định hướng chiến lược của MSB.
- Tháng 4-5: Khối Chiến lược báo cáo UBCL về việc thực thi chiến lược năm 2021 – 2022 của toàn MSB.
- Tháng 6-7: Dự án IT & Sale Transformation báo cáo tiến độ qua email.
- Tháng 8: Khối Chiến lược thực hiện báo cáo quản trị chiến lược giữa năm 2022 và định hướng chiến lược cho giai đoạn mới.
- Tháng 9-10: Báo cáo và cập nhật tiến độ dự án nhà máy số DF, Core Banking, IT Transformation, Sale Transformation, dự án BPM qua email.
- Tháng 11: Báo cáo các chỉ số chiến lược trọng yếu quý 3 của Khối Ngân hàng bán lẻ và Khối Ngân hàng doanh nghiệp qua email.

- **Ủy ban Nhân sự (UBNS)**

Năm 2022, UBNS đã thụ lý giải quyết hơn 110 hồ sơ và tham mưu cho HDQT, Chủ tịch HDQT trong các vấn đề về bộ máy tổ chức để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngân hàng, chế độ chính sách nhân sự bảo đảm tuân thủ pháp luật, bố trí nhân sự tối ưu nguồn lực cho tổ chức; thực hiện các thủ tục nhân sự liên quan đến các vị trí cán bộ quản lý và chức danh luật

định thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các nội dung công việc khác do Chủ tịch HĐQT giao phó.

- **Ủy ban Công nghệ (UBCN):**

Năm 2022, Ủy ban Công nghệ đã thực hiện kiện toàn cơ cấu nhân sự và tổ chức 2 buổi họp chính thức:

- Phiên họp Quý 1 và 2 diễn ra vào ngày 01/07/2022. Các nội dung chính bao gồm: Báo cáo kết quả/tiến độ các dự án chiến lược quan trọng và các công tác an toàn thông tin đã được thực hiện trong nửa đầu năm 2022, báo cáo về ngân sách 2022 và tiến độ sử dụng nguồn ngân sách này đồng thời đưa ra các công việc Khối Công nghệ dự định thực hiện trong 6 tháng còn lại của năm 2022.
- Phiên họp Quý 3 diễn ra vào ngày 29/09/2022. Tại phiên họp này, Ủy ban tập trung vào các nội dung: Các hoạt động công nghệ đã được thực hiện trong Quý, các tư vấn chiến lược được đưa ra trong phạm vi của dự án EA (chuyển đổi công nghệ), danh mục sáng kiến của Khối Công nghệ và nguồn lực, phương thức triển khai danh mục này.

Dự kiến, phiên họp tổng kết của UBCN trong năm 2022 sẽ được tổ chức vào đầu năm 2023, trong đó Khối Công nghệ sẽ báo cáo về các hoạt động trong năm 2022 (bao gồm kết quả của các hoạt động vận hành, hỗ trợ và phát triển, các sáng kiến và công nghệ mới), đồng thời trình bày kế hoạch công nghệ 2023.

4.1.5. Đào tạo về quản trị Ngân hàng cho các Thành viên Hội đồng quản trị

Nhằm hoàn thiện và phát triển năng lực quản trị điều hành cho đội ngũ lãnh đạo cấp cao của ngân hàng, MSB đã và đang triển khai công tác đào tạo bằng nhiều cách thức đa dạng như đẩy mạnh các buổi đào tạo, chia sẻ trong nội bộ; cử cán bộ tham gia các khóa học, hội thảo trong và ngoài nước; mời chuyên gia huấn luyện riêng về lãnh đạo điều hành cho thành viên Ban điều hành; luân chuyển và đề bạt cán bộ quản lý giữa các đơn vị để phát triển toàn diện năng lực... Đặc biệt, trong năm 2022, nắm bắt nhu cầu về quản trị ngân hàng trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ như hiện nay, MSB đã tổ chức chương trình đào tạo về chuyển đổi số, chuyển đổi phương thức làm việc và chiến lược phát triển của ngân hàng trong giai đoạn 2022-2027. Bên cạnh đó, Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã tham gia các hội thảo về dữ liệu, kiến trúc doanh nghiệp, chuyển đổi phương thức bán hàng do các chuyên gia hàng đầu từ các tổ chức tư vấn như McKinsey và BCG dẫn dắt theo định hướng chiến lược của MSB và xu hướng phát triển của ngành ngân hàng trên thế giới.

4.2. Ban Kiểm soát

4.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

- **Bà PHẠM THỊ THÀNH**

Trưởng Ban Kiểm soát

Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Bà Phạm Thị Thành từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Tây (cũ); Phó Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Bà gia nhập Ban Kiểm soát MSB từ tháng 4/2009 với vai trò thành viên Ban Kiểm soát. Từ tháng 9/2009 đến nay, bà giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát MSB.

- **Bà CHU THỊ ĐÀM**

Thành viên Ban Kiểm soát

Thạc sỹ Kinh tế, Học viện Tài chính.

Bà Chu Thị Đàm có 27 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng. Bà gia nhập MSB từ tháng 9/2008 và từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ. Từ tháng 2/2012 đến nay, bà giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát MSB.

- **Bà LÊ THANH HÀ**

Thành viên Ban Kiểm soát

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Griggs Hoa Kỳ.

Bà Lê Thanh Hà gia nhập MSB từ năm 1991 và đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các bộ phận như Kế toán, Dịch vụ khách hàng, Quản lý vốn, Đầu tư và kinh doanh ngoại tệ, Khối Thị trường tài chính, Ngân hàng Định chế tài chính. Từ tháng 2/2012 đến nay, bà giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát MSB.

4.2.2. Danh sách tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác của Ban Kiểm soát

- **Danh sách tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết**

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết (CP)	Tỷ lệ sở hữu
01	Phạm Thị Thành	Nữ	Trưởng Ban	235.254	0,011847%
02	Chu Thị Đàm	Nữ	Thành viên chuyên trách	141.960	0,007148%
03	Lê Thanh Hà	Nữ	Thành viên chuyên trách	238.635	0,012017%

• **Danh sách tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Mã chứng khoán khác	Số lượng cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Phạm Thị Thành	Trưởng Ban Kiểm soát	ACB	1.000	0,000030%
			PGB	1.000	0,000033%
			TN1	1.250	0,002894%
			TNC	5.600	0,014018%
2	Bà Chu Thị Đàm	Thành viên chuyên trách	MBB	3.600	0,000095%
			SSI	3.000	0,000201%
			TCB	7.315	0,000208%
			TN1	1.426	0,003302%
			TPB	2.000	0,000126%
			TNC	5.300	0,013267%
			VND	5.000	0,000411%
			VPB	8.398	0,000138%
3	Bà Lê Thanh Hà	Thành viên chuyên trách	ABB	18.300	0,000019%
			BLI	40	0,000000%
			HIG	73	0,000000%
			LPB	8.050	0,000005%
			MBB	2.820	0,000001%
			POT	96	0,000000%
			TN1	986	0,000023%
			VIE	2.000	0,000970%
TNC	5.300	0,013267%			

4.2.3. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện 05 cuộc họp trong đó có cuộc họp bầu Trưởng Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ VII (2022-2026). Nội dung chủ đạo của các cuộc họp là cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh của MSB, các nghị quyết trọng yếu mà Hội đồng quản trị ban hành, các chỉ đạo, quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức tín dụng nói chung và đối với riêng MSB,... từ đó thống nhất các công việc cần chú trọng trong quá trình giám sát hoạt động kinh doanh, chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ bám sát các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước; giám sát từ xa và kiểm toán trực tiếp đối với những hoạt động kinh doanh trọng yếu của ngân hàng; báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

đối với một số hoạt động còn tiềm ẩn rủi ro để có giải pháp chấn chỉnh và nâng cao chất lượng, đảm bảo MSB hoạt động an toàn, hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật.

Các cuộc họp đều đạt được sự đồng thuận, thống nhất của tất cả các thành viên Ban Kiểm soát, là tiền đề để Ban Kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định góp phần vào sự phát triển ổn định, bền vững của ngân hàng.

4.3. Hội đồng điều hành

4.3.1. Thành viên Hội đồng điều hành

- **Ông NGUYỄN HOÀNG LINH**

Tổng Giám đốc MSB, Thành viên Hội đồng quản trị

Thạc sỹ kinh tế, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Ông Nguyễn Hoàng Linh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các ngân hàng tại Việt Nam như: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc PVCombank, Tổng Giám đốc Western Bank, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Á,... Tại MSB, ông đã trải qua hơn 20 năm công tác và được tin tưởng giao phó nhiều trọng trách như: Giám đốc MSB Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Chiến lược, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 03/2020, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc MSB. Từ tháng 09/2020, ông được bầu là thành viên Hội đồng quản trị MSB. Bên cạnh đó, từ năm 2021, ông Nguyễn Hoàng Linh phụ trách dự án “Nhà máy số” và các hoạt động chuyển đổi số của ngân hàng.

- **Ông NGUYỄN THẾ MINH**

Phó Tổng Giám đốc MSB, Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, Đại học ESCP và Paris Dauphine, Pháp

Ông Nguyễn Thế Minh có 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng uy tín như: Giám đốc Khối MME, Giám đốc miền Bắc - HSBC Việt Nam; Giám đốc cao cấp Khối Doanh nghiệp & các dự án tài chính - Calyon Việt Nam... Từ tháng 4/2015, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn. Tháng 01/2019, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp.

- **Bà NGUYỄN HƯƠNG LOAN**

Phó Tổng Giám đốc MSB, Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Sorbonne Paris 1

Cử nhân Đại học Tổng hợp Quốc Gia Hà Nội

Bà Nguyễn Hương Loan gia nhập MSB kể từ năm 2009 trên cương vị là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn. Sau đó, vẫn trên cương vị là Phó Tổng Giám đốc, bà phụ trách Khối Khách hàng định chế tài chính và doanh nghiệp lớn kiêm Giám đốc Khối Thị

trường tài chính. Hiện tại, bà Loan giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng định chế tài chính.

Bà được giao phụ trách toàn bộ hoạt động kinh doanh với các định chế tài chính của MSB, bao gồm việc quản lý quan hệ, cung cấp các sản phẩm - dịch vụ dành cho các khách hàng định chế tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các tổ chức tài chính công.

Trước đó, bà Loan đã có mười ba năm kinh nghiệm tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) trên nhiều cương vị khác nhau. Năm 2008, bà giữ cương vị Phó Giám đốc Khối nguồn vốn.

- **Bà ĐINH THỊ TỐ UYÊN**

Phó Tổng Giám đốc MSB, Giám đốc Khối Chiến lược

Cử nhân Kinh tế, Đại học Ngoại thương Hà Nội

Bà Đinh Thị Tố Uyên đã có 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing & Truyền thông nắm giữ các vị trí cao cấp tại các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước như: Giám đốc Marketing và Thương hiệu Techcombank; Giám đốc Marketing & Phát triển kinh doanh British Petroleum; Trưởng phòng Marketing Shell Gas Việt Nam... Từ tháng 5/2015, bà gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Marketing & Truyền thông. Từ tháng 02/2020, bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Chiến lược. Từ tháng 4/2022, bà giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc MSB.

- **Bà NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH**

Phó Tổng Giám đốc MSB, Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh đã có 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, trong đó có 17 năm công tác tại MSB và được tin nhiệm đảm nhận nhiều vị trí quản lý khác nhau như: Giám đốc Trung tâm kênh bán hàng và phân phối; Giám đốc Trung tâm quản lý phát triển kinh doanh; Giám đốc Vùng 1, Phụ trách Phòng huy động vốn thuộc MSB; Phó Giám đốc Trung tâm phát triển kinh doanh – Khối Bán lẻ, VietinBank. Từ tháng 01/2020, bà Hạnh được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 12/2020 đến nay, bà giữ chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 4/2022, bà đảm nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc MSB.

- **Bà LÊ CẨM THÚY**

Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Bà Lê Cẩm Thúy đã có hơn 14 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, trong đó có hơn 12 năm công tác tại MSB và được tin nhiệm đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng như: Phó Giám đốc Khối quản lý rủi ro, Giám đốc Quản lý phân tích công cụ và mô hình rủi ro tại MSB và Giám đốc Ban quản lý rủi ro tại SHB. Với kinh nghiệm và sự am hiểu hệ thống

quản lý rủi ro của MSB, bà Thúy được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối quản lý rủi ro từ tháng 3/2022.

- **Bà NGUYỄN HÀ THANH**

Giám đốc Khối Vận hành

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Viện Công nghệ Châu Á – AIT

Bà Nguyễn Hà Thanh đã có 27 năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức tài chính - ngân hàng uy tín tại Việt Nam và đảm nhiệm những chức vụ quan trọng như: Phó Giám đốc Khối vận hành, Techcombank; Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Vận hành, Công ty chứng khoán Morgan Stanley Gateway MSGS; Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Vận hành, Công ty chứng khoán quốc tế Hoàng Gia IRS; Giám đốc Dịch vụ quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng Citibank... Từ cuối tháng 12/2020, bà gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối vận hành.

- **Bà LẠI THANH MAI**

Giám đốc Khối Tư vấn Pháp lý và Tuân thủ

Luật sư, Cử nhân Luật, Đại học Luật Hà Nội

Bà Mai đã có 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp luật – tuân thủ trong hoạt động ngân hàng. Bà gia nhập MSB từ năm 1997, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại MSB như: Trưởng phòng pháp chế, Trưởng Ban thư ký Hội đồng quản trị, Giám đốc Khối Pháp chế và giám sát tuân thủ. Từ tháng 01/2019, bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Tư vấn pháp lý và tuân thủ.

- **Ông NGUYỄN QUỐC KHÁNH**

Giám đốc Khối Công nghệ

Tiến sỹ, Đại học Western Sydney

Ông Khánh đã có 23 năm công tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin ở trong và ngoài nước, với gần 16 năm đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao như: Phó Giám đốc Trung tâm công nghệ thông tin - Vietcombank, Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Công nghệ thông tin - PVCombank, Phó Tổng Giám đốc phụ trách công nghệ thông tin - Tổng công ty tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam (PVFC), Phó Trưởng ban phụ trách công nghệ thông tin – Ban trụ bị PVBank, Giám đốc kỹ thuật - Công ty FPT Software... Đặc biệt, ông Khánh đã từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Công nghệ tại MSB từ tháng 05/2009 đến tháng 10/2013 với nhiều đóng góp quan trọng. Từ tháng 4/2020, ông chính thức quay trở lại và đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ tại MSB.

- **Ông NGUYỄN NGỌC CƯƠNG**

Giám đốc Nhân sự

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Ông Nguyễn Ngọc Cương gia nhập MSB từ năm 2007 và từng đảm nhiệm các vị trí quản lý từ năm 2009 đến năm 2012 như: Giám đốc quản lý nghiệp vụ nhân sự, Trưởng phòng chiến lược phát triển nhân tài, Phó phòng tiền lương và phúc lợi. Từ năm 2012, ông công tác tại Công ty cổ phần quản trị nguồn nhân lực M-Talent với vị trí như Giám đốc Trung tâm chiến

lược nhân sự và được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc công ty M-Talent từ năm 2015. Từ tháng 01/2020, ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc nhân sự MSB.

- **Bà NGUYỄN THỊ THU HẰNG**

Giám đốc Khối Quản lý tài chính

Cử nhân Kinh tế, Đại học Thương mại

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng đã có 22 năm công tác tại MSB và từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao trong công tác quản lý tài chính của ngân hàng như: Phó Giám đốc Khối Quản lý tài chính; đồng thời kiêm nhiệm các vị trí như Giám đốc Trung tâm quản trị tài chính, Trưởng phòng tài chính, Trưởng phòng kế hoạch ngân sách. Với kinh nghiệm và sự am hiểu hệ thống tài chính của MSB, từ tháng 4/2020, bà Hằng được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản lý tài chính.

- **Ông DƯƠNG NGỌC DŨNG**

Giám đốc Khối Marketing và truyền thông

Cử nhân Luật Kinh tế

Ông Dương Ngọc Dũng đã có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực marketing, truyền thông và thương hiệu. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại các ngân hàng, tổ chức tài chính uy tín tại Việt Nam như: Giám đốc Marketing và Truyền thông - Ngân hàng Hong Leong Việt Nam, Giám đốc Marketing và Truyền thông Ngân hàng Quốc tế (VIB), Giám đốc PR và Marketing - Ngân hàng Bản Việt và Công ty Chứng khoán Bản Việt, Giám đốc Marketing và Phát triển kinh doanh - Công ty cổ phần Sao Bắc Đẩu. Từ tháng 2/2020, ông gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Marketing và truyền thông.

- **Ông BÙI ĐỨC QUANG**

Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý Tín dụng

Cử nhân Luật, Đại học Luật Hà Nội

Ông Bùi Đức Quang có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật (09 năm trong ngành ngân hàng). Trước đó, ông từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Xử lý nợ khách hàng cá nhân – Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB); Giám đốc Tổ tụng, Thành viên Hội đồng cố vấn – Tập đoàn TNG. Tại MSB, ông từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Quản lý tổ tụng và mua bán nợ, Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý tín dụng, Chủ tịch công ty MSB AMC và đảm nhiệm vị trí Quyền Giám đốc Khối Quản lý tín dụng từ tháng 1/2020. Từ tháng 7/2020, ông Quang được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý tín dụng.

- **Ông SAMUEL ANTHONY DOTRO**

Giám đốc Khối Chuyển đổi số

Cử nhân Khoa học về Khoa học Quản lý, Trường Kean New Jersey, Hoa Kỳ

Ông Samuel có 29 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức uy tín trên thế giới như: Phó Chủ tịch điều hành - Giám đốc Công nghệ, Ngân hàng Thanachart (Thái Lan); Phó Chủ tịch phụ trách mảng hệ thống và kiến

trúc doanh nghiệp của Scotiabank (Canada); Giám đốc điều hành - Kiến trúc sư trưởng Trung tâm công nghệ và dữ liệu doanh nghiệp, Ngân hàng CIBC (Canada); Giám đốc điều hành - Kiến trúc sư trưởng Ngân hàng First Caribbean, CIBC World Markets Corporation (Caribbean); Giám đốc điều hành - Kiến trúc sư trưởng, Giám đốc Công nghệ toàn cầu, CIBC World Markets Corporation (Hoa Kỳ). Từ tháng 11 năm 2021, ông Samuel gia nhập MSB và được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Chuyển đổi số.

- **Ông HOÀNG VIỆT PHƯƠNG**

Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược

Cử nhân Tài chính doanh nghiệp, Học viện Tài chính

Ông Hoàng Việt Phương gia nhập MSB từ năm 2008 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Ban khách hàng doanh nghiệp nhà nước; Giám đốc Phát triển sản phẩm và khách hàng chiến lược, Trưởng phòng Marketing và phát triển sản phẩm, Phó trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp... Tháng 04/2022 đến tháng 12/2022, ông Phương được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng Chiến lược.

- **Ông NGUYỄN VIỆT SƠN**

Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học California Miramar

Ông Nguyễn Việt Sơn đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng đảm nhiệm vai trò cán bộ quản lý tại các tổ chức tín dụng khác nhau như: Phó Trưởng phòng tín dụng - đầu tư, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam; Giám đốc Chi nhánh Hải Dương, Giám đốc Vùng 1 khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào. Từ tháng 12/2022, ông chính thức quay trở lại và đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược MSB.

- **Bà PHÙNG THÙY NHUNG**

Kế toán trưởng

ACCA, Cử nhân Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Bà Phùng Thùy Nhung gia nhập MSB kể từ năm 2011 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý khác nhau thuộc Khối Quản lý Tài chính như: Giám đốc quản lý hiệu suất Ngân hàng Định chế Tài chính; Giám đốc quản lý hiệu suất Ngân hàng Doanh nghiệp lớn; Giám đốc quản lý tài chính và kế hoạch, Giám đốc Trung tâm quản trị kế toán.

Kể từ tháng 02/2021 đến nay, bà đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng MSB kiêm Giám đốc Trung tâm quản trị kế toán. Bà được giao quản lý và điều hành việc xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách, chuẩn mực kế toán toàn hệ thống đảm bảo tuân thủ quy định của MSB và pháp luật.

4.3.2. Thông tin thay đổi nhân sự Hội đồng điều hành năm 2022

Ngày 12/4/2022, MSB bổ nhiệm bà Đinh Thị Tố Uyên và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh giữ chức Phó Tổng Giám đốc. Bà Đinh Thị Tố Uyên đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám

đốc Khối Chiến lược MSB. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh giữ chức Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng bán lẻ. Việc bổ nhiệm nằm trong lộ trình quy hoạch nhân sự cấp cao nhằm kiện toàn bộ máy lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng quy mô và định hướng chiến lược phát triển của ngân hàng.

Tháng 4/2022, MSB bổ nhiệm ông Hoàng Việt Phương giữ chức Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược. Ngày 30/12/2022, Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Hoàng Việt Phương giữ chức Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Ông Nguyễn Việt Sơn được bổ nhiệm thay thế ông Hoàng Việt Phương giữ chức Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược cũng từ ngày 30/12/2022.

5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Hội đồng điều hành và Ban Kiểm soát

5.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao của HĐQT, BKS và TGD thực hiện theo quy chế tiền lương của MSB và Nghị quyết phê duyệt của ĐHCĐ thường niên năm 2021.

Chi tiết về khoản lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và TGD được liệt kê tại phần thuyết minh số 45 – “Giao dịch với các bên liên quan” trang 59 trong Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2022.

5.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Chi tiết về giao dịch cổ phiếu của người nội bộ được liệt kê tại Phụ lục 05. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu MSB, thuộc Báo cáo quản trị công ty năm 2022 của MSB.*

5.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Chi tiết về Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ được liệt kê tại Phụ lục 03. Giao dịch giữa MSB với người có liên quan của MSB; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, thuộc Báo cáo quản trị công ty năm 2022.*

5.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

MSB đã thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật về quản trị công ty.

* Chi tiết báo cáo xem tại đường dẫn: <https://www.msb.com.vn/documents/20121/2148328/20230302+-+MSB+-+Dinh+chinh+Bao+cao+Quan+tri+MSB+2022+-+ban+che+thong+tin+ca+nhan.pdf/517c27df-7896-f25a-a037-b6ada75a429a?t=1677731650859>

G. HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Tính đến 31/12/2022, mạng lưới hoạt động của MSB trải rộng 51 tỉnh thành trên toàn quốc, bao gồm 263 Chi nhánh và Phòng giao dịch, 286 ATM.

1	An Giang
2	Bà Rịa Vũng Tàu
3	Bạc Liêu
4	Bắc Giang
5	Bắc Ninh
6	Bến Tre
7	Bình Dương
8	Bình Định
9	Bình Phước
10	Bình Thuận
11	Cà Mau
12	Cần Thơ
13	Đà Nẵng
14	Đắk Lắk
15	Đồng Nai
16	Đồng Tháp
17	Gia Lai
18	Hà Nam
19	Hà Nội
20	Hà Tĩnh
21	Hải Dương
22	Hải Phòng
23	Hậu Giang
24	Huế
25	Hưng Yên
26	Khánh Hòa

27	Kiên Giang
28	Kontum
29	Lạng Sơn
30	Lào Cai
31	Lâm Đồng
32	Long An
33	Nam Định
34	Ninh Bình
35	Ninh Thuận
36	Nghệ An
37	Phú Thọ
38	Phú Yên
39	Quảng Bình
40	Quảng Nam
41	Quảng Ngãi
42	Quảng Ninh
43	Tây Ninh
44	Thái Bình
45	Thái Nguyên
46	Thanh Hóa
47	Tiền Giang
48	TP.Hồ Chí Minh
49	Trà Vinh
50	Vĩnh Long
51	Vĩnh Phúc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 72

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 08 tháng 06 năm 1991 theo Giấy phép số 0001/NH-GP do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (được gọi tắt là “NHNN”) cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp và được sửa đổi gần nhất theo Quyết định số 45/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 01 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200124891 của Ngân hàng được điều chỉnh nhiều lần với điều chỉnh lần thứ 25 vào ngày 28 tháng 11 năm 2022.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Trụ sở và mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm lẻ một (201) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm lẻ một (201) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên
Ông Trần Xuân Quảng	Thành viên
Bà Lê Thị Liên	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 25/04/2022)
	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/04/2022)
Ông Tạ Ngọc Đa	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 25/04/2022)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Phạm Thị Thành	Trưởng ban
Bà Chu Thị Đàm	Thành viên
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hương Loan	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính
Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ (<i>Bổ nhiệm ngày 12/04/2022</i>)
Bà Đinh Thị Tố Uyên	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Chiến lược (<i>Bổ nhiệm ngày 12/04/2022</i>)
Ông Oliver Schwarzhaupt	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro (<i>Miễn nhiệm ngày 07/03/2022</i>)
Bà Lê Cẩm Thúy	Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro (<i>Bổ nhiệm ngày 07/03/2022</i>)
Ông Hoàng Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ (<i>Bổ nhiệm ngày 30/12/2022</i>) Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược (<i>Miễn nhiệm ngày 30/12/2022</i>)
Ông Bùi Đức Quang	Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý tín dụng
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Giám đốc Khối Quản lý Tài chính
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Khối Công nghệ
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Giám đốc Nhân sự

Bà Lại Thanh Mai	Giám đốc Khối Tư vấn Pháp lý và Tuân thủ
Ông Dương Ngọc Dũng	Giám đốc Khối Marketing & Truyền thông
Bà Nguyễn Hà Thanh	Giám đốc Khối Vận hành
Ông Samuel Anthony Dotro	Giám đốc Khối Chuyển đổi Số
Ông Nguyễn Việt Sơn	Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược (<i>Bổ nhiệm ngày 30/12/2022</i>)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Hoàng Linh, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng. Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con (“Ngân hàng”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển

tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:

Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 06 tháng 03 năm 2023

Số tham chiếu: 60755035/66906453-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con được lập ngày 06 tháng 03 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 72, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính

kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 07 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
		<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	1.393.551	1.524.098
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	3.689.730	3.056.674
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	7	39.243.600	33.441.936
Tiền gửi tại các TCTD khác		29.363.640	19.909.194
Cho vay các TCTD khác		9.879.960	13.532.742
Chứng khoán kinh doanh	8	21.675	23.487
Chứng khoán kinh doanh		39.287	39.287
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(17.612)	(15.800)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	446.344	-
Cho vay khách hàng		119.212.621	99.875.801
Cho vay khách hàng	10	120.643.542	101.562.609
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(1.430.921)	(1.686.808)
Chứng khoán đầu tư	12	31.534.742	48.226.133
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		31.554.087	48.257.483
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(19.345)	(31.350)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	10.036	10.036
Đầu tư dài hạn khác		10.036	10.036
Tài sản cố định		382.873	311.581
Tài sản cố định hữu hình	14	153.330	133.753

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

<i>Nguyên giá</i>		606.147	625.105
<i>Khấu hao lũy kế</i>		(452.817)	(491.352)
Tài sản cố định vô hình	15	229.543	177.828
<i>Nguyên giá</i>		618.177	515.078
<i>Hao mòn lũy kế</i>		(388.634)	(337.250)
Tài sản Có khác	16	16.840.686	17.195.677
Các khoản phải thu	16.1	10.881.321	10.122.841
Các khoản lãi, phí phải thu	16.2	2.808.476	2.769.866
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	16.3	50	61
Tài sản Có khác	16.4	3.218.269	4.545.971
- Trong đó: Lợi thế thương mại	17	25.106	35.088
Dự phòng rủi ro tài sản Có khác	16.5	(67.430)	(243.062)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		212.775.858	203.665.423

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
		<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	18	1.014.560	1.017.253
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		1.014.560	1.017.253
Tiền gửi và vay các TCTD khác	19	50.374.160	68.035.603
Tiền gửi của các TCTD khác		29.339.865	34.078.939
Vay các TCTD khác		21.034.295	33.956.664
Tiền gửi của khách hàng	20	117.120.779	94.616.419
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	-	76.833
Phát hành giấy tờ có giá	21	11.599.514	13.042.540
Các khoản nợ khác		6.012.847	4.838.990
Các khoản lãi, phí phải trả	22.1	2.253.470	1.605.625
Các khoản phải trả và công nợ khác	22.2	3.759.377	3.233.365
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		186.121.860	181.627.638
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của TCTD		19.891.568	15.767.318
- Vốn điều lệ		19.857.500	15.275.000
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		608	608
- Thặng dư vốn cổ phần		33.460	491.710
Quỹ của TCTD		1.896.036	1.276.973
Lợi nhuận chưa phân phối		4.866.394	4.993.494
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	26.653.998	22.037.785

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

212.775.858

203.665.423

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 triệu đồng</i>
1. Bảo lãnh vay vốn	40	33.980	70.591
2. Cam kết giao dịch hối đoái	40	223.775.857	241.920.764
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		1.408.572	5.288.413
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		1.407.285	5.297.947
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		220.960.000	231.334.404
3. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	40	9.141.549	9.529.543
4. Bảo lãnh khác	40	20.444.318	15.331.738
5. Các cam kết khác	40	16.451.969	8.434.389
6. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	41	779.182	2.042.257
7. Nợ khó đòi đã xử lý	42	13.624.430	11.446.287
8. Tài sản và chứng từ khác	43	114.866.183	106.062.730

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Đường Thị Thu Hà

Giám đốc Báo cáo tài chính

Bà Phùng Thùy Nhung

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hoàng Linh

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 06 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2022 triệu đồng</i>	<i>Năm 2021 triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	13.252.114	10.338.591
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(4.930.323)	(4.122.347)
Thu nhập lãi thuần		8.321.791	6.216.244
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.605.101	3.248.448
Chi phí hoạt động dịch vụ		(492.637)	(375.009)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	1.112.464	2.873.439
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	1.000.441	382.764
Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29	(2.028)	2.031
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	683.122	349.636
Thu nhập từ hoạt động khác		760.999	1.254.834
Chi phí cho hoạt động khác		(1.183.995)	(592.242)
Lãi thuần từ hoạt động khác	31	(422.996)	662.592
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	880	101.536
Chi phí hoạt động	33	(4.427.964)	(3.931.913)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		6.265.710	6.656.329
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	34	(478.507)	(1.567.866)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		5.787.203	5.088.463
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	35	(1.170.979)	(1.053.738)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		(11)	15

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tổng chi phí thuế TNDN		(1.170.990)	(1.053.723)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		4.616.213	4.034.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	36	2.252	2.069

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Đường Thị Thu Hà

Giám đốc Báo cáo tài chính

Bà Phùng Thùy Nhung

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hoàng Linh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 06 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2022 triệu đồng</i>	<i>Năm 2021 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG			
KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		13.219.183	10.209.053
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(4.282.479)	(4.069.141)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		1.106.784	2.873.090
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		1.671.342	1.094.564
Chi phí khác		(1.491.064)	(682.252)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		448.922	807.680
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(3.844.731)	(2.854.006)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	35	(573.278)	(990.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		6.254.679	6.388.181
Những thay đổi về tài sản hoạt động		1.083.505	(24.243.394)
(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		3.652.782	(11.285.330)
Giảm/(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		17.302.758	7.587.931
(Tăng)/Giảm về công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(446.344)	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(19.082.631)	(22.222.029)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn, phải thu khác	(912.144)	(1.966.784)
Giảm/(Tăng) khác về tài sản hoạt động	569.084	3.642.818
Những thay đổi về công nợ hoạt động	3.390.203	22.232.135
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(2.693)	996.520
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác	(17.661.444)	12.009.880
Tăng tiền gửi của khách hàng	22.504.361	7.421.611
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(1.443.026)	1.411.066
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(76.833)	24.802
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	69.838	368.434
Chi từ quỹ của tổ chức tín dụng	-	(178)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh	10.728.387	4.376.922

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2022 triệu đồng</i>	<i>Năm 2021 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(174.712)	(100.466)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.762	3.390
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	291.815
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		880	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(172.070)	194.739
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	24
Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	1.132.365
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	1.132.389
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.556.317	5.704.050
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		24.489.966	18.785.916
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	37	35.046.283	24.489.966

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bà Đường Thị Thu Hà

Giám đốc Báo cáo tài chính

Bà Phùng Thùy Nhung

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hoàng Linh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 06 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0001/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (được gọi tắt là “NHNN”) cấp ngày 08 tháng 06 năm 1991 có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp và được sửa đổi gần nhất theo Quyết định số 45/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 01 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200124891 của Ngân hàng được điều chỉnh nhiều lần với điều chỉnh lần thứ 25 vào ngày 28 tháng 11 năm 2022.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 19.857.500 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 15.275.000 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm lẻ một (201) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm lẻ một (201) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một (01) công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (“FCCOM”)	0301516782 cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010 và thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 04 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	100%

Nhân viên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 6.317 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 5.190 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của Ngân hàng là đồng Việt Nam (“VND”). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng”). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Điều hành Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 03 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN bổ sung, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017, Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 về chế độ tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất này cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa Ngân hàng mẹ và các công ty con, giữa các công ty có cùng Ngân hàng mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngoại trừ:

Thông tư số 24/2022/TT-BTC (“Thông tư 24”) sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 48/2019/TT-BTC (“Thông tư 48”) ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư 24 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó:

- ▶ Đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán;
- ▶ Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

Thông tư 27/2021/TT-NHNN (“Thông tư 27”) sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 (“Quyết định 479”) và chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“Quyết định 16”)

NHNN ban hành Thông tư 27 ngày 31 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực thi hành ngày 1 tháng 4 năm 2022 để sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán các TCTD và chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD ban hành kèm theo Quyết định 479 và Quyết định 16. Các thay đổi chính của Thông tư 27 như sau:

- ▶ Sửa đổi, bổ sung một số tài khoản và nội dung hạch toán tương ứng trong hệ thống tài khoản kế toán các TCTD;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- ▶ Sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu báo cáo tài chính và một số thuyết minh báo cáo tài chính thuộc các mẫu biểu B02/TCTD-HN, B03/TCTD-HN, B05/TCTD-HN;
- ▶ Thay thế tên gọi của các mẫu biểu báo cáo tài chính và thay thế, bãi bỏ một số cụm từ khác đã được quy định trước đây tại Quyết định 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 11"). Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại tổ chức tín dụng trong nước và chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại *Thuyết minh số 4.5*.

Theo Thông tư 11, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4.4 Các khoản cho vay khách hàng và các khoản nợ mua

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay không quá 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm và không quá 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản nợ mua được trình bày theo giá gốc được xác định bằng giá mua của khoản nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11 như trình bày trong *Thuyết minh số 4.5*.

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ

Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, các khoản nợ mua và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”) được phân loại theo Điều 10 của Thông tư 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dự nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn đến 90 ngày trừ khoản nợ quy định tại điểm (b) của Nhóm 1; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc	50%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Nhóm nợ	Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
	(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ** (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể (tiếp theo)

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc (i) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, ngoài trừ trường hợp Ngân hàng cho vay hợp vốn bằng nguồn vốn ủy thác của bên thứ 3 mà bên thứ 3 cam kết chịu trách nhiệm xử lý khi rủi ro xảy ra, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Ngân hàng đồng thời áp dụng các quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay đáp ứng yêu cầu của Thông tư 01/2020/TT-NHNN (“Thông tư 01”) do NHNN ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2020, Thông tư 03/2022-TT-NHNN (“Thông tư 03”) ngày 2 tháng 4 năm 2022 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN (“Thông tư 14”) ngày 7 tháng 9 năm 2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 01 do NHNN ban

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ** (tiếp theo)*Dự phòng cụ thể* (tiếp theo)

Thông tư 03 yêu cầu Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi được thực hiện phân loại theo hai loại nợ như sau: (1) phân loại nợ giữ nguyên như trước khi thực hiện cơ cấu, miễn giảm lãi; (2) phân loại nợ theo quy định của NHNN về phân loại nợ trong hoạt động của TCTD. Trong trường hợp chênh lệch số tiền dự phòng cần phải trích theo loại nợ (2) so với loại nợ (1) là dương, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể bổ sung như sau:

<i>Dự phòng bổ sung</i>	<i>Thời hạn</i>
Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022
100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, Ngân hàng căn cứ quy định của NHNN về trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động của TCTD, để trích lập dự phòng rủi ro đối với toàn bộ dư nợ, cam kết ngoại bảng của khách hàng, bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 03.

Dự phòng chung

Theo Thông tư 11, dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các trường hợp sau:

- ▶ Tiền gửi tại các TCTD trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và các khoản tiền tại các TCTD nước ngoài;
- ▶ Khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam;
- ▶ Khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước;
- ▶ Khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Xử lý rủi ro tín dụng

Theo Thông tư 11, các khoản cho vay khách hàng có thể được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán vốn được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tại thời điểm cuối năm, chứng khoán kinh doanh sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 (“Thông tư 48”). Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết (“chứng khoán chưa niêm yết”) thì Ngân hàng xác định mức trích dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm báo cáo tài chính năm của Ngân hàng, dự phòng cho từng khoản đầu tư được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư} = \text{Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (\%)} \text{ của Ngân hàng tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \times \left[\text{Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} - \text{Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \right]$$

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thực nhận. Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán gồm chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán** (tiếp theo)

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: số tiền lãi dồn tích trước mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Tại thời điểm cuối năm, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Các chứng khoán (trừ trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Điều 5, Thông tư 48 và Thông tư 24 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần mua bán chứng khoán đầu tư*".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.9 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có tối đa 11% quyền biểu quyết và chứng khoán của các đơn vị này không được niêm yết trên thị trường khoán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo quy định tại Điều 5, Thông tư 48.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tăng hoặc giảm dự phòng đầu tư dài hạn được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí hoạt động” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
Máy móc thiết bị	3 – 20 năm
Phương tiện vận tải	6 – 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 – 25 năm
Phần mềm máy vi tính	3 – 20 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 – 8 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.12 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh của các khoản phải thu có tính chất tín dụng được hạch toán vào “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”, chi phí dự phòng phát sinh của các khoản phải thu khác được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Từ ba năm trở lên

100%

4.13 Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.14 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "*Chi phí hoạt động*" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.15 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

4.16 Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

4.17 Tiền gửi của các TCTD khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi của các TCTD khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm số dư gốc của trái phiếu. Ngân hàng thực hiện phân bổ các chi phí này vào "*Chi phí lãi và các chi phí tương tự*" theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

4.18 Các công cụ phái sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*” trên “*Vốn chủ sở hữu*” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi đến hạn hoặc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian. Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*” trên “*Vốn chủ sở hữu*” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi đến hạn hoặc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.18 Các công cụ phái sinh (tiếp theo)***Các hợp đồng hoán đổi (tiếp theo)*

Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (*Thuyết minh số 49*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục “*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*” trên tài khoản “*Vốn chủ sở hữu*” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.20 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.21 Vốn và các quỹ

4.21.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.21.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.21.3 Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.21.4 Các quỹ dự trữ**

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau khi có quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc chủ sở hữu tương ứng.

- (i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng: Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:
 - ▶ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
 - ▶ Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
 - ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - ▶ Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
- (ii) Các quỹ dự trữ của các công ty con
 - ▶ Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (“FCCOM”): Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, FCCOM phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng.

4.22 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Ngân hàng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*. Theo Thông tư 11, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

4.23 Ghi nhận thu nhập và chi phí*Thu nhập lãi và chi phí lãi*

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản nợ phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 11 và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1 do áp dụng Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực thu.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và chi phí hoạt động dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Ghi nhận thu nhập và chi phí (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động đầu tư (tiếp theo)

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Ngân hàng được thiết lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thường và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và không được ghi nhận là một khoản thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Thu nhập/chi phí từ mua bán nợ

Thu nhập từ mua bán nợ được xác định bằng chênh lệch giữa giá bán của khoản nợ mua bán và giá trị ghi sổ của khoản nợ.

Giá trị ghi sổ của khoản nợ mua/bán bao gồm giá trị ghi sổ của khoản gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính liên quan (nếu có) của các khoản nợ được ghi nhận nội bảng hoặc đã xuất ngoại bảng tại ngày mua/bán nợ; hoặc giá trị ghi sổ tại thời điểm xử lý rủi ro; giá trị ghi sổ của khoản nợ đã xử lý rủi ro từ trước tại ngày mua/bán nợ.

Giá mua/bán nợ là khoản tiền mà bên mua nợ phải trả cho bên bán nợ theo hợp đồng mua/bán nợ.

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.25 Lợi ích của nhân viên**4.25.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.25.2 Trợ cấp thôi việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc. Theo đó, thời gian làm việc tại Ngân hàng để tính hưởng trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc thực tế tại Ngân hàng trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

4.25.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Ngân hàng nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Ngân hàng và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

4.28 Lãi trên cổ phiếu

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Ngân hàng sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong các năm được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

4.29 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cân trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tiền mặt bằng VND	878.133	940.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tiền mặt bằng ngoại tệ	514.085	581.913
Vàng	1.333	1.227
	1.393.551	1.524.098

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”)

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tiền gửi tại NHNN		
- Bằng VND	3.206.421	2.810.639
- Bằng ngoại tệ	483.309	246.035
	3.689.730	3.056.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”) (tiếp theo)

Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Mức dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

- ▶ Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng và tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 3,00% và 1,00%;
- ▶ Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới 12 tháng và tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 8,00% và 6,00%.

Trong năm, Ngân hàng đã duy trì mức dự trữ bắt buộc theo đúng quy định của NHNN.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tiền gửi tại các TCTD khác	29.363.640	19.909.194
Tiền gửi không kỳ hạn	9.763.592	8.140.594
- Bằng VND	8.985.314	7.812.447
- Bằng ngoại tệ	778.278	328.147
Tiền gửi có kỳ hạn	19.600.048	11.768.600
- Bằng VND	17.418.700	8.987.000
- Bằng ngoại tệ	2.181.348	2.781.600
Cho vay các TCTD khác	9.879.960	13.532.742
Bằng VND	8.716.441	12.303.890
Bằng ngoại tệ	1.163.519	1.228.852
	39.243.600	33.441.936

Trong đó, số dư tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 92 ngày tại 31 tháng 12 năm 2022 là 19.600.048 triệu đồng.

Mức lãi suất tiền gửi và cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>%/năm</i>	<i>%/năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2,90 - 8,50	0,65 - 4,10
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,00 - 4,80	0,05 - 0,20
Cho vay bằng VND	4,10 - 11,80	1,90 - 5,50
Cho vay bằng ngoại tệ	3,00 - 6,38	0,50 - 1,77

Chi tiết chất lượng dư nợ tiền gửi và cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	29.480.008	25.301.342
	29.480.008	25.301.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Chứng khoán vốn		
- Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	39.287	39.287
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(17.612)	(15.800)
	21.675	23.487

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Chứng khoán vốn		
Chưa niêm yết	39.287	39.287
	39.287	39.287

Thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	15.800	18.237
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm	1.812	(2.437)
Số dư cuối năm	17.612	15.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/CÔNG NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	<i>Tổng giá trị hợp đồng (*)</i>	<i>Tổng giá trị ghi sổ (**)</i>		<i>Giá trị thuần</i>
		<i>Tài sản</i>	<i>Nợ phải trả</i>	
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Công cụ tài chính phái sinh				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	38.382.147	150.331	-	150.331
Giao dịch hoán đổi	111.162.730	296.013	-	296.013
	149.544.877	446.344	-	446.344
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Công cụ tài chính phái sinh				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	48.188.115	-	(46.681)	(46.681)
Giao dịch hoán đổi	113.984.812	-	(30.152)	(30.152)
	162.172.927	-	(76.833)	(76.833)

(*) Tổng giá trị hợp đồng được quy đổi theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng.

(**) Tổng giá trị ghi sổ là giá trị thuần được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	120.532.719	100.887.495
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	110.823	675.114
	120.643.542	101.562.609

Mức lãi suất cho vay vào thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>%/năm</i>	<i>%/năm</i>
Cho vay thương mại bằng VND	4,00 - 12,50	3,00 - 11,00
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	3,50 - 7,52	2,50 - 4,50

10.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	116.900.964	98.632.895
Nợ cần chú ý	1.673.825	1.160.921
Nợ dưới tiêu chuẩn	616.555	344.979
Nợ nghi ngờ	442.851	469.210
Nợ có khả năng mất vốn	1.009.347	954.604
	120.643.542	101.562.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay gốc

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nợ ngắn hạn	51.830.929	48.627.296
Nợ trung hạn	27.862.422	24.599.699
Nợ dài hạn	40.950.191	28.335.614
	120.643.542	101.562.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

10.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Doanh nghiệp nhà nước	1.548.658	1,28	1.417.828	1,40
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	1.147.306	0,95	1.168.864	1,15
Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân	29.215.085	24,22	25.563.155	25,17
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	1.134.953	0,94	2.625.510	2,59
Công ty cổ phần khác	49.721.221	41,21	43.850.713	43,16
Doanh nghiệp tư nhân	149	0,00	6.393	0,01
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	286.082	0,24	356.060	0,35
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	26.161	0,02	15.384	0,02
Cá nhân	37.563.927	31,14	26.557.255	26,15
Khác	-	-	1.447	0,00
	120.643.542	100,00	101.562.609	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**10.4 Phân tích dư nợ cho vay theo một số ngành kinh tế của khách hàng**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nông lâm nghiệp, thủy sản	656.190	0,54	681.673	0,67
Khai khoáng	1.150.939	0,95	276.564	0,27
Chế biến thủy hải sản	1.256.232	1,04	1.604.515	1,58
Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi	1.121.771	0,93	1.133.664	1,12
Dệt may, sản xuất da dầy, sản xuất trang phục	1.553.930	1,29	939.478	0,93
Khai thác và sơ chế gỗ, chế biến gỗ, sản xuất sản phẩm từ gỗ và lâm sản khác	1.266.880	1,05	924.344	0,91
Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy và in ấn	1.025.660	0,85	1.198.916	1,18
Sản xuất thuốc, hoá dược, dược liệu; cao su, nhựa, phân bón, hoá chất	1.558.786	1,29	1.471.096	1,45
Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ thép, Inox, sơn, matit và các chất tương tự)	838.965	0,70	569.161	0,56
Sản xuất thép thành phẩm	105.312	0,09	104.169	0,10
Sản xuất phôi thép	25.164	0,02	44.445	0,04
Sản xuất Inox và luyện kim khác	77.233	0,06	58.268	0,06
Cơ khí, lắp ráp, chế tạo máy móc, ô tô, xe máy	1.438.804	1,19	1.242.653	1,22
Sản xuất điện tử, thiết bị điện, máy vi tính quang học, thiết bị viễn thông	3.269.622	2,71	1.483.772	1,46

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đóng tàu, thuyền	3.852	0,00	3.051	0,00
Sản xuất thiết bị văn phòng, đồ gia dụng, thiết bị y tế, giáo dục, thể dục thể thao	57.352	0,05	42.665	0,04
Sản xuất và phân phối điện, năng lượng	10.315.040	8,55	7.125.610	7,02
Xây dựng	11.207.188	9,29	14.175.548	13,96
Thương mại hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng	10.714.319	8,88	8.148.952	8,02
Kinh doanh phân bón, hóa chất, các sản phẩm hóa chất khác, thuốc, hóa dược, dược liệu, thiết bị y tế	778.370	0,65	560.650	0,55
Thương mại xăng, dầu, gas, khí đốt	990.165	0,82	1.017.390	1,00
Kinh doanh sắt thép, xi măng, vật liệu xây dựng tổng hợp khác	4.482.711	3,72	2.014.497	1,98
Thương mại hàng công nghiệp nặng khác	2.782.320	2,31	2.062.717	2,03
Kinh doanh vận tải bộ và đường sông	2.925.191	2,42	3.672.107	3,62
Kinh doanh vận tải biển	581.322	0,48	634.813	0,63
Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, ăn uống, vui chơi giải trí	151.226	0,13	199.411	0,20
Kinh doanh bất động sản và cơ sở hạ tầng	10.386.690	8,60	12.136.094	11,95
Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông	769.794	0,64	422.106	0,42
Dịch vụ công nghệ, khoa học công nghệ, dịch vụ hành chính, hỗ trợ, giáo dục y tế, thông tin và truyền thông khác	4.259.915	3,53	2.664.604	2,62
Kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ	165.387	0,14	297.192	0,29
Hoạt động tài chính và chứng khoán	1.446.536	1,20	2.809.632	2,77
Ngành khác	5.716.749	4,74	5.285.597	5,20
Cá nhân	37.563.927	31,14	26.557.255	26,15
	120.643.542	100,00	101.562.609	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Dự phòng chung	898.256	754.974
Dự phòng cụ thể	532.665	931.834
	1.430.921	1.686.808

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2022 như sau:

	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	754.974	931.834	1.686.808
Trích lập trong năm	143.282	352.235	495.517
Xử lý rủi ro trong năm	-	(749.706)	(749.706)
Dự phòng giảm khác	-	(1.698)	(1.698)
Số dư cuối năm	898.256	532.665	1.430.921

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2021 như sau:

	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	555.137	287.874	843.011
Trích lập trong năm	199.837	2.008.811	2.208.648
Xử lý rủi ro trong năm	-	(1.364.851)	(1.364.851)
Số dư cuối năm	754.974	931.834	1.686.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Chứng khoán nợ	31.554.087	48.257.483
Chứng khoán Chính phủ	16.577.065	27.398.852
Chứng khoán Nợ của các TCTD khác trong nước	12.097.953	17.819.946
Chứng khoán nợ của các TCKT trong nước	2.579.385	3.038.685
Tín phiếu phát hành bởi NHHH	299.684	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(19.345)	(31.350)
Dự phòng chung	(19.345)	(22.790)
Dự phòng giảm giá	-	(8.560)
	31.534.742	48.226.133

- ▶ Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm, được hưởng lãi suất từ 2,00%/năm đến 9,40%/năm.
- ▶ Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 1 năm đến 10 năm, được hưởng lãi suất từ 3,90%/năm đến 10,50%/năm.
- ▶ Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 1 năm đến 10 năm, được hưởng lãi suất từ 8,50%/năm đến 13,25%/năm.
- ▶ Tín phiếu phát hành bởi NHNN có kỳ hạn 7 ngày, được hưởng lãi suất 5,50%/năm.

12.2 Thay đổi dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán đầu tư trong năm 2022 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Tổng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	22.790	-	22.790
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm	(3.445)	-	(3.445)
Số dư cuối năm	19.345	-	19.345

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán đầu tư trong năm 2021 như sau:

	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Tổng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	153.124	-	153.124
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm	(130.334)	500.000	369.666
Xử lý rủi ro trong năm	-	(500.000)	(500.000)
Số dư cuối năm	22.790	-	22.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**12.2 Thay đổi dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán** (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	8.560	15.363
Hoàn nhập trong năm	(8.560)	(6.803)
Số dư cuối năm	-	8.560

12.3 Phân tích chất lượng chứng khoán nợ được phân loại là tài sản chịu rủi ro tín dụng theo Thông tư 11

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	14.677.338	20.858.631
	14.677.338	20.858.631

13. GÓP VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	10.036	10.036
	10.036	10.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	28.589	411.792	95.067	89.158	499	625.105
Mua trong năm	-	66.366	-	5.167	-	71.533
Thanh lý trong năm	-	(84.650)	(3.148)	(2.420)	(273)	(90.491)
Số dư cuối năm	28.589	393.508	91.919	91.905	226	606.147
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	12.794	326.008	74.585	77.515	450	491.352
Khấu hao trong năm	585	39.702	4.010	7.543	19	51.859
Thanh lý trong năm	-	(84.574)	(3.148)	(2.399)	(273)	(90.394)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Số dư cuối năm	13.379	281.136	75.447	82.659	196	452.817
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	15.795	85.784	20.482	11.643	49	133.753
Số dư cuối năm	15.210	112.372	16.472	9.246	30	153.330

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 308.877 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	52.233	444.085	18.760	515.078
Tăng trong năm	-	102.049	1.130	103.179
Thanh lý trong năm	-	-	(80)	(80)
Số dư cuối năm	52.233	546.134	19.810	618.177
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	330.020	7.230	337.250
Hao mòn trong năm	-	49.040	2.424	51.464
Thanh lý trong năm	-	-	(80)	(80)
Số dư cuối năm	-	379.060	9.574	388.634
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	52.233	114.065	11.530	177.828
Số dư cuối năm	52.233	167.074	10.236	229.543

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 132.192 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC**16.1 Các khoản phải thu**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Các khoản phải thu nội bộ	101.260	438.142
Các khoản phải thu bên ngoài	10.663.966	9.573.294
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	116.095	111.405
	10.881.321	10.122.841

16.1.1 Các khoản phải thu nội bộ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	84.679	93.926
Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý	2.194	102
Các khoản phải thu khác	14.387	344.114
	101.260	438.142

16.1.2 Các khoản phải thu bên ngoài

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	-	2.000
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho đối tác	2.481.159	3.053.057
Phải thu từ các hoạt động tài trợ thương mại	5.008.050	4.431.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các khoản tạm ứng và phải thu khác	2.936.968	1.787.598
Tạm ứng cho các hoạt động xử lý tài sản xiết nợ (*)	217.033	283.715
Phải thu Ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	20.067	13.592
Các khoản thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	689	2.128
	10.663.966	9.573.294

(*) Bao gồm 115.180 triệu đồng chi phí vận hành các tài sản gán nợ là tàu biển được ghi nhận là các khoản tạm ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 183.331 triệu đồng). Ngân hàng sẽ thực hiện quyết toán các doanh thu (*Thuyết minh số 24.2.2*) và chi phí vận hành phát sinh khi hoàn tất việc thanh lý.

16.1.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
	triệu đồng	triệu đồng
Các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định	63.108	79.325
Các khoản sửa chữa tài sản cố định	52.987	32.080
	116.095	111.405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)**16.2 Các khoản lãi, phí phải thu**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Lãi phải thu từ tiền gửi	18.429	4.524
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	574.941	1.126.743
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	1.594.434	1.332.612
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	607.746	298.740
Lãi phải thu khác	12.926	7.247
	2.808.476	2.769.866

16.3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	61	46
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(11)	15
Số dư cuối năm	50	61

16.4 Tài sản Có khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Vật liệu và công cụ	47.469	50.408
Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	361.573	177.475
Tài sản xiết nợ chờ xử lý (*)	2.164.447	3.729.761
Phải thu từ mua bán chứng khoán	462.305	467.305
Tài sản Có khác	157.369	85.934
Lợi thế thương mại	25.106	35.088
	3.218.269	4.545.971

(*) Bao gồm 1.790.418 triệu đồng các tài sản gắn nợ là tàu biển. Chi tiết chi phí vận hành và doanh thu vận hành các tài sản gắn nợ nêu trên xem *thuyết minh số 16.1.2* và *thuyết minh số 22.2.2*

16.5 Dự phòng rủi ro các tài sản có nội bảng khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Dự phòng cho số tiền chưa thu được của nợ đã bán	27.362	204.372
- <i>Dự phòng chung</i>	27.362	28.862
- <i>Dự phòng cụ thể</i>	-	175.510
Dự phòng rủi ro khác	40.068	38.690
	67.430	243.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)**16.5 Dự phòng rủi ro các tài sản có nội bảng khác** (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng cho số dư phải thu nợ đã bán trong năm 2022 như sau:

	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Tổng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	28.862	175.510	204.372
Hoàn nhập trong năm	(1.500)	(15.510)	(17.010)
Xử lý rủi ro trong năm	-	(160.000)	(160.000)
Số dư cuối năm	27.362	-	27.362

Thay đổi dự phòng cho số dư phải thu nợ đã bán trong năm 2021 như sau:

	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Tổng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	33.837	815.250	849.087
Hoàn nhập trong năm	(4.975)	(635.807)	(640.782)
Xử lý rủi ro trong năm	-	(3.933)	(3.933)
Số dư cuối năm	28.862	175.510	204.372

Thay đổi dự phòng rủi ro khác trong năm như sau:

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	38.690	245.410
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm	2.118	(364)
Xử lý rủi ro trong năm	(2.438)	(98.000)
Tăng khác	1.698	1.500
Giảm khác	-	(109.856)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Số dư cuối năm	40.068	38.690
	<hr/>	<hr/>
17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI		
	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
	<hr/>	<hr/>
Tổng giá trị lợi thế thương mại (“LTTM”)	99.823	99.823
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	64.735	54.752
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	35.088	45.071
LTTM phân bổ trong năm	9.982	9.983
Giá trị LTTM phân bổ trong năm	9.982	9.983
	<hr/>	<hr/>
Tổng giá trị LTTM chưa phân bổ cuối năm	25.106	35.088
	<hr/>	<hr/>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (“NHNN”)

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Vay NHNN		
Vay theo hồ sơ tín dụng	999.972	999.972
Vay thực hiện Dự án hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống thanh toán	14.588	17.281
	1.014.560	1.017.253

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tiền gửi các TCTD khác	29.339.865	34.078.939
Tiền gửi không kỳ hạn	13.370.028	8.162.389
- Bằng VND	12.969.177	7.734.805
- Bằng ngoại tệ	400.851	427.584
Tiền gửi có kỳ hạn	15.969.837	25.916.550
- Bằng VND	15.261.837	19.019.550
- Bằng ngoại tệ	708.000	6.897.000
Vay các TCTD khác	21.034.295	33.956.664
Bằng VND	9.345.443	21.843.606
Bằng ngoại tệ	11.688.852	12.113.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

50.374.160**68.035.603**

Mức lãi suất tiền gửi và tiền vay các TCTD khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>%/năm</i>	<i>%/năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VND	2,80 - 8,90	0,70 - 2,80
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	4,30 - 5,30	0,10 - 0,50
Tiền vay các TCTD khác bằng VND	5,50 - 6,60	1,50 - 4,88
Tiền vay các TCTD, tổ chức tài chính khác bằng ngoại tệ	3,08 - 5,99	0,17 - 1,50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

20.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tiền gửi không kỳ hạn	34.736.911	32.268.015
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	28.473.485	28.478.627
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.263.426	3.789.388
Tiền gửi có kỳ hạn	80.625.545	60.709.924
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	78.136.273	56.803.593
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.489.272	3.906.331
Tiền gửi vốn chuyên dùng	171.944	111.570
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	162.110	107.973
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	9.834	3.597
Tiền gửi ký quỹ	1.586.379	1.526.910
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	1.539.236	1.459.093
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	47.143	67.817
	117.120.779	94.616.419

Mức lãi suất tiền gửi khách hàng vào thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>%/năm</i>	<i>%/năm</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,50	0,00 - 0,20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	5,00 - 9,50	3,00 - 5,60
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 0,10	0,00 - 1,70

20.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	<i>triệu đồng</i>	%	<i>triệu đồng</i>	%
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	57.175.663	48,82	47.825.931	50,55
Tiền gửi của cá nhân	59.945.116	51,18	46.790.488	49,45
	117.120.779	100,00	94.616.419	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ (“GTCCG”)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>
Chứng chỉ tiền gửi	3.199.514	4.643.540
Trái phiếu thường	<u>8.400.000</u>	<u>8.399.000</u>
	<u>11.599.514</u>	<u>13.042.540</u>

Chi tiết kỳ hạn của các GTCCG phát hành theo mệnh giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Trái phiếu thường</i>	<i>Chứng chỉ tiền gửi</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>
Dưới 12 tháng (Dưới 366 ngày)			
- Bằng VND	-	3.007.144	3.007.144
Từ 12 tháng đến 5 năm (Từ 366 - 1826 ngày)			
- Bằng VND	<u>8.400.000</u>	<u>192.370</u>	<u>8.592.370</u>
Số dư cuối năm	<u>8.400.000</u>	<u>3.199.514</u>	<u>11.599.514</u>

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

22.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>
Lãi phải trả cho tiền gửi	1.250.861	1.072.385
Lãi phải trả cho các giấy tờ có giá	236.734	253.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Lãi phải trả cho tiền vay các TCTD khác	186.492	49.337
Lãi phải trả cho công cụ tài chính phái sinh	579.383	230.861
	2.253.470	1.605.625

22.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 triệu đồng</i>
Các khoản phải trả nội bộ	964.796	1.129.666
Các khoản phải trả bên ngoài	2.764.267	2.070.952
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30.314	32.747
	3.759.377	3.233.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC (tiếp theo)**22.2 Các khoản phải trả và công nợ khác (tiếp theo)**

22.2.1 Các khoản phải trả nội bộ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 triệu đồng</i>
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	658.804	800.332
Cổ tức phải trả	6.413	6.413
Thừa quỹ, tài sản thừa chờ xử lý	1.383	501
Tạm treo lãi của tài sản gán nợ	27.708	79.734
Các khoản phải trả khác	270.488	242.686
	964.796	1.129.666

22.2.2 Các khoản phải trả bên ngoài

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 triệu đồng</i>
Tiền giữ hộ và chờ thanh toán	28.577	25.626
Thuế phải nộp cho ngân sách nhà nước	966.439	271.850
Chuyển tiền phải trả	159.115	193.578
Tiền thu từ việc bán nợ, tài sản bảo đảm nợ hoặc khai thác tài sản bảo đảm nợ (*)	430.901	547.144
Các khoản phải trả khác	1.179.235	1.032.754
	2.764.267	2.070.952

(*) Bao gồm 430.725 triệu đồng doanh thu vận hành các tài sản gán nợ là tàu biển (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 542.034 triệu đồng). Ngân hàng sẽ thực hiện quyết toán các doanh thu và chi phí vận hành (*Thuyết minh số 18.1.2*) phát sinh khi hoàn tất việc thanh lý.

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (“NSNN”)

Đơn vị: triệu đồng

Số dư _____ Phát sinh trong năm _____ Số dư _____

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<u>đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>cuối năm</u>
Phải thu NSNN	(2.128)	1.746	(307)	(689)
Thuế TNDN	(2.128)	1.746	(307)	(689)
Phải trả NSNN	271.850	1.761.060	(1.066.471)	966.439
Thuế GTGT	13.535	145.168	(147.968)	10.735
Thuế TNDN	224.962	1.169.233	(572.971)	821.224
Các loại thuế khác	33.353	445.012	(343.885)	134.480
Các khoản phải nộp khác	-	1.647	(1.647)	-
	269.722	1.762.806	(1.066.778)	965.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN VÀ CÁC QUỸ

24.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị: triệu đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>Thặng dư cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>Vốn đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 01 tháng 01 năm 2021	11.750.000	400.000	(1.040.655)	12.958	731.810	244.685	608	4.775.413	16.874.819
Tăng vốn trong năm	3.525.000	-	-	-	-	-	-	(3.524.976)	24
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	4.034.740	4.034.740
Trích lập quỹ	-	-	-	-	200.426	101.109	-	(301.535)	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	91.710	1.040.655	-	-	-	-	-	1.132.365
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(178)	-	-	-	(178)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	(9.561)	-	(4.276)	-	13.837	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(3.985)	(3.985)
Ngày 01 tháng 01 năm 2022	15.275.000	491.710	-	3.397	932.058	341.518	608	4.993.494	22.037.785
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	4.616.213	4.616.213
Trích lập quỹ	-	-	-	-	412.709	206.354	-	(619.063)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chia cổ tức bằng cổ phiếu	4.582.500	(458.250)	-	-	-	-	-	(4.124.250)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	19.857.500	33.460	-	3.397	1.344.767	547.872	608	4.866.394	26.653.998

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng đã phát hành thành công 14.250.000 cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động (“ESOP”), nâng tổng số cổ phiếu phát hành của Ngân hàng lên 2.000.000.000 cổ phiếu, vốn điều lệ tương ứng 20.000 tỷ đồng. Tại ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng chưa ghi nhận việc tăng vốn điều lệ do chưa có quyết định của NHNN về việc sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, NHNN đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam, Ngân hàng đã ghi nhận vốn điều lệ tăng lên 20.000 tỷ đồng từ thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

24.2 Vốn cổ phần

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>cổ phiếu</i>	<i>cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000.000	1.527.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000.000	1.527.500.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000.000	1.527.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000.000	1.527.500.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000.000	1.527.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

Danh sách cổ đông lớn sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của Ngân hàng như sau

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Số cổ phiếu</i>		<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>phổ thông</i>	<i>%</i>	<i>phổ thông</i>	<i>%</i>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (*)	120.965.367	6,05	93.050.283	6,09
Công ty cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Thành Vinh (**)	106.652.730	5,33	63.543.640	4,16

(*) Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 955/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên số 0100684378 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 8 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

(**) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2901953072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 15 tháng 10 năm 2018.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh đã thực hiện giao dịch mua cổ phiếu của Ngân hàng, tăng sở hữu lên 106.652.730 cổ phiếu, tương đương 5,33% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Ngân hàng.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh đã thực hiện giao dịch bán cổ phiếu của Ngân hàng, giảm sở hữu xuống còn 92.635.730 cổ phiếu tương đương 4,63% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Thu nhập lãi tiền gửi	228.547	77.311
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	10.270.547	7.588.621
Thu nhập lãi chứng khoán đầu tư	2.030.171	1.792.785
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	268.965	188.541
Thu nhập lãi nghiệp vụ mua bán nợ	-	178.799
Thu khác từ hoạt động tín dụng	453.884	512.534
	13.252.114	10.338.591

26. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Trả lãi tiền gửi	3.404.093	3.057.616
Trả lãi tiền vay	845.561	341.605
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	625.349	690.695
Chi phí hoạt động tín dụng khác	55.320	32.431
	4.930.323	4.122.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.605.101	3.248.448
Thu từ dịch vụ thanh toán	830.289	665.040
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	3.466	5.681
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	269.218	1.853.101
Thu từ dịch vụ khác	502.128	724.626
Chi phí hoạt động dịch vụ	(492.637)	(375.009)
Chi về dịch vụ thanh toán	(264.189)	(219.923)
Chi về hoạt động ngân quỹ	(11.195)	(9.008)
Chi từ dịch vụ khác	(217.253)	(146.078)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.112.464	2.873.439

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	5.366.265	1.946.137
Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng	999.045	474.960
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	4.367.220	1.471.177
Chi phí về hoạt động kinh doanh ngoại hối	(4.365.824)	(1.563.373)
Chi về kinh doanh ngoại tệ và vàng	(180.454)	(40.854)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(4.185.370)	(1.522.519)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.000.441	382.764

29. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(216)	(406)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(1.812)	2.437
Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(2.028)	2.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.894.599	2.039.698
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(1.223.482)	(1.327.199)
Hoàn nhập/(Trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.005	(362.863)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	683.122	349.636

31. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động khác	760.999	1.254.834
Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro	448.922	807.680
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	-	21.084
Thu nhập từ chuyển nhượng thanh lý tài sản	1.762	3.141
Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	1.039	4.897
Thu nhập khác	309.276	418.032
Chi phí cho hoạt động khác	(1.183.995)	(592.242)
Chi về nghiệp vụ mua bán nợ	(2)	(54.200)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(24)	(16.073)
Chi phí khác	(1.183.969)	(521.969)
Lãi thuần từ hoạt động khác	(422.996)	662.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THU NHẬP GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, đầu tư mua cổ phần	880	-
Thu từ thanh lý công ty con	-	101.901
Các khoản chi phí khác cho góp vốn mua cổ phần	-	(365)
	880	101.536

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	81.597	63.724
Chi phí cho nhân viên	2.647.866	2.397.659
Chi lương và phụ cấp	2.341.959	2.175.598
Các khoản chi đóng theo lương	174.963	146.976
Chi trợ cấp	58.635	45.517
Các khoản chi khác	72.309	29.568
Chi về tài sản	574.742	526.152
Khấu hao tài sản cố định	103.323	96.967
Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	99.705	102.064
Thuê tài sản	317.160	267.330
Mua sắm công cụ lao động	37.082	45.960
Chi bảo hiểm tài sản	17.472	13.831
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.055.338	877.583
Công tác phí	47.707	33.928
Chi quảng cáo, khuyến mãi	184.833	156.947
Chi thuê chuyên gia, tư vấn	80.025	32.021
Chi hoạt động quản lý công vụ khác	742.773	654.687
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	66.303	67.159
(Hoàn nhập)/Trích lập chi phí dự phòng (không tính chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán)	2.118	(364)
	4.427.964	3.931.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Trích lập dự phòng cho vay khách hàng	495.517	2.208.648
Hoàn nhập dự phòng phải thu nợ đã bán	(17.010)	(640.782)
	478.507	1.567.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) HIỆN HÀNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	5.787.203	5.088.463
Các khoản điều chỉnh		
- Chi phí không được khấu trừ thuế	10.475	4.642
	(904)	-
- Thu nhập không chịu thuế		
- Biến động các chênh lệch tạm thời	(203.028)	(45.823)
- Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế (Lợi thế thương mại, thanh lý TSCĐ, thanh lý công ty con)	9.929	133.929
Thu nhập tính thuế	5.603.675	5.181.211
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	5.603.675	5.179.403
- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	1.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.120.735	1.036.241
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.120.735	1.035.879
- Chi phí thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	362
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	50.244	17.497
Thuế TNDN trong năm	1.170.979	1.053.738
Thuế TNDN phải trả đầu năm	222.834	168.248
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào lợi nhuận năm trước (AMC)	-	3.460
Thuế TNDN đã trả trong năm	(573.278)	(990.807)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(11.805)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	820.535	222.834
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	11	(15)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng.

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (triệu đồng) (*)	4.473.713	4.034.740
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm (cổ phiếu) (**)	<u>1.986.921.233</u>	<u>1.950.552.922</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>2.252</u>	<u>2.069</u>

(*) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông đã được điều chỉnh do Ngân hàng phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP 2022”). Phương án phát hành ESOP 2022 được quy định chi tiết trong Tờ trình số 32/2022/BC-HĐQT ngày 4/04/2022 và được ĐHĐCĐ phê duyệt theo Nghị quyết số 30/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022.

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành và lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được điều chỉnh cho mục đích so sánh do trong năm 2022 Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 30%.

37. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau đây:

	<u>Ngày 31 tháng 12</u> <u>năm 2022</u>	<u>Ngày 31 tháng 12</u> <u>năm 2021</u>
	<u>triệu đồng</u>	<u>triệu đồng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	1.393.551	1.524.098
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	3.689.730	3.056.674
Tiền gửi tại các TCTD khác không kỳ hạn	9.763.592	8.140.594
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 92 ngày	19.600.048	11.768.600
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	<u>599.362</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35.046.283

24.489.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

38.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Bất động sản	135.999.992	104.526.594
Động sản	13.297.846	13.265.140
Giấy tờ có giá	48.828.117	43.474.512
Tài sản khác	224.652.264	186.315.446
	422.778.219	347.581.692

38.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Giấy tờ có giá	10.188.500	17.923.000
	10.188.500	17.923.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	6.091	5.386
II. Thu nhập của cán bộ công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	2.484.920	1.754.897
2. Tổng thu nhập	2.487.355	1.757.942
3. Tiền lương bình quân/tháng	34,00	27,15
4. Thu nhập bình quân/tháng	34,03	27,20

40. CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Bảo lãnh vay vốn	33.980	70.591
Cam kết giao dịch hối đoái	223.775.857	241.920.764
Cam kết mua ngoại tệ	1.408.572	5.288.413
Cam kết bán ngoại tệ	1.407.285	5.297.947
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	220.960.000	231.334.404
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	9.141.549	9.529.543
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	9.575.780	9.827.025
- Trừ: Tiền ký quỹ	(434.231)	(297.482)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Bảo lãnh khác	20.444.318	15.331.738
Cam kết bảo lãnh thanh toán	4.528.714	2.892.812
Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	4.539.156	3.728.934
Cam kết bảo lãnh dự thầu	798.158	1.081.072
Cam kết bảo lãnh khác	11.508.786	8.494.992
- Trừ: Tiền ký quỹ	(930.496)	(866.072)
Các cam kết khác	16.451.969	8.434.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Lãi cho vay chưa thu được	779.123	1.390.185
Lãi chứng khoán chưa thu được	-	617.433
Lãi tiền gửi chưa thu được	-	34.580
Phí phải thu chưa thu được	59	59
	779.182	2.042.257

42. nợ khó đòi đã xử lý

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	4.752.064	4.262.710
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	8.869.928	7.183.577
Các khoản nợ khác đã xử lý	2.438	-
	13.624.430	11.446.287

43. tài sản và chứng từ khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Kim loại quý, đá quý giữ hộ	-	2.930
Tài sản khác giữ hộ	21.340.752	14.587.786
Tài sản thuê ngoài	4.892	3.055
TSBĐ nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý	5.120	5.120
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	93.515.419	91.463.839
	114.866.183	106.062.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - ▶ có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); và
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (“VNPT”) – Cổ đông lớn		
Tiền gửi	(2.489.341)	(936.304)
Các khoản phải trả khác	(45.698)	(23.462)
Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Thành Vinh – Cổ đông lớn		
Tiền gửi	(7.014)	-
CTCP Đầu tư TNG Holding Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(1.041)	(2.182)
Tiền vay	44	-
CTCP Dịch vụ và nền tảng tài chính kỹ thuật số TNEX – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tiền gửi	(4.060)	(12.676)
Các khoản phải trả khác	(15)	(15)
Tiền vay	41	-
Phải thu phí	1	-
CTCP FamilyMart Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(576)	(85)
CTCP TNG Asset – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(1.689)	-
CTCP TNC Holdings – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(3.957)	-
CTCP FANNY Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(2.002)	-
CTCP Hàng tiêu dùng TNC – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(836)	-

45. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (tiếp theo):

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
CT TNHH KEM CS Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(1.064)	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này		
Tiền gửi	(91.139)	(51.646)
Tiền vay	53.811	30.475
Các khoản phải thu khác	202	122
Các khoản phải trả khác	(897)	(652)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (“VNPT”) – Cổ đông lớn		
Chi phí lãi tiền gửi	(75.979)	(23.487)
Thu nhập từ phí dịch vụ	-	2
CTCP Đầu tư TNG Holding Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(5)	(12)
Thu nhập từ phí dịch vụ	145	152
Thu nhập lãi tiền vay	1	-
CTCP Dịch vụ và nền tảng tài chính kỹ thuật số TNEX – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(42)	(30)
Thu nhập từ phí dịch vụ	70	37
Thu nhập từ lãi cho vay	1	-
CTCP FamilyMart Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(1)	-
CTCP TNG Asset – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(3)	-
CTCP TNC Holdings – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(12)	-
CTCP FANNY Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(3)	-
CTCP Hàng tiêu dùng TNC – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(1)	-
CT TNHH KEM CS Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(1)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này

Thù lao Hội đồng quản trị	(16.363)	(18.421)
Thù lao của Ban kiểm soát	(4.783)	(4.783)
Lương của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc	(35.689)	(27.985)
Thu nhập lãi tiền vay	1.295	1.705
Thu nhập từ phí dịch vụ	64	263
Chi phí lãi tiền gửi	(2.675)	(2.112)
Chi phí lãi giấy tờ có giá	-	(7)

46. BÁO CÁO BỘ PHẬN

46.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh năm 2022 như sau:

	<i>Tài chính ngân hàng</i>	<i>Khác</i>	<i>Loại trừ giao dịch/số dư nội bộ</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
I. Doanh thu	35.935.715	-	(13.043.752)	22.891.963
1. Doanh thu lãi	26.277.328	-	(13.025.214)	13.252.114
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	1.605.139	-	(38)	1.605.101
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	8.053.248	-	(18.500)	8.034.748
II. Chi phí	(29.641.579)	-	13.015.326	(16.626.253)
1. Chi phí lãi	(17.955.540)	-	13.025.217	(4.930.323)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(103.376)	-	53	(103.323)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(11.582.663)	-	(9.944)	(11.592.607)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	6.294.136	-	(28.426)	6.265.710
Chi phí dự phòng rủi ro	(497.007)	-	18.500	(478.507)
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.797.129	-	(9.926)	5.787.203

Tài sản và công nợ theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Tài chính		Loại trừ giao dịch/số dư nội bộ	Tổng cộng
	ngân hàng	Khác		
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
III. Tài sản	214.866.445	-	(2.090.587)	212.775.858
1. Tiền mặt	1.393.551	-	-	1.393.551
2. Tài sản cố định	383.125	-	(252)	382.873
3. Tài sản khác	213.089.769	-	(2.090.335)	210.999.434
IV. Nợ phải trả	187.540.275	-	(1.418.415)	186.121.860
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	2.824.965	-	(60.698)	2.764.267
2. Nợ phải trả nội bộ	964.796	-	-	964.796
3. Nợ phải trả khác	183.750.514	-	(1.357.717)	182.392.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

46.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

	<i>Miền Bắc</i>	<i>Miền Trung</i>	<i>Miền Nam</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
I. Kết quả kinh doanh bộ phận				
1. Tổng doanh thu	17.316.095	985.362	4.590.506	22.891.963
2. Tổng chi phí hoạt động	15.020.411	420.856	1.663.493	17.104.760
Tổng lợi nhuận trước thuế	2.295.684	564.506	2.927.013	5.787.203
II. Tài sản	172.910.272	7.664.716	32.200.870	212.775.858
III. Nợ phải trả	148.671.128	7.325.437	30.125.295	186.121.860

47. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	<i>Tổng dư nợ cho vay (cho vay khách hàng và các TCTD khác)</i>	<i>Tổng tiền gửi huy động (tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và vay các TCTD khác)</i>	<i>Các cam kết tín dụng</i>	<i>Công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị hợp đồng)</i>	<i>Kinh doanh và đầu tư chứng khoán</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Trong nước	130.523.502	157.104.124	29.619.847	149.544.877	31.593.374
Nước ngoài	-	10.390.815	-	-	-
Tổng	130.523.502	167.494.939	29.619.847	149.544.877	31.593.374

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

48. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”)

Ngân hàng định hướng trở thành một tổ chức tài chính đa năng. Do vậy, ngân hàng cung cấp đa dạng các loại hình sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng nhằm hướng tới mục tiêu trên, đồng thời đảm bảo lợi nhuận kỳ vọng. Việc tham gia các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt mục tiêu lợi nhuận nhưng cũng phát sinh rủi ro cần phải được quản lý chặt chẽ. Rủi ro được quản lý thông qua áp dụng hạn mức nhằm kiểm soát chủ động rủi ro, đồng thời thực hiện các biện pháp/ công cụ phòng ngừa để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu báo cáo tình hình tài chính của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình QLRR tín dụng, Ngân hàng đã ban hành đầy đủ và sử dụng có hiệu quả các văn bản về QLRR tín dụng, trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và đặc biệt các giấy tờ có giá thanh khoản cao. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc QLRR cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung. Theo đó, toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện, cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

48.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng đã duy trì một chính sách QLRR tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- ▶ thiết lập một môi trường QLRR tín dụng phù hợp;
- ▶ hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- ▶ duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- ▶ đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

48. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)**48.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Ngân hàng tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng Tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản bằng với giá trị ghi sổ (không bao gồm dự phòng) của nhóm tài sản đó trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

	<i>Nợ đủ tiêu chuẩn triệu đồng</i>	<i>Nợ cần chú ý triệu đồng</i>	<i>Nợ dưới tiêu chuẩn triệu đồng</i>	<i>Nợ nghỉ ngờ triệu đồng</i>	<i>Nợ có khả năng mất vốn triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Tiền gửi có kỳ hạn tại và cho vay các TCTD khác	29.480.008	-	-	-	-	29.480.008
Cho vay khách hàng	116.900.964	1.673.825	616.555	442.851	1.009.347	120.643.542
Chứng khoán nợ do các TCTD, TCKT trong nước phát hành	14.677.338	-	-	-	-	14.677.338
Tài sản có rủi ro tín dụng khác	2.481.159	-	-	-	-	2.481.159
Tổng cộng	163.539.469	1.673.825	616.555	442.851	1.009.347	167.282.047

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

Các khoản nợ đủ tiêu chuẩn bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 11. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản này trong tương lai. Các khoản nợ cần chú ý bao gồm các khoản nợ nhóm 2 theo quy định của Thông tư 11. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ. Các khoản nợ dưới tiêu chuẩn bao gồm các khoản nợ nhóm 3 theo quy định của Thông tư 11. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng không có khả năng thu hồi nợ gốc và lãi khi đến hạn, có khả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

năng tổn thất. Các khoản nợ nghi ngờ bao gồm các khoản nợ nhóm 4 theo quy định của Thông tư 11. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng có khả năng tổn thất cao. Các khoản nợ có khả năng mất vốn bao gồm các khoản nợ nhóm 5 theo quy định của Thông tư 11. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng không còn khả năng thu hồi, mất vốn.

Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

48. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)**48.2 Rủi ro thị trường****48.2.1 Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, nợ phải trả và cam kết ngoại bảng của Ngân hàng phát sinh do:

- ▶ Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất;
- ▶ Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn ;
- ▶ Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;
- ▶ Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Các khoản mục (tài sản, nợ phải trả, khoản mục ngoại bảng) nhạy cảm với lãi suất là các khoản mục có thu nhập/chi phí/giá thay đổi khi lãi suất thay đổi. Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc ngày đáo hạn/ngày đến hạn từng phần của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và công nợ của Ngân hàng :

- ▶ Khoản mục không chịu lãi suất (không bị định giá lại lãi suất) bao gồm nhưng không giới hạn: tiền mặt, vàng bạc đá quý, tiền gửi NHNN chứng khoán kinh doanh, phụ trội, chiết khấu, các khoản lãi, phí phải thu, đầu tư dài hạn, tài sản cố định, chứng khoán đầu tư (chứng khoán vốn);
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất của các khoản chứng khoán đầu tư, khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá, công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn theo hợp đồng (đáo hạn toàn phần hoặc từng phần) tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất và và thời gian đáo hạn theo hợp đồng (tùy theo ngày nào đến trước), tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn theo hợp đồng của từng khoản nợ ;
- ▶ Thời gian định lại lãi suất của các tài sản cố khác và tài sản nợ khác được xếp loại căn cứ vào tính chất nhạy cảm lãi suất của từng loại tài sản và theo thời hạn định lại lãi suất/thời gian đáo hạn của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chính sách lãi suất của Ngân hàng

Ban Điều hành định kỳ rà soát và thực hiện kiểm soát chặt chẽ các rủi ro lãi suất tiềm tàng trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Thực hiện đầy đủ các biện pháp cân đối cơ cấu tài sản – nguồn vốn nhằm giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng trước các biến động bất lợi của lãi suất thị trường và đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN, của Ngân hàng và các chỉ tiêu hạn mức đã được đặt ra.

Lãi suất thực tế cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại *Thuyết minh số 10* và *Thuyết minh số 22*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

48. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

48.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

48.2.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

	<i>Quá hạn</i>	<i>Không chịu lãi</i>	<i>Thời hạn định lại lãi suất</i>					<i>Tổng cộng</i>	
			<i>Đến 1 tháng</i>	<i>Từ 1 – 3 tháng</i>	<i>Từ 3 – 6 tháng</i>	<i>Từ 6 – 12 tháng</i>	<i>Từ 1 – 5 năm</i>		<i>Trên 5 năm</i>
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	1.393.551	-	-	-	-	-	-	1.393.551
Tiền gửi tại NHNN	-	3.689.730	-	-	-	-	-	-	3.689.730
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	125.047	29.776.145	5.124.589	3.343.410	790.301	84.108	-	39.243.600
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	158.403	(153.246)	409.287	40.478	(8.578)	-	446.344
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	39.287	-	-	-	-	-	-	39.287
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	3.970.969	-	31.727.474	41.176.682	21.612.897	12.544.789	9.371.981	238.750	120.643.542
Chứng khoán đầu tư (*)	-	(972.554)	450.000	3.091.000	2.800.000	5.378.385	9.135.446	11.671.810	31.554.087
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	10.036	-	-	-	-	-	-	10.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tài sản cố định	-	382.873	-	-	-	-	-	-	382.873
Tài sản Có khác (*)	78.728	16.242.308	2.400	2.400	3.600	7.200	57.600	513.880	16.908.116
Tổng tài sản	4.049.697	20.910.278	62.114.422	49.241.425	28.169.194	18.761.153	18.640.557	12.424.440	214.311.166
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	1.650	-	-	1.001.621	11.289	-	1.014.560
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	40.015.317	4.586.685	5.772.158	-	-	-	50.374.160
Tiền gửi của khách hàng	-	-	52.665.656	11.877.826	31.077.030	16.707.517	4.792.666	84	117.120.779
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	115.298	24.765	40.135	3.013.116	8.406.200	-	11.599.514
Các khoản nợ khác (*)	-	6.012.847	-	-	-	-	-	-	6.012.847
Tổng nợ phải trả	-	6.012.847	92.797.921	16.489.276	36.889.323	20.722.254	13.210.155	84	186.121.860
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	4.049.697	14.897.431	(30.683.499)	32.752.149	(8.720.129)	(1.961.101)	5.430.402	12.424.356	28.189.306

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

48. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)**48.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)****48.2.2 Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá .

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam (“VND”). Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND và USD. Các tài sản khác có gốc ngoại tệ của Ngân hàng chủ yếu là USD, một phần là EUR và các đồng tiền khác. Ngân hàng đã thiết lập một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền, dựa trên các quy định của NHNN và dựa quy định nội bộ của Ngân hàng. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

	<i>EUR quy đổi</i>	<i>USD quy đổi</i>	<i>Ngoại tệ khác quy đổi</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	77.034	267.146	171.238	515.418
Tiền gửi tại NHNN	1.625	481.684	-	483.309
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	61.923	3.849.294	211.928	4.123.145
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	6.939.319	-	6.939.319
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	-	6.854.916	-	6.854.916
Tài sản Có khác (*)	17.696	1.764.540	19.410	1.801.646
Tổng tài sản	158.278	20.156.899	402.576	20.717.753
Nợ phải trả				
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	14.588	-	14.588
Tiền gửi và vay các TCTD khác	34.760	12.651.285	111.658	12.797.703
Tiền gửi của khách hàng	108.884	8.616.955	83.836	8.809.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<i>EUR quy đổi</i>	<i>USD quy đổi</i>	<i>Ngoại tệ khác quy đổi</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	4.922	-	139.538	144.460
Các khoản nợ khác (*)	8.665	524.516	21.580	554.761
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	157.231	21.807.344	356.612	22.321.187
Trạng thái tiền tệ nội bảng	1.047	(1.650.445)	45.964	(1.603.434)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	714.492	(7.185)	707.307
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	1.047	(935.953)	38.779	(896.127)

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

48. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

48.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do ngân hàng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Ngân hàng đã duy trì một chính sách QLRR thanh khoản đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- ▶ Luôn duy trì danh mục tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo nhu cầu thanh toán, và thường xuyên đánh giá tính thanh khoản thị trường của danh mục này;
- ▶ Luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động huy động vốn, tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn; hiểu rõ mối quan hệ qua lại của rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng;
- ▶ Thiết lập các giới hạn rủi ro thanh khoản dựa trên kết quả dự báo thanh khoản trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng; ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản.

Thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến các ngày đáo hạn/ngày đáo hạn từng phần theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng :

- ▶ Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc được coi là loại tài sản có khả năng thanh toán ngay ;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán được tính dựa trên mục đích đầu tư:
 - Đối với chứng khoán kinh doanh: được coi là loại chứng khoán có tính thanh khoản cao và có thể thanh toán ngay trong vòng 1 tháng ;
 - Đối với các loại chứng khoán đầu tư khác được phân bổ dựa vào ngày đáo hạn theo hợp đồng của từng loại chứng khoán ;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay/đi vay các TCTD và các khoản tiền gửi/cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn/ngày đáo hạn từng phần của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn. Trong thực tế, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn của khách hàng có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản cho vay khách hàng từ mua nợ được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng vay theo quy định ;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư tài sản cố định, góp vốn mua cổ phần được coi là dài hạn do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định ;
- ▶ Thời gian đến hạn của các hợp đồng phái sinh (Swap, Forward) được xác định theo kỳ hạn hợp đồng của giao dịch trên cơ sở bù trừ giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- ▶ Thời gian đến hạn của các tài sản có khác và tài sản nợ khác được xếp loại căn cứ vào đặc điểm thanh toán của từng loại tài sản .

Phân loại tài sản và công nợ theo thời hạn gốc quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

48. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

48.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<i>Quá hạn</i>		<i>Trong hạn</i>					<i>Tổng cộng</i>
	<i>Trên 3 tháng</i>	<i>Đến 3 tháng</i>	<i>Đến 1 tháng</i>	<i>Từ 1 đến 3 tháng</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.393.551	-	-	-	-	1.393.551
Tiền gửi tại NHNN	-	-	3.689.730	-	-	-	-	3.689.730
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	29.650.783	5.188.053	4.197.184	207.580	-	39.243.600
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	39.287	-	-	-	-	39.287
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	158.403	(153.246)	449.765	(8.578)	-	446.344
Cho vay khách hàng và mua nợ(*)	2.068.752	1.902.217	6.657.524	15.687.425	36.102.681	31.325.453	26.899.490	120.643.542
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	299.684	67.446	7.028.385	11.486.762	12.671.810	31.554.087
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	10.036	10.036
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	382.873	382.873
Tài sản Có khác (*)	75.813	2.915	869.393	3.935.484	5.271.359	1.065.102	5.688.050	16.908.116
Tổng tài sản	2.144.565	1.905.132	42.758.355	24.725.162	53.049.374	44.076.319	45.652.259	214.311.166
Nợ phải trả								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các khoản nợ NHNN	-	-	1.650	-	1.001.629	11.281	-	1.014.560
Tiền gửi của và vay các TCTD khác	-	-	35.409.512	5.502.416	8.400.232	1.062.000	-	50.374.160
Tiền gửi của khách hàng	-	-	52.665.656	11.877.827	47.784.546	4.792.666	84	117.120.779
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	115.300	24.790	3.053.250	8.406.174	-	11.599.514
Các khoản nợ khác (*)	-	-	2.423.686	600.603	1.999.420	988.003	1.135	6.012.847
Tổng nợ phải trả	-	-	90.615.804	18.005.636	62.239.077	15.260.124	1.219	186.121.860
Mức chênh thanh khoản ròng	2.144.565	1.905.132	(47.857.449)	6.719.526	(9.189.703)	28.816.195	45.651.040	28.189.306

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

49. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 06 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây trên báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi tại các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng và các TCTD khác, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất thành một trong các loại sau:

▶ ***Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ***

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ.

▶ ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▶ ***Các khoản cho vay và phải thu***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường ngoại trừ:

- Các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì để kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;
- Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

49. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Tài sản tài chính** (tiếp theo)**► Tài sản sẵn sàng để bán**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác, phát hành giấy tờ có giá và các khoản phải trả tài chính khác và các khoản phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

► Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi lỗ

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ.

► Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi lỗ sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Ngân hàng xác định giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất nếu và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

49. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>						
	<i>Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua lãi</i>		<i>Tài sản và nợ khác ghi nhận theo giá trị phân bổ</i>			<i>Tổng cộng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
	<i>Giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>Cho vay và phải thu</i>	<i>Sẵn sàng để bán</i>	<i>theo giá trị phân bổ</i>	<i>triệu đồng</i>		
<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1.393.551	-	-	-	-	1.393.551	1.393.551
Tiền gửi tại NHNN	-	-	3.689.730	-	-	3.689.730	(*)
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	39.243.600	-	-	39.243.600	(*)
Chứng khoán kinh doanh	39.287	-	-	-	-	39.287	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	120.643.542	-	-	120.643.542	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	446.344	-	-	-	-	446.344	(*)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	31.554.087	-	31.554.087	(*)
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	10.036	-	10.036	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tài sản tài chính khác	-	-	16.382.929	-	-	16.382.929	(*)
	1.879.182	-	179.959.801	31.564.123	-	213.403.106	
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	1.014.560	1.014.560	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	50.374.160	50.374.160	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	117.120.779	117.120.779	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	11.599.514	11.599.514	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	4.357.174	4.357.174	(*)
	-	-	-	-	184.466.187	184.466.187	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

50. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng đã phát hành thành công 14.250.000 cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động (“ESOP”), nâng tổng số cổ phiếu phát hành của Ngân hàng lên 2.000.000.000 cổ phiếu, vốn điều lệ tương ứng 20.000 tỷ đồng. Tại ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng chưa ghi nhận việc tăng vốn điều lệ do chưa có quyết định của NHNN về việc sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, NHNN đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam, Ngân hàng đã ghi nhận vốn điều lệ tăng lên 20.000 tỷ đồng từ thời điểm này.

Ngoài ra, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng và các công ty con và kết quả hoạt động của Ngân hàng và các công ty con cần phải thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

51. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀ VÀNG SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
USD	23.600	22.800
EUR	25.261	25.988
GBP	28.800	31.246
CHF	25.618	24.734
JPY	179	199
SGD	17.578	17.075
CAD	17.463	17.994
AUD	16.282	16.860

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Bà Đường Thị Thu Hà

Giám đốc Báo cáo tài chính

Bà Phùng Thùy Nhung

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hoàng Linh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 06 tháng 03 năm 2023
